FDVN LAWFIRM

TỔNG HỢP

10 BẢN ÁN VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TÒA ÁN CHẤP NHẬN TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

fdvnlawfirm@gmail.com

0772 096 999

www.fdvn.vn www.fdvnlawfirm.vn www.luatsufdvn.vn

MỤC LỤC
TỔNG HỢP 10 BẢN ÁN VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TÒA ÁN CHẤP NHẬN TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

STT	TÓM TẮT NỘI DUNG	TRANG
1	**Bản án số 24/2023/HS-PT ngày 13/03/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức"** **Tóm tắt nội dung:** Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S,thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng hoạt động theo Quy chế làm việc Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31-12-2019 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, bao gồm: Thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tham mưu giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong phạm vi địa bàn quản lý; kiểm tra điều kiện đăng ký; thẩm tra, chuẩn bị hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; xác nhận nội dung thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp đăng ký biến động không phải cấp Giấy chứng nhận mới,… Dương Thị Ngọc A được tuyển dụng làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S với nhiệm vụ được phân công là kiểm tra, xử lý, cập nhật thông tin biến động vào cơ sở dữ liệu hồ sơ chuyển quyền toàn bộ (giai đoạn 1) và chuyển thuế hồ sơ; gia hạn tiến độ sử dụng đất; điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất; báo cáo định k về danh sách người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam; cung cấp thông tin về đất đai cho các tổ chức có liên quan. Khoảng tháng 04/2020, do cần tiền trả nợ cá nhân, Dương Thị Ngọc A lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (Sau đây viết tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của người dân nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho Đào Thị Như L để nhờ L thế chấp vay cho 01 tỷ đồng; A nói với L là khi đến hạn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì A s đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới để L đổi lấy lại giấy cũ rồi đưa lại cho A.	01-18

Thời điểm này, Đào Thị Như L đã vay tiền của nhiều tổ chức tín dụng và cá nhân mà không có khả năng trả, bị áp lực đòi nợ từ người cho vay ngoài xã hội, nên nói với Dương Thị Ngọc A tiếp tục đưa cho L các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để L đưa cho các chủ nợ nhằm giãn nợ, để kéo dài thời gian qua giai đoạn khủng hoảng bất động sản. Do vậy, A tiếp tục nhiều lần lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho L mượn; lần ít nhất lấy 01 giấy và lần nhiều nhất lấy 05 giấy. Đến tháng 8/2020, khi vụ việc bị phát hiện thì tổng số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A đưa cho L đang bị các chủ nợ của L quản lý, chiếm giữ.

Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đào Thị Như L: Từ tháng 01 đến tháng 7-2020, Đào Thị Như L có hành vi đưa thông tin gian dối để nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng các thửa đất hoặc tự ý sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A đưa cho người khác nói là tài sản của mình chưa sang tên để làm tin, qua đó nhận và chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 41,4 tỷ đồng.

Về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Đào Thị Như L: Từ ngày 26 đến 31-3-2020, ông Phạm T cho Đào Thị Như L vay tổng cộng 40 tỷ đồng, với lãi suất 05%/ tháng và thời hạn vay là 30 ngày; khi nhận tiền vay thì ông T trừ trước 01 tháng tiền lãi. Do đến hạn nhưng không có tiền trả nợ vay nên đến ngày 08-5-2020, ông T gây áp lực để L ký vào "Hợp đồng thỏa thuận về việc đặt cọc mua bán bất động sản", với tài sản là 03 lô đất thuộc khu nhà hàng dọc tuyến S – Đ, thuộc phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 150 tỷ đồng, đặt cọc 50 tỷ đồng để gán nợ. Thực chất không có việc giao nhận tiền như các điều khoản của Hợp đồng quy định, mà số tiền đặt cọc 50 tỷ đồng là tiền L nợ ông T chuyển qua.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc A phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng t , nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày; bị cáo còn phải thụ hình 04 (bốn) năm 11

(mười một) tháng 04 (bốn) ngày t . Thời hạn t tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Như L phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Đào Thị Như L 05 (năm) năm t về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; t chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm t về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Đào Thị Như L phải thi hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện VKS cho rằng; Đào Thị Như L đã thế chấp 03 lô đất ven biển cho ngân hàng Agribank để vay hơn 270 tỷ đồng nhưng nói dối ông T là ch vay 75 tỷ đồng, sau đó tiếp tục làm giả "Văn bản thỏa thuận ba bên" số 01/062020/VBTT ngày ..... /06/2020 và ghi số tiền để giải chấp là 75 tỷ đồng cho ph hợp với 03 hợp đồng đặt cọc làm giả đã giao cho ông T. Sau đó thoả thuận chuyển nhượng cho ông T 150 tỷ đồng để mục đích là chiếm đoạt tiền cọc của ông T 50 tỷ đồng; Như vậy L đã có dấu hiệu phạm 02 tội, đó là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 40 tỷ đồng và Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10 tỷ đồng của ông Phạm T. Mặt khác; chỉ trong thời gian ngắn L chiếm đoạt và sử dụng được số lượng tiền lớn trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19. Vậy số lượng hơn 1.500 tỷ đồng đi đâu ? lệ sử dụng vào mục đích gì ? chưa được làm rõ . Vì vậy, có dấu hiệu của tội rửa tiền và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ, nên cần phải chấp nhận kháng cáo của người bị hại và đề nghị của Viện kiểm sát, hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại có hay không tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[3.1] Xét thấy: Hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Đào Thị Như L có mối quan hệ logic cần phải được điều tra có hệ thống mới xử lý triệt để vụ án. Quá trình điều tra truy tố . Tòa cấp sơ thẩm đã trả điều tra

	bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa tiến hành điều tra hoặc điều tra không đầy đủ, là bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Vì vậy; Tòa án cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung tại phiên tòa được; cần phải hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm về các tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; Tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và Tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với bị cáo Đào Thị Như L và phần hình phạt để điều tra và thu hồi tài sản phạm tội, phân hóa vai trò trách nhiệm hình sự của từng người, xem xét vai trò đồng phạm và nghĩa vụ bồi thường những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời xác định vai trò của Giám đốc Ngân hàng trong các Văn bản thỏa thuận ba bên mà Đào Thị Như L sử dụng để phạm tội. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Ngọc A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và hình phạt của bị cáo Đào Thị Như L. Giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.	
2	**Bản án số 119/2023/HS-PT ngày 14/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định vụ án về tội "Cố ý gây thương tích"** **Tóm tắt nội dung:** Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/4/2020 bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị H kéo ống nước đến trại chế biến cá cơm của bà Nguyễn Thị A để ngăn cản không cho bà A tiếp tục đun nước sôi để chế biến cá cơm vì gây ô nhiễm môi trường, thì giữa bà A với bà L, bà H xảy ra mâu thuẫn. Trong lúc cãi nhau, bà Nguyễn Thị A dùng ca nhựa	19-28

màu cam múc nước đã đun sôi (dùng để trụng cá cơm) tạt vào người bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị H gây thương tích bỏng da.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định giám định tỷ lệ thương tích của bà Lê Thị L và kết luận: bà Lê Thị L bị bỏng nhiệt nước sôi độ I, II diện tích khoảng 18% tại vùng cánh tay phải, vùng hông phải, vùng dưới rốn, vùng tầng sinh môn, vùng đùi hai bên đã điều trị. Hiện tại, cánh tay phải diện bỏng để lại sẹo nông tại vị trí 1/3 trên trước và 1/3 trên sau, không rối loạn điều tiết; vùng hông phải diện bỏng để lại sẹo nông kích thước (10x3)cm, rối loạn điều tiết trên nền rối loạn sắc tố da kích thước (40x18)cm; vùng dưới rốn để lại sẹo kích thước (10x3)cm, rối loạn nội tiết trên nền sắc tố da và sẹo nông kích thước (20x8)cm; vùng bẹn, tầng sinh môn để lại sẹo nông, không rối loại điều tiết; vùng mặt trước đùi hai bên để lại sẹo nông tại đùi trái có sẹo sâu rối loạn điều tiết kích thước (8x4)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 32%.

Cùng ngày, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Định giám định tỷ lệ thương tích của bà Nguyễn Thị H và kết luận: Bà Nguyễn Thị H bị bỏng nhiệt do nước sôi tại vùng ngực trái cạnh núm vú trái đã điều trị. Hiện vùng ngực trái cạnh núm vú trái để lại vùng thâm da không thành sẹo kích thước (2x1) cm, không ảnh hưởng chức năng vú. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, gimr, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến ngày 15/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị A bồi thường cho bà Lê Thị L 75.187.000đ.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

[2.1] Các nhân chứng gồm Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L khai trực tiếp nhìn thấy bị cáo Nguyễn Thị A tạt nước sôi vào người Lê Thị L. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Thị A chỉ thừa nhận có mâu thuẫn đánh nhau với bị hại Lê Thị L, bị cáo không thừa nhận dùng ca nhựa màu cam múc nước đang đun sôi tạt vào người bà Lê Thị L gây thương tích. Như vậy lời khai của người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T và lời khai của bị cáo Á là có mâu thuẫn nhau.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì "*Trong trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất*". Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra, điều tra viên không tiến hành đối chất giữa bị cáo Nguyễn Thị A và người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A khai trong giai đoạn điều tra bị cáo nhiều lần đề nghị được đối chất với người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L nhưng không được cơ quan điều tra chấp nhận nên bị cáo tiếp tục đề nghị được đối chất với Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T. Yêu cầu của bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 nên cần được chấp nhận.

Theo biên bản thực nghiệm điều tra thì cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra cho bà N tạt nước vào các mô hình đã xác định trước là bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H. Việc thực nghiệm điều tra này là trái với quyết định thực nghiệm điều tra và kết quả thực hiện nghiệm điều tra không chính xác vì hình nộm người không di chuyển, còn thực tế khi đánh nhau thì người di chuyển nên lượng nước dính vào hình nộm và người là khác nhau dẫn đến việc người làm chứng Phạm Thị N không đồng ý với kết quả thực nghiệm điều tra vì cho rằng khi đánh nhau thì hai tay phải đánh qua lại, người phải di chuyển tới lui còn mô hình thì đứng im tại chỗ.

Theo lời khai của người làm chứng Hồ Văn L thì sau khi bà A tạt nước sôi vào người bà L thì anh chạy đến đứng giữa bà A và bà L để cản không để bà A tiếp tục tạt nước sôi vào người bà L. Bà A đứng la chửi trên tay vẫn còn cầm ca nhựa, sau đó bỏ đi lòng vòng quanh trại. Như vậy, theo như lời khai của anh Lành thì sau khi bà A tạt nước sôi vào người bà L thì anh Lành đã đến can ngăn và bà A bỏ đi, không có

	lời khai nào của anh Lành thấy bà A tạt nước sôi vào người bà H. Do đó cần phải điều tra làm rõ việc bà H bị bà A tạt nước sôi như thế nào? thời gian, địa điểm tại đâu; có ai chứng kiến việc bị cáo tạt nước sôi vào người bà H hay không? Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra cũng không làm rõ những người làm chứng có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có ai nhìn thấy bị cáo tạt nước sôi vào người bà H hay không? Bản án sơ thẩm cũng không đưa ra căn cứ nhận định việc bị cáo gây thương tích cho bà H như thế nào nhưng kết luận thương tích 01 % của bà H là do bị cáo Á tạt nước sôi gây ra là chưa có căn cứ vững chắc. [4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HSST ngày 15 đến 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H N trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã H N để điều tra lại. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của bị cáo. **Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:** 1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HSST ngày 15 đến 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H N. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã H N điều tra lại. 2. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. 3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.	
3	**Bản án số 34/2020/HS-PT ngày 21/05/2020 của Toà án nhân tỉnh Bình Phước vụ án về tội "Giả mạo trong công tác"** **Tóm tắt nội dung:** Ngày 22/8/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 2755/UBND-VX về việc thực hiện một số nội dung về công tác đào tạo diện dự bị đại học dân tộc và cử tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Bình Phước lập danh sách tham mưu cho UBND tỉnh ra quyết định cho phép học sinh diện cử tuyển năm 2011, 2012 chuyển ngành, học lại chương trình dự bị đại học, thay thế học sinh nghỉ học, không đi học, không đạt yêu cầu [Bút lục số 517]. Lúc này, Hoàng Ngọc H là Phó Trưởng phòng Giáo dục dân tộc (GDDT) thuộc Sở GDĐT tỉnh Bình Phước được giao nhiệm vụ tham mưu làm Tờ trình số 2315/TTr-SGDĐT ngày 05/9/2013 (viết tắt là Tờ trình số 2315) kèm theo danh sách 42 học sinh để Sở tham mưu cho UBND	29-40

tỉnh ban hành quyết định cử học sinh đi học cử tuyển [Bút lục 685-686].

Căn cứ vào Tờ trình số 2315 ngày 05/9/2013 của Sở GDĐT tỉnh Bình Phước, ngày 10/9/2013 UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định 1669/QĐ UBND (viết tắt là Quyết định số 1669) về việc cho phép học sinh diện cử tuyển năm 2011, 2012 lưu ban, chuyển ngành học và thay thế học sinh không đi học, nghỉ học, học không đạt yêu cầu. Kèm theo Quyết định số 1669 là danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 1 đến 42 có dấu Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước đóng giáp lai [Bút lục 682-684]. Qua đối chiếu, danh sách 42 học sinh kèm theo Quyết định số 1669 hoàn toàn trùng khớp với danh sách 42 học sinh kèm theo Tờ trình số 2315 của Sở GDĐT tỉnh Bình Phước.

Khi nhận được Quyết định số 1669 kèm theo danh sách 42 học sinh được cử đi học diện cử tuyển, H được Sở GDĐT tỉnh Bình Phước phân công có trách nhiệm phát hành và gửi quyết định này xuống các trường Đại học, Cao đẳng. Nhưng do bị cáo H có quen biết với ông Trần Quang L là phụ huynh của học sinh Trần Mạnh C3 và ông Nguyễn Thế H3 là người thân của gia đình học sinh Bùi Hoàng Diệu L2 nên H đã tự ý làm lại danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gồm 43 học sinh, mục đích là cho học sinh Trần Mạnh C3 và Bùi Hoàng Diệu L2 được đi học diện cử tuyển [Bút lục 805-808, 895-900], cụ thể: Theo Quyết định số 1669 thì H đã bỏ ra khỏi danh sách 07 học sinh gồm: Mã Thị H4, Lâm Tuấn V2, Tống Thành L3, Điểu Thị K2, Hà Tra M, Đoàn Minh T3, Lê Quang T4 và thay thế, thêm vào danh sách 08 học sinh gồm: Đỗ Hoàng H5, Nông Thị T5, Bùi Hoàng Diệu L2, Trần Mạnh C3, Nông Thị B (Nông Thị Ngọc B), Thạch Hoàng V3, Phạm Hoàng T6 và Ngưu Thành T7. Sau khi làm lại danh sách học sinh, H gửi kèm theo Quyết định số 1669 đến các trường Đại học, Cao đẳng tại thành phố Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Bình Phước. Trong đó danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gửi đến Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXHNV) TPHCM thể hiện có 43 học sinh, có thứ tự từ 1 đến 43 [Bút lục 592-593, 620-621]. Đối với danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gửi đến Trường Dự bị Đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải (GTVT) TPHCM, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM và Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) tỉnh Bình Phước thể hiện có 43 học sinh, có số thứ tự từ 1 đến 42 học sinh, tuy nhiên trong đó có 2 số thứ tự 25 mang tên 2 học sinh khác nhau [Bút lục 607-608, 631-633, 650-651, 664-665].

Ngày 13/3/2017, Sở GDĐT ban hành Tờ trình số 783/TTr-SGDĐT đề nghị UBND tỉnh Bình Phước buộc thôi học và bồi hoàn kinh phí đào

tạo đối với các học sinh Đỗ Hoàng H5, Bùi Hoàng Diệu L2, Trần Mạnh C3, Nông Thị B (Nông Thị Ngọc B), Thạch Hoàng V3, Ngưu Thành T7 và đồng ý cho chuyển trường đối với học sinh Nông Thị T5 và Phạm Hoàng T6 (02 học sinh này có tên trong danh sách đi học diện cử tuyển theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Bình Phước) [Bút lục 568].

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc H phạm tội "Giả mạo trong công tác".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2017 đến ngày 13/02/2018.

Kiến nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án để điều tra xác định ai là người đã làm sai lệch danh sách kèm theo Quyết định số 2152/QĐ-UND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh Bình Phước để xử lý đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

Cùng với danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 kèm theo tài liệu chính là Quyết định số 1669 nêu trên và Quyết định, danh sách kèm theo Quyết định số 1669 thu thập được từ các trường Đại học, Cao đẳng thì có 3 loại danh sách kèm theo Quyết định số 1669 khác nhau; cùng với 3 loại danh sách khác nhau này, mỗi tài liệu thu thập được lại có đặc điểm đóng dấu và hình dấu đóng khác nhau. Đồng thời, theo lời trình bày trên của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cũng có nhiều Tờ trình cùng được lấy số 2315. Trong khi đó, bị cáo thừa nhận bản thân là người trực tiếp soạn thảo, tham mưu Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo 02 (hai) lần: lần đầu là Tờ trình số 2315 có chữ ký nháy của bị cáo và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 trùng khớp với tài liệu chính; lần hai là Tờ trình số 2315 không có chữ ký nháy của bị cáo và danh sách điều chỉnh bổ sung, thay thế gồm 43 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 43. Lời trình bày này có một phần phù hợp với tài liệu thu thập được tại Trường Đại học KHXHNV TPHCM và Trường Đại học Y Dược

TPHCM. Vậy ngoài những tài liệu do bị cáo thừa nhận đã điều chỉnh, còn lại những Tờ trình, danh sách còn lại, cũng như những hình thức Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo khác nhau khác đã thu giữ được do ai soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu, phô tô, phát hành chưa được điều tra thu thập chứng cứ làm rõ. Hơn nữa, Cơ quan điều tra (CQĐT) và Viện kiểm sát (VKS) cấp sơ thẩm đến nay cũng chỉ thu thập được tài liệu là bản phô tô danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669, không thu thập được bản có dấu mộc đỏ của loại tài liệu thứ hai và tài liệu thứ ba nên chưa thể trưng cầu giám định về hình thức, nội dung và mộc hình dấu tròn trên các tài liệu này nên chưa kết luận được chính xác bị cáo là người thực hiện toàn bộ việc soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu và phát hành các tài liệu này hay có đồng phạm giúp sức trong việc thực hiện tội phạm. Trường hợp chỉ xác định có một mình bị cáo thực hiện thì bị cáo đã thực hiện những loại tài liệu nào (tài liệu chính, tài liệu loại thứ hai hay tài liệu loại thứ ba hay cả 03 (ba) loại tài liệu). Nếu xác định có đồng phạm giúp sức thì cụ thể là ai, giúp sức thực hiện những công việc gì, đối với loại tài liệu nào trong việc soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu và phát hành các tài liệu này. Cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ những vấn đề trên mà chỉ mới xác định được bị cáo là người điều chỉnh danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 từ 42 thành 43 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 43 và tuyên bố bị cáo phạm tội là điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm và hành vi phạm tội. Những vấn đề này cần được điều tra, xác minh làm rõ.

Quy trình cử tuyển năm 2013 theo Quyết định số 1806 nêu trên được thực hiện trong thời gian bị cáo H đang phụ trách công tác cử tuyển do ông V đi bồi dưỡng tiếng Anh ở Canada, sau đó ông V trở lại công tác đã tiếp tục tham mưu một số bước trong quy trình cử tuyển này. Trong khi Quyết định số 1669 dựa vào chủ trương tại Công văn số 2755 ngày 22/8/2013, thì Quyết định số 1806 lại dựa vào chủ trương tại Công văn số 2407 ngày 02/8/2013 của UBND tỉnh là có sự mâu thuẫn về mặt thời gian và không theo thông lệ như các năm trước đó (vì theo ông V xác định trong các năm 2011, 2012 thì UBND tỉnh sẽ ban hành Quyết định cử tuyển trước, sau đó mới ban hành Quyết định các trường hợp lưu ban, chuyển ngành học, thay thế học sinh nghỉ học, bỏ học). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh vai trò, trách nhiệm và việc thực hiện nhiệm vụ

Tham mưu công tác cử tuyển của bị cáo và ông V, cũng như những cá nhân khác có liên quan đến các văn bản nêu trên trong giai đoạn này là điều tra chưa đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm

	tội của bị cáo và các cá nhân khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V thừa nhận là người ký nháy trong Công văn số 1722; ông H2 là Giám đốc Sở GDĐT ký Công văn số 1722; ông K là Phó Giám đốc Sở GDĐT ký Công văn số 1778 nêu trên. Riêng bị cáo không thừa nhận là người soạn thảo các tài liệu này. Vậy ai là người soạn thảo các tài liệu này? Mục đích, động cơ phát hành tài liệu này cho các trường Đại học, Cao đẳng, Dự bị Đại học để làm gì? Tại sao đính kèm với Công văn số 1722 lại có thêm danh sách 12 học sinh học lưu ban, chuyển ngành, thay thế các trường hợp nghỉ học, không đạt yêu cầu (trong đó có học sinh Đỗ Hoàng H5, Nông Thị T5) và danh sách này không phải là một trong các danh sách kèm theo Quyết định số 1669 đã nhận định ở trên? Vai trò của bị cáo, ông V, ông K, ông H2 và các cá nhân khác liên quan đến việc soạn thảo, tham mưu, ký nháy, ký phát hành và công tác phát hành, lưu trữ các tài liệu này như thế nào? Những nội dung này chưa được điều tra xác minh làm rõ. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 ; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc H. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để điều tra, xét xử lại.	
4	**Bản án số 43/2023/HS-PT ngày 07/04/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương vụ án về tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"** **Tóm tắt nội dung:** Zhang Y, Luo Quan N (La Toàn N) cùng làm việc tại Công ty TNHH nội thất V, Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B), Liu Y (Lưu Vân H), Tan B (Đàm Bôn Q), Zhang S và Wang Z có mối quan hệ là bạn với nhau, tất cả đều là người có quốc tịch Trung Quốc. Ngày 09/4/2021, La Toàn N mời bạn đến dự tiệc sinh nhật tổ chức tại Công ty TNHH nội thất Vạn H. Khoảng 19 giờ ngày 09/4/2021, lần lượt Hoàng Tưởng B, Lưu Vân H, Đàm Bôn Q, Zhang S và Wang Z đến Công ty TNHH nội thất Vạn H dự tiệc sinh nhật. Đến khoảng 21 giờ sau khi ăn uống xong, Trương Vân P, La Toàn N, Hoàng Tưởng B, Lưu Vân H, Đàm Bôn Q, Zhang S và Wang Z đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chơi bài 05 lá (Trung Quốc), mỗi ván cược 100.000 đồng thì tất cả đồng ý. Trong quá trình đánh bạc Trương Vân P cùng đồng phạm đã sử dụng 04	41-49

bộ bài trong số 12 bộ bài để đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi tất cả đang đánh bạc thì Công an phường H kiểm tra bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc do Trương Vân P cùng đồng phạm thực hiện gồm: 04 bộ bài tây loại 52 lá (đã qua sử dụng); 08 bộ bài tây (chưa qua sử dụng); 80.350.000 đồng trên chiếu bạc.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Zhang Y (Trương Vân P) phạm tội "Đánh bạc" và phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Các bị cáo Luo Quan N (La Toàn N), Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B), Liu Y (Lưu Vân H) và Tan B (Đàm Bôn Q) phạm tội "Đánh bạc".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Zhang Y (Trương Vân P) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung: 05 (năm) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

Luo Quan N (La Toàn N) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Liu Y (Lưu Vân H) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

[2.1] Công ty TNHH nội thất Vạn H (nơi các bị cáo đánh bạc) do bà Trương Thị Thu P là người đại diện theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P và bị cáo Zhang Y xác định Công ty TNHH nội thất Vạn H do bà P điều hành, quản lý, bị cáo Zhang Y chỉ có trách nhiệm tìm kiếm đơn hàng cho Công ty (quá trình điều tra, truy tố, bà P và bị cáo

Zhang Y khai thống nhất bà P chỉ đứng tên đăng ký pháp nhân Công ty TNHH nội thất Vạn H, còn quản lý điều hành công ty là bị cáo Zhang Y). Lời khai của bà P là nguồn chứng cứ quan trọng chứng minh hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Zhang Y và là căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với bà P có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác hay không. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm không đưa bà Trương Thị Thu P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên cấp sơ thẩm không thể kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2.2] Các bị cáo là người nước ngoài (quốc tịch Trung Quốc) không sử dụng được tiếng Việt, cơ quan tiến hành tố tụng phải yêu cầu người phiên dịch theo quy định. Tuy nhiên, giai đoạn đầu quá trình điều tra, cơ quan điều tra yêu cầu người phiên dịch là bà Trương Thị Thu P và ông Vòng Thín S là người không có khả năng phiên dịch và là người có liên quan trong vụ án; bà P có nghĩa vụ đối lập với bị cáo Zhang Y về việc để xảy ra đánh bạc tại trụ sở Công ty TNHH nội thất Vạn H là vi phạm Điều 70 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bà P đều thống nhất khai: bản tự khai của các bị cáo đều do bà P viết có nội dung giống nhau sau đó các bị cáo mới ký vào bản tự khai, vấn đề này có thể làm thay đổi bản chất vụ việc theo ý chí chủ quan của bà P.

Ngày 22/4/2021 bà Phạm Thị Hồng N tham gia với tư cách là người phiên dịch, tuy nhiên đến ngày 05/6/2021 Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương mới có văn bản giới thiệu bà N tham gia là người phiên dịch trong vụ án gửi Công an thị xã U, văn bản gửi cho Công an thị xã U qua đường bưu điện được đóng dấu của bưu điện vào tháng 12/2021.

[2.3] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thể hiện chỗ ở của bị cáo Zhang Y là Công ty TNHH nội thất Vạn H; địa chỉ: khu phố T, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương nhưng đơn xin xác nhận tạm trú (bút lục 455) gửi Tòa án nhân dân thị xã U thể hiện bị cáo tạm trú tại Công ty TNHH K; địa chỉ: thửa đất số XX, tờ bản đồ số XX, khu phố N, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ chỗ ở (tạm trú) của bị cáo Zhang Y để chứng minh bị cáo Zhang Y có sử dụng nơi ở, nơi bị cáo quản lý để cho các bị cáo khác đánh bạc hay không là vi phạm Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

	[2.4] Trong vụ án này các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn 80.350.000 đồng, căn cứ vào mức độ phạm tội, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của các bị cáo so với mức hình phạt 03 năm tù đối với các bị cáo Luo Quan N, Huang Xiang B, Liu Y và Tan B, 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Zhang Y mà cấp sơ thẩm đã tuyên về tội "Đánh bạc" là có phần nhẹ. [3] Do việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được, vi phạm thủ tục tố tụng nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, 1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương để điều tra lại. Chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định chung. 2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.	
5	**Bản án số 133/2018/HS-PT ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh vụ án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"** **Tóm tắt nội dung:** Khoảng tháng 7 năm 2013, ông Huỳnh Tuấn K mua ô tô hiệu F, đăng ký tại tỉnh An Giang, được cấp biển số X (chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển và xây dựng công thương P (địa chỉ 57 Đ, khóm A, phường A1, thị xã C, tỉnh An Giang) do ông K là chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc). Tháng 10 năm 2013, bị cáo Trần Hoàng D ký với ông K hợp đồng mua bán xe ô tô trên với giá 760.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, bị cáo D dùng thử xe 03 ngày. Bị cáo D đưa tiền cho ông K 02 lần, tổng cộng 130.000.000 đồng nên ông K chưa làm thủ tục chuyển nhượng chiếc xe trên cho bị cáo D. Bị cáo D thuê một thanh niên (không rõ lai lịch, chạy xe ôm ở khu vực siêu thị E, G) làm giả giấy tờ xe mua của ông K mang tên Trần Hoàng D với giá 5.000.000 đồng và đã nhận được Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số Y, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với ô	50-55

tô biển số Y và biển số xe Y.

Bị cáo D dùng giấy tờ giả bán xe ô tô trên cho ông Đặng Ngọc N1 với giá 500.000.000 đồng (làm giấy mua bán viết tay ngày 10 tháng 01 năm 2014), lấy 300.000.000 đồng trong số 370.000.000 đồng ông N1 trả và đưa cho một người đàn ông tên Châu (chưa rõ lai lịch) để chuộc xe. Khi C1 trả bị cáo D hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô giữa bị cáo D và ông K thì ông N1 nhìn thấy, phát hiện việc bị cáo D làm giả giấy tờ xe để bán cho mình. Ông N1 lấy lại 70.000.000 đồng trong số 370.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo D. Ông N1 đã buộc bị cáo D đến Văn phòng công chứng B1 để công chứng việc bị cáo D vay 500.000.000 đồng của ông N1. Sau đó, bị cáo D đã đi khỏi địa phương. Ngày 25 tháng 6 năm 2016, bị cáo D bị bắt theo Quyết định truy nã.

130.000.000 đồng bị cáo D trả cho ông K đã được ông N1 và ông K cấn trừ vào tiền ông N1 mua xe của ông K.

Tại Kết luận giám định số 1426/KLGĐ-TT ngày 24 tháng 11 năm 2014, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" số H, biển số đăng ký: Y, mang tên Trần Hoàng D, đề ngày 26 tháng 8 năm 2013 cần giám định là "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" giả (Bản in, hình dấu tròn, dấu tên và chữ ký được làm giả bằng phương pháp in phun màu). "Giấy chứng nhận kiểm định" số J đối với xe ô tô biển số Y, đề ngày 27 tháng 8 năm 2013 là "Giấy chứng nhận kiểm định" giả (Bản in, hình dấu tròn và dấu tên được làm giả bằng phương pháp in phun màu).

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: Trần Hoàng D 01 (một) năm 09 (chín) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2016.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do cho bị cáo Trần Hoàng D tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy kết bị cáo phạm tội "Làm giả con

	dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là bỏ lọt hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo vì tại thời điểm bị cáo thỏa thuận bán chiếc xe giá 500.000.000 đồng cho ông N1 và nhận tiền từ ông N1 thì tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo đã hoàn thành. Vì vậy, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ VC3-V1 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để chấp nhận. [5] Hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo D thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý nên không thể áp dụng khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, không thuộc một trường hợp được đình chỉ điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Cơ quan điều tra ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 270-02 và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 854-58 ngày 26 tháng 01 năm 2018 liên quan đến hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị can Trần Hoàng D là vi phạm nghiêm trọng Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ VC3-V1 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo quy định của pháp luật.	
6	**Bản án số 410/2017/HS-PT ngày 07/8/2017 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh vụ án về tội "Giết người"** **Tóm tắt nội dung:** Khoảng 00 giờ 30 ngày 04/02/2016, sau khi uống rượu xong Huỳnh Thái B điều khiển xe gắn máy biển số 59Y2-083.04, Huỳnh Thái N (em B) điều khiển xe gắn máy biển số 61F1-047.43 chở bạn là Lê Kim N1 về nơi làm việc tại tiệm internet X, địa chỉ số: 371/20 đường K, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến lề đường trước nhà số 371/20 đường K, B điều khiển xe chạy đụng vào xe cứu hộ đang đậu bên lề đường, thấy vậy N quay xe lại dùng nón bảo hiểm đập vào kính cửa xe cứu hộ. Lúc này có một số	56-61

người dân và Ông Trần Khắc C (tài xế xe cứu hộ) đi đến cự cãi với B và N về việc đập phá xe. Ông C đòi giữ xe máy của N lại. Lê Kim N1 thấy vậy nên chạy về tiệm X gọi anh Nguyễn Thăng L (chủ tiệm internet) đến can ngăn.

Sau đó Huỳnh Thái N chạy đến một chiếc xe đẩy (bán hàng rong) đậu ở lề đường trước phòng trọ số 11 (thuộc địa chỉ số 371 đường K) dùng tay đập vỡ kính tủ, rồi nhặt một mảnh kính vỡ chạy đến đâm vào lưng một người thanh niên (không rõ lai lịch) nhưng người này bỏ chạy thoát. N tiếp tục xông đến đâm trúng ngực ông C. B đuổi đánh các thanh niên khác thì anh L chạy đến can ngăn. Lúc này, ông C do bị đâm chảy mất máu nhiều nên đi được một đoạn rồi ngồi gục vào một chậu cây kiểng gần đó. B xông đến định đánh ông C thì bị anh L

ngăn cản, N xông đến dùng chân tì vào lưng ông C, tay trái nắm tóc, kéo đầu ông C về phía sau, tay phải cầm mảnh kính đâm liên tiếp nhiều nhát vào ngực ông C thì bị anh L chạy đến kéo ra. B tiếp tục xông đến dùng chân đạp vào người ông C nhưng cũng bị anh L can ra.

Do bị anh L ngăn cản, B, N cầm ghế đập cửa các phòng trọ gần đó. Sau đó, N bỏ mảnh kính rồi cầm 01 đoạn cây inox (dùng làm giá phơi quần áo) tiếp tục chạy đến đâm nhiều nhát vào người ông C đang ngồi gục ở chậu cây kiểng. Anh L thấy vậy chạy đến tước cây inox N đang cầm rồi ném đi. Nhận được tin báo, Công an Phường 3, quận G đến hiện trường và bắt giữ N, B lập biên bản xử lý. Ông C được Công an Phường đưa đi cấp cứu tại bệnh viện 175 nhưng đã tử vong.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

[4] Với những tài liệu mà cấp sơ thẩm thu thập nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với hành vi của Huỳnh Thái B (Quyết định số 202/2016/QĐ-TBS ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện việc điều tra bổ sung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà sau đó chưa đầy một tháng (Công văn 91 - 03/VKS-P2 ngày 05/10/2016 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) hồ sơ vụ án được hoàn lại cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung là có căn cứ nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo đối với Huỳnh Thái B về đồng phạm tội "Giết người", Tòa án cấp phúc thẩm xét việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ như đã phân tích trên, không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, vì vậy, chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp

	pháp người bị hại, hủy án sơ thẩm để điều tra lại hành vi của Huỳnh Thái B như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 248; khoản 1, 5 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự (năm 2003); Chấp nhận kháng cáo của Đại diện hợp pháp người bị hại; Hủy toàn bộ Bản án hình sự số 14/2017/HSST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với Huỳnh Thái N về tội "Giết người", đối với Huỳnh Thái B về tội "Gây rối trật tự công cộng". Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại vụ án theo trình tự chung. Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Thái N, Huỳnh Thái B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử cho đến khi Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.	
7	**Bản án số 26/2019/HS-PT ngày 16/10/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên vụ án về tội "Giết người"** **Tóm tắt nội dung:** Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, Vàng A T đi bộ từ nhà lên khu vực nương sắn thuộc bản H, xã N1, huyện M để tìm lợn của gia đình. Trên đường đi T gặp Hờ Thị T là người cùng bản đang đứng ở cạnh đường, trên tay cầm 01 chiếc ủng màu xanh. T đứng lại nói chuyện và muốn quan hệ tình dục với Hờ Thị T, nhưng Hờ Thị T không đồng ý, Hờ Thị T bỏ chạy về hướng cống nước, T chạy đuổi theo. Hờ Thị T chạy rất nhanh xuống khe suối ông K, vừa chạy vừa la hét; T đuổi theo cách khoảng 04 mét thì không thấy Hờ Thị T đâu mà nghe tiếng có vật gì đó rơi xuống thác đá, T tiến về phía gần thác đá nhìn xuống thì thấy Hờ Thị T nằm bất động. T nghĩ Hờ Thị T đã chết hoặc bị choáng ngất, vì sợ nên T không xuống kiểm tra xem Hờ Thị T thế nào mà đi quay ra đường bê tông và đi tìm lợn của gia đình. Đến 17 giờ cùng ngày không thấy Hờ Thị T về nhà, T nghĩ Hờ Thị T đã chết nên mang theo chài đi ra sông N, mục đích vào khe suối ông K xem Hờ Thị T thế nào. Khi T đến khe suối ông K kiểm tra thì thấy Hờ Thị T đã chết vẫn nằm ơ tư thế như lúc sáng. Do sợ liên quan đến cái chết của Hờ Thị T, nên T đã đặt thi thể của Hờ Thị T nằm úp lên lưng mình và cõng dọc theo khe suối di chuyển xuống bờ sông N, giấu thi thể của Hờ Thị T vào bụi lau sậy, T lấy tóc và dây vải (dây lưng) của Hờ Thị T buộc vào cây sậy và dìm	62-73

thi thể Hờ Thị T xuống nước. Sau đó T lấy chài đi về nhà, trên đường đi thì T bị rắn cắn vào chân. Ngày 18/11/2018 T đi vào Trung tâm y tế huyện M điều trị vết rắn cắn; ngày 19/11/2018 gia đình phát hiện thi thể của Hờ Thị T; ngày 22/11/2018 T đến cơ quan điều tra Công an huyện M đầu thú.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã xét xử và tuyên bố:

Bị cáo Vàng A T phạm các tội: "Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 132 và tội " Xâm phạm thi thể" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 132, khoản 1 Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng A T 02 (hai) năm tù về tội "Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; khoản 1 Điều 38, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng A T 03 (ba) năm tù về tội "Xâm phạm thi thể"

- Áp dụng khoản 1 Điều 55/BLHS, tổng hợp hình phạt chung cho cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 05 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/11/2018).

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

Ngày 19/11/2018 cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi phát hiện tử thi Hờ Thị T (kèm theo bản ảnh hiện trường) và tiến hành khám nghiệm tử thi (kèm theo bản ảnh khám nghiệm tử thi). Cơ quan điều tra đã ra các quyết định trưng cầu giám định và đã có các kết luận giám định, xác định nguyên nhân chết, thời gian chết của bị hại.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định số 45 ngày 28/11/2018 quyết định thực nghiệm điều tra và ngày 29/11/2018 cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra theo hướng: Người bị hại "gạ tình" bị cáo lững thững theo sau. Khi bị cáo thay đổi lời khai, do bị cáo muốn quan hệ tình dục, không được bị hại đồng ý, bị cáo đuổi bắt bị hại để quan hệ tình dục, bị hại trong trạng thái hoảng sợ vừa chạy vừa la hét, kêu cứu chưa được cơ quan tiến hành tố tụng huyện M xem xét, đánh giá, việc bỏ chạy xuống cống

	thoát nước qua bụi rậm đến rơi xuống thác đá có phải là lối duy nhất không? Trong biên bản thực nghiệm điều tra và bản ảnh chưa thể hiện rõ tại sao bị hại lại rơi xuống thác. Về tội "Xâm phạm thi thể" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319/BLHS, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đến 17 giờ ngày 16/11/2018 bị cáo Vàng A T đến địa điểm khe ông K thuộc bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, nơi mà buổi sáng bị cáo thấy bị hại Hờ Thị T nằm úp mặt, thấy Hờ Thị T đã chết. Bị cáo đã cõng bị hại Hờ Thị T đi xuống sông N, T lấy tóc và dùng dây lưng bằng vải buộc vào cây lau sậy để dìm xuống nước, giấu thi thể của Hờ Thị T vào bụi lau cạnh bờ sông. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Vàng A T phạm tội "Xâm phạm thi thể" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319/BLHS là đúng người, đúng tội, không oan, sai. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự: 1. Tuyên bố: Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên để điều tra lại theo thủ tục chung. 2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.	
8	**Bản án số 587/2018/HS-PT ngày 17/10/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh vụ án "Giết người"** **Tóm tắt nội dung:** Khoảng 16 giờ ngày 16/5/2017, Phan Đình Th, Phan Đình Th1 (tự Th1) cùng 2 người bạn là Nguyễn Thạch Tr và Phan Quốc Đ đến uống bia và hát Karaoke tại phòng số 6 quán "D" thuộc khu phố N2, phường N1, thành phố T. Trong khi hát Karaoke và uống bia, do sàm sở nên Đ bị một tiếp viên nữ cắn vào tay, thấy vậy Th xô lật bàn làm bể ly và vỏ chai bia rồi đi ra ngoài kêu Lê Ngọc H là quản lý quán đến để giải quyết. Lúc này, phòng số 5 bên cạnh có Đặng Thành Q, Đỗ Hữu Ph, Trương Văn Th3, Nguyễn Văn H và Võ Thành T đang uống bia và hát Karaoke. Khi nghe tiếng ly, chai đổ thì Q ra ngoài đến phòng số 6 nhìn Th và Th1. Th tưởng Q là bảo kê của quán "D" nên cự cãi, xô xát với Q, nhưng được H và những người đi	74-80

cùng 02 nhóm can ngăn. Q kêu Th, Th1 ra ngoài đường nói chuyện, Q đi ra trước, đến cổng lấy 01 khúc cây cầm trên tay, còn Th1 tay cầm vỏ chai bia trong phòng số 6 đi ra sau.

Thấy Th1 một mình đi ra, Q liền cầm cây đánh Th1 nhưng không trúng nên Q cầm cây bỏ chạy. Lúc này Th lấy khúc cây chạy đến, thấy vậy T, Trong, Đ, H chạy ngăn cản 03 người không cho đánh nhau nên 2 người bỏ cây xuống đất. Giữa Th và Q tiếp tục cãi nhau, Th dùng tay đánh vào mặt Q 01 cái làm rách môi, chảy máu nên Q lấy một khúc cây dưới đất đánh 01 cái trúng vào đầu của Th và bỏ chạy. Th định rượt theo đánh Q nhưng được T ngăn lại kéo vào nhà xe. Riêng Th1 đứng gần cửa phía trong quán Karaoke "D" còn Q cầm cây đứng ở phía ngoài, hai bên tiếp tục cãi nhau. Q ném khúc cây về phía Th và Th1 rồi bỏ chạy. Th và Th1 đuổi theo, Th cầm cây từ phía sau đánh vào đầu Q 01 cái vào vùng đầu làm Q ngã xuống đất, bất tỉnh; khi đánh Q xong Th vẫn cầm khúc cây lên xe mô tô của Trong nhờ chở về nhà. Trên đường Th đã vứt khúc cây gần cổng UBND phường N1, thành phố T. Q được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh đến 13 giờ 30 phút ngày 17/5/2017 thì tử vong.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Đình Th và Phan Đình Th1 (Thanh) phạm tội "Giết người". Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Đình Th 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Đình Th1 (Thanh) 8 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 10/2/2018, đại diện của người bị hại kháng cáo bản án đã bỏ lọt tội phạm và yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Ngày 13/02/2018, bị cáo Phan Đình Th và Phan Đình Th1 (Thanh) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

	Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm: Trong quá trình xét hỏi, bị cáo Phan Đình Th và luật sư bào chữa cho các bị cáo đều khẳng định chỉ có mình bị cáo Th tham gia rượt và đánh bị hại, không có bàn bạc, trao đổi trước với bị cáo Th1 về việc đánh chết bị hại; cho rằng mình chỉ nhất thời phạm tội do hành vi quá khích của bị hại, việc Th1 chạy tới là để can ngăn anh trai của mình chứ không hô hào, tham gia đánh nhau. Luật sư bào chữa cũng cho rằng việc Th1 cầm vỏ chai bia nhưng không tham gia không sử dụng như là hung khí để tham gia đánh nhau, do đó không phải là hành vi phạm tội. Vì vậy, Kết luận điều tra số 02/KLĐT-VPĐT ngày 24/11/2017 (BL 331) có nội dung "bị can Th1 cầm cây chạy vào bên trong cổng nhìn xung quanh tìm Th và la lên Tụi nó kéo xuống nữa rồi, đánh chết mẹ nó" và tại phần nhận định của tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo là người tham gia, tuy không trực tiếp đánh vào người anh Q nhưng bị cáo có ý thức sẽ đánh anh Q và thực tế đã cầm cây đuổi theo anh Q nên phải chịu trách nhiệm. Từ đó áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93 tuyên bố bị cáo Th1 phạm tội "Giết người" là chưa có đủ căn cứ, chưa phù hợp với tình tiết xảy ra của sự việc và hành vi khách quan, yếu tố lỗi của bị cáo. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; 1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. 2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây ninh điều tra lại theo thủ tục chung. Tiếp tục tạm giam các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây ninh thụ lý lại vụ án. 3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.	
9	**Bản án số 117/2023/HS-PT ngày 16/08/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương vụ án "Cố ý gây thương tích"** **Tóm tắt nội dung:** Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â có mối quan hệ là bạn với nhau. Ngày 09 tháng 5 năm 2022, Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â đến quán Karaoke M tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình	81-88

Dương để hát cùng với đối tượng tên T (không rõ nhân thân) và hai người bạn của T (không rõ nhân thân). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Lưu Quang V cũng đi đến quán karaoke M để hát và uống bia tại 01 phòng khác. Trong lúc hát karaoke, V đi ra nhà vệ sinh của quán và gặp B. Lúc này, B và V nảy sinh mâu thuẫn, V lấy một cây kim loại màu trắng trong nhà vệ sinh đánh B nên B dùng tay đánh lại. Cùng thời điểm này, Ngô Hoài Â, T và 02 đối tượng là bạn của T đi từ phòng hát ra nhìn thấy B đang đánh nhau với V nên cùng lao vào đánh V. Khi đánh, Â sử dụng cây lau nhà trong phòng vệ sinh còn hai đối tượng bạn T dùng tay chân. Bị nhóm của B đánh, V vứt lại cây kim loại và bỏ chạy ra ngoài. Lúc này, Â cầm cây lau sàn nhà, B cầm cây kim loại màu trắng cùng với T và 02 đối tượng là bạn của T đuổi theo V để tiếp tục đánh. Tuy nhiên do V chạy đã xa nên nhóm của B quay lại quán M lấy xe mô tô đuổi theo V, còn V chạy hướng về phía quán dê P. Khi đến quán dê P, V thấy cạnh quán có một cây xẻng bằng kim loại dài 135cm, V cầm lấy xẻng và chạy ngược lại vị trí nhóm của B với mục đích đánh lại nhóm B. Tuy nhiên, khi V chạy quay lại thì bị trượt chân ngã xuống đường, cùng lúc này B, Â, T và 02 đối tượng (không rõ nhân thân) chạy đến dùng xẻng (lấy từ V), cây gỗ, cây kim loại đánh vào người, đầu của V gây thương tích. Sau khi đánh V xong, B, Â, T và 02 đối tượng (không rõ nhân thân) điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Còn V được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương để điều trị thương tích.

Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:

Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Ngô Hoài Â 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc thu thập, điều tra chưa đầy đủ và làm rõ một số vấn đề sau: Qua kiểm tra trích xuất 02 đoạn video mà ông L cung cấp thể hiện có nhóm đối tượng điều khiển 02 xe mô tô bật đèn chiếu sáng, sử dụng xẻng, cây gỗ, cây kim loại đánh nhiều cái liên tiếp vào cơ thể của bị hại, khi bị hại đã té ngã lăn lộn nhiều vòng trên mặt đường nhựa thì các đối tượng đã bỏ đi. Hành vi của nhóm đối tượng nêu trên cho thấy cường độ tấn công quyết liệt vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại V và chỉ khi có người chạy về phía bị hại và truy hô thì nhóm đối tượng này mới bỏ chạy. Điều này thể hiện ý thức muốn tước đoạt tính mạng của bị hại và bỏ mặc hậu quả xảy ra, việc bị hại V không chết là ngoài ý muốn của nhóm đối tượng (trong đó có các bị cáo B và Â).

Ngoài ra, tại lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Công an phường V của người làm chứng ông Lê Quảng N (làm việc tại quán dê P) khai nhận có 04 đối tượng chạy bộ và đi xe mô tô đuổi theo bị hại V. Nhóm đối tượng có hành vi tông xe mô tô vào người, làm bị hại V ngã xuống đường và có 02 người thành niên cầm cây, xẻng đánh vào vùng đầu của bị hại dẫn đến bị hại V nằm bất động. Đây là lời khai người làm chứng (đứng cách hiện trường 02 mét) có ý nghĩa quan trọng để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện đầy đủ đúng quy định của pháp luật nhưng chưa được cấp sơ thẩm triệu tập, tiếp tục điều tra làm việc đối với lời khai nêu trên. Đồng thời, trong đoạn video do ông N cung cấp ghi lại diễn biến sự việc đánh nhau tại trước quán dê P thì có 08 người làm chứng có mặt ở trong quán và lề đường trước quán nhìn thấy sự việc đánh nhau nhưng cấp sơ thẩm chỉ tiến hành lấy lời khai ban đầu của ông N mà chưa tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người làm chứng khác cùng chứng kiến để làm rõ hành vi phạm tội của nhóm đối tượng là thiếu sót nghiệm trọng trong việc thu thập chứng cứ, tài liệu trong vụ án và có dấu hiệu về bỏ lọt tội phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để đảm bảo giải quyết vụ án được toàn diện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không xem xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh B, Ngô Hoài Â; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để

	điều tra lại. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo thủ tục chung.	
10	**Bản án số 124/2018/HSPT ngày 22/06/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai vụ án "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng"** **Tóm tắt nội dung:** Nguyễn Thế D, Nguyễn Tuấn A, Hà Anh T1 và Trần Trọng T2 là học sinh trường Cao đẳng nghề Lilama II thuộc ấp T, xã L1, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/11/2017, D có hành động trêu ghẹo, hôn vào má của Trần Huỳnh T3 học cùng trường, sau đó T3 đăng lên mạng xã hội Facebook nội dung chửi D. Tuấn A vào bình luận và "tag" T2 vào với nội dung "có người ghẹo ghẹ của mày kìa, mai đánh nó cho tao". T2 nảy sinh ý định đánh D trả thù nên nhắn tin cho Nguyễn N học cùng lớp với D hỏi D có đi học vào buổi chiều không, N trả lời không biết. Đến khoảng 11 giờ ngày 08/11/2017 T2 lấy 01 cây ba trắc bằng sắt dài khoảng 60cm bỏ vào cặp mang theo đánh D. N nhắn tin thông báo cho D "mày đi học cẩn thận có người cầm hàng chơi mày đó". D nghĩ T2 sẽ tìm mình để đánh nên mang theo 01 con dao Thái Lan cán gỗ dài 21cm, bản rộng 2,5cm để trong cặp để tự vệ. Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày, T2 lấy cây ba trắc mang theo rủ Hà Anh T1, Nguyễn Tuấn A và một số người khác đến lớp D để đánh nhau, cả nhóm đồng ý. Khi T2 đến lớp D, D liền lấy dao giấu từ trong cặp nhét vào tay áo bên trái. T2 cầm ba trắc đi vào lớp hỏi "D là thằng nào", D trả lời "Tao D đây" thì lập tức T2 dùng cây ba trắc nhắm đánh thẳng vào đầu D nhưng D né được nên trúng vào vai trái của D, D liền cúi đầu xuống và rút dao trong tay áo đâm trúng vào bên hông ngực phải của T2. T2 bỏ chạy ra ngoài thì T1 dùng chân đạp vào người của D, D dùng dao đâm trúng vào bụng của T1. Sau đó, T2 và T1 được đưa đi bệnh viện cấp cứu, D đến công an xã L1 đầu thú. Hà Anh T1 có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Thế D. Tại bản kết luận giám định pháp y số 0925/GĐPY/2017 ngày 10/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai kết luận thương tích của Trần Trọng T2 với tỷ lệ thương tật 38%. **Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm:** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Khoản 1 Điều 106; điểm b, h, p	89-95

khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 Điều 136, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế D 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Nhận định của Toà án cấp phúc thẩm:

Bản thân bị cáo Nguyễn Thế D đã có ý thức từ trước khi biết tin mình sẽ bị đánh và chuẩn bị hung khí để phòng thân, khi T2 cùng bạn đến gây sự thì D sẵn sàng đối phó (lấy dao ra giấu trong tay áo); khi bị tấn công D né tránh được nhưng không bỏ chạy mà dùng dao tấn công lại ngay khi T2 bị thương bỏ chạy, Hà Anh T1 và Tuấn A tiếp tục tấn công D thì D đánh lại và gây thương tích cho Hà Anh T1. Sau đó Hà Anh T1 và Tuấn A bỏ chạy D còn tiếp tục đuổi theo. Lẽ ra, khi bị gây sự D có thể thực hiện hành vi khác như báo cho nhà trường can thiệp trước, hoặc khi bị tấn công thì né tránh, bỏ chạy vì lớp học lúc này rộng, không có nhiều người nhưng D không làm vậy mà trực tiếp đương đầu đánh lại T2, Anh T1 và Tuấn A thể hiện tính hung hăng, bất chấp pháp luật. Do đó, hành vi gây ra thương tích cho T2 và Tuấn A đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ. Bản án sơ thẩm nhận định hành vi của bị cáo là quá mức cần thiết đối với hành vi tấn công của phía bị hại và xét xử về tội "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" là không chính xác vì bản thân bị cáo lúc này cũng chưa bị gây thương tích gì. Mặt khác, về tuổi đời thì bị cáo lớn tuổi hơn và đã thành niên có đầy đủ nhận thức hơn so với bị hại còn ở tuổi chưa thành niên (T2 sinh 2001 và Tuấn A sinh 03/12/ 2000). Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát về tội danh là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ hồ sơ Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ, chưa làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo tại thời điểm gây án là có phòng vệ chính đáng hay không; không tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường, chưa làm rõ hung khí là 02 con dao thu được tại nhà vệ sinh tầng 4 Trường Lilama II là của ai; không tiến hành nhận dạng, đối chất lời khai của các bị hại, bị cáo, người có liên quan và nhân chứng; điều tra làm rõ lời khai của nhân chứng Lê Hoàng H (BL 75,76), Nguyễn Tuấn A (BL 59, 60) về

	02 con dao thu được tại hiện trường và một số nhân chứng đứng xem đánh nhau trước cửa lớp 11A5. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ điều tra bổ sung và làm rõ thêm trước khi đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy đinh tại điểm c khoản 2 Điều 358 BLTTHS 2015 mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy án giao về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại là đúng quy định pháp luật. **Quyết định của Toà án cấp phúc thẩm:** Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; 1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 52/QĐ-VKS ngày 19/03/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Giao trả hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. 2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.	

FDVN LAWFIRM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24**/2023/HS-PT
Ngày: 13- 3-2023

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Liên**

Ông **Phạm Tấn Hoàng**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 404/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L về các tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức". Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1.Dương Thị Ngọc A

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1979; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên là Chuyên viên Văn phòng đăng ký đất đai quận S; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Duy A và bà Trần Thị B; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt,tạm giữ ngày 26-8-2020, đến ngày 22-3-2021 được tại ngoại. Có mặt.

2. Đào Thị Như L

Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1979; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Minh H và bà Tống Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 26/8/2022. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Ngọc A:* Ông Nguyễn Lê V, Luật sư Công ty Luật TNHHMTV N, thuộc Đoàn Luật sư TP. Đà Nẵng, bào chữa cho Dương Thị Ngọc A. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Thị Như L*:

1. Bà Lê Thị Hồng T, Luật sư Công ty Luật TNHH L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư TP.Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến T, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho Đào Thị Như L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo:* Ông Phạm T; sinh năm 1967; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Phan Văn H, Luật sư – Văn phòng luật sư HL N – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bị hại: Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1965; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bị hại bà Lê Thị H có nhiều đơn kiến nghị đề nghị hủy án trả hồ sơ điều tra lại theo hướng xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Kim C.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S,thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng hoạt động theo Quy chế làm việc Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31-12-2019 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, bao gồm: Thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tham mưu giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong phạm vi địa bàn quản lý; kiểm tra điều kiện đăng ký; thẩm tra, chuẩn bị hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; xác nhận nội dung thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp đăng ký biến động không phải cấp Giấy chứng nhận mới; ... Quy

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S được thực hiện theo quy định tại Quyết định số: 317/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Dương Thị Ngọc A được tuyển dụng làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S với nhiệm vụ được phân công là kiểm tra, xử lý, cập nhật thông tin biến động vào cơ sở dữ liệu hồ sơ chuyển quyền toàn bộ (giai đoạn 1) và chuyển thuế hồ sơ; gia hạn tiến độ sử dụng đất; điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất; theo dõi văn bản đi; báo cáo định kỳ về danh sách người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam; cung cấp thông tin về đất đai cho các tổ chức có liên quan.

Khoảng tháng 04/2020, do cần tiền trả nợ cá nhân, Dương Thị Ngọc A lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (Sau đây viết tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của người dân nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho Đào Thị Như L để nhờ L thế chấp vay cho 01 tỷ đồng; A nói với L là khi đến hạn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì A sẽ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới để L đổi lấy lại giấy cũ rồi đưa lại cho A.

Thời điểm này, Đào Thị Như L đã vay tiền của nhiều tổ chức tín dụng và cá nhân mà không có khả năng trả, bị áp lực đòi nợ từ người cho vay ngoài xã hội, nên nói với Dương Thị Ngọc A tiếp tục đưa cho L các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để L đưa cho các chủ nợ nhằm giãn nợ, để kéo dài thời gian qua giai đoạn khủng hoảng bất động sản. Do vậy, A tiếp tục nhiều lần lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho L mượn; lần ít nhất lấy 01 giấy và lần nhiều nhất lấy 05 giấy. Đến tháng 8/2020, khi vụ việc bị phát hiện thì tổng số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A đưa cho L đang bị các chủ nợ của L quản lý, chiếm giữ.

Theo báo cáo của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tại Công văn số: 324/BC-VPĐKĐĐ ngày 13-10-2020 thì tổng cộng 25 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ liên quan được tiếp nhận xử lý tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S bị mất. Trong đó có 17 trường hợp bị mất bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 08 trường hợp mất bản gốc cùng các hồ sơ liên quan. Quá trình điều tra xác định được trong số 25 giấy bị mất thì có 19 giấy bị Dương Thị Ngọc A lấy đưa cho Đào Thị Như L, còn 05 giấy cùng hồ sơ gốc do A làm thất lạc trong quá trình làm việc và 01 giấy cùng hồ sơ gốc do bà Nguyễn Thị Minh H là nhân viên của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S làm thất lạc trong quá trình làm việc.

Sau khi nhận báo cáo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành làm việc với những người có liên quan và đã thu giữ được 22 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong số này có 19 giấy do Dương Thị Ngọc A lấy tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho Đào Thị Như L. Sự việc này làm Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S trả kết

quả giải quyết hồ sơ cho các công dân có liên quan trễ hạn từ 05 đến 40 ngày làm việc so với quy định. Đến ngày 09-9-2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S phải phát hành 14 thư xin lỗi đến các công dân, tổ chức do giải quyết trễ hạn thủ tục hành chính. Riêng các công dân còn lại, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, thuế sẽ tiếp tục được giải quyết hồ sơ theo quy định.

2. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đào Thị Như L: Từ tháng 01 đến tháng 7-2020, Đào Thị Như L có hành vi đưa thông tin gian dối để nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng các thửa đất hoặc tự ý sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A đưa cho người khác nói là tài sản của mình chưa sang tên để làm tin, qua đó nhận và chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 41,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

2.1. Chiếm đoạt của bà Phạm Quỳnh Thu T số tiền 13 tỷ đồng: Biệt thự có diện tích đất 319,7m^2 tại địa chỉ 49 đường H, KDC mới phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là biệt thự 49 đường H) do Đào Thị Như L đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17-9-2018, L đã dùng biệt thự này thế chấp cho Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng) để vay số tiền 35 tỷ đồng.

Đầu năm 2020, L đã rao bán biệt thự 49 đường H; rồi thông qua ông Lê Trọng P môi giới, ngày 30-01-2020 L ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng biệt thự 49 đường H cho bà Phạm Quỳnh Thu T với giá 28 tỷ đồng và nhận tiền đặt cọc của bà T 02 tỷ đồng; L cam kết 30 ngày sau sẽ ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà T. Sau đó, ngày 05-02-2020 bà T tiếp tục thanh toán cho L 03 tỷ đồng theo thỏa thuận đặt cọc. Tuy nhiên, sau khi nhận của bà T 05 tỷ đồng thì L không thanh lý hợp đồng thế chấp biệt thự 49 đường H với Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng mà chiếm đoạt số tiền này, sử dụng trả nợ cá nhân rồi hứa hẹn xin bà T gia hạn ra Công chứng nhiều lần, nhưng không thực hiện cam kết.

Trong thời gian này, Đào Thị Như L còn chào bán cho bà Phạm Quỳnh Thu T thửa đất diện tích 527,3m^2 tại địa chỉ lô 6+37 đường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất 6+37 T); thửa đất 6+37 T là tài sản của L, nhưng nhờ em ruột là Đào Duy Đ đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Y - Chi nhánh Y,Thành phố Hà Nội để vay số tiền 65 tỷ đồng.

Ngày 29-5-2020, L nói Đ ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất 6+37 T cho ông Lê Trọng P (bà Phạm Quỳnh Thu T nhờ ông P đại diện ký) với giá 52,730 tỷ đồng và nhận tiền đặt cọc 08 tỷ đồng; thỏa thuận đến ngày 29-6-2020, bà T giao đủ tiền và hai bên ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó L không thanh lý hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Y-Y, Thành phố Hà Nội mà chiếm đoạt 08 tỷ đồng của bà T, sử dụng để trả nợ cá nhân.

2.2. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Hoài H và bà Lê Thị H số tiền 13 tỷ đồng: Thửa đất diện tích 693,3m^2 tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất 05B Q) là tài sản của Đào Thị Như L, nhưng nhờ Trần Kim C đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để vay số tiền 27 tỷ đồng. Sau đó, L mất khả

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

năng thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên ngày 20-02-2020, L đã chỉ đạo C ký biên bản bàn giao thửa đất 05B Q cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng bán đấu giá, để thu hồi nợ vay cho ngân hàng.

Thông qua giới thiệu của ông Lê Thành là Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng, ngày 26-02-2020 L cùng với C đến thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 05B Q cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài H, bà Lê Thị H với giá 24.265.500.000 đồng và nhận đặt cọc của ông H, bà H 07 tỷ đồng; ngoài ra, 02 bên còn cam kết đến ngày 26-3-2020, L có trách nhiệm bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển đổi mục đích đất ở để ký hợp đồng công chứng sang tên cho ông H, bà H và được nhận số tiền chuyển nhượng đất còn lại.

Đến ngày 08-4-2020, L gặp và lấy thêm được của ông H, bà H 03 tỷ đồng với lý do cần thêm tiền để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 05B Q từ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để làm thủ tục ra Công chứng cho ông H, bà H và để ông, bà thêm tin tưởng thì L đã viết Giấy mượn số tiền 03 tỷ đồng nói trên cũng như để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A, nhưng L nói dối đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên.

Tiếp sau đó, ngày 04-6-2020, L sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A đến nói đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên và thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoài H với giá 03 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt luôn số tiền này của ông H. T bộ số tiền chiếm đoạt của ông H, bà H thì L đem sử dụng trả nợ cá nhân chứ không thanh toán khoản nào cho ngân hàng.

2.3. Chiếm đoạt của ông Phạm T số tiền 13,4 tỷ đồng: Mặc dù đã ký hợp đồng và nhận tiền cọc của bà Phạm Quỳnh Thu T để chuyển nhượng biệt thự 49 đường H như nói trên, nhưng ngày 08-5-2020, Đào Thị Như L tiếp tục thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm T biệt thự 49 đường H với giá 30 tỷ đồng. Từ ngày 08-5-2020 đến ngày 01-6-2020, L đã nhận tiền thanh toán của ông T 13,4 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt số tiền này sử dụng trả nợ cá nhân hết.

2.4. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc P số tiền 01 tỷ đồng: Ngày 21-7-2020, Đào Thị Như L đến gặp ông Nguyễn Quốc Phú thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A và nói đây là tài sản của L mua, nhưng chưa sang tên để vay ông P 01 tỷ đồng, cam kết trả lại trong hạn 30 ngày; ngoài ra L còn hứa hẹn sẽ mua lại căn nhà của ông P tại 68 đường P với giá cao. Ông P tin tưởng giao tiền cho L, rồi bị L chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân không có khả năng hoàn trả.

2.5. Chiếm đoạt của bà Hồ Minh T số tiền 01 tỷ đồng: Vào ngày 29-7-2020, Đào Thị Như L gặp bà Hồ Minh T hỏi vay số tiền 01 tỷ đồng; để tạo niềm tin, L nói có lô đất là tài sản của L nhờ người khác đứng tên, rồi đưa cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A làm tài sản đảm bảo để vay 01 tỷ của T và cam kết trả lại tiền gốc và lãi trong vòng 08 ngày. Bà T

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tin tưởng đưa tiền cho L, rồi bị L chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân không có khả năng hoàn trả.

3. Về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Đào Thị Như L: Từ ngày 26 đến 31-3-2020, ông Phạm T cho Đào Thị Như L vay tổng cộng 40 tỷ đồng, với lãi suất 05%/ tháng và thời hạn vay là 30 ngày; khi nhận tiền vay thì ông T trừ trước 01 tháng tiền lãi. Do đến hạn nhưng không có tiền trả nợ vay nên đến ngày 08-5-2020, ông T gây áp lực để L ký vào "Hợp đồng thỏa thuận về việc đặt cọc mua bán bất động sản", với tài sản là 03 lô đất thuộc khu nhà hàng dọc tuyến S – Đ, thuộc phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 150 tỷ đồng, đặt cọc 50 tỷ đồng để gán nợ. Thực chất không có việc giao nhận tiền như các điều khoản của Hợp đồng quy định, mà số tiền đặt cọc 50 tỷ đồng là tiền L nợ ông T chuyển qua.

Đối với 03 lô đất thuộc khu nhà hàng dọc tuyến S – Đ thì Đào Thị Như L đang thế chấp cho Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng vay số tiền rất lớn, nhưng L nói với ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng với mục đích để ông T không gây áp lực và có thời gian thu xếp trả nợ. Tiếp tục để tạo niềm tin với ông T thì L đã tìm thông tin trên mạng internet, rồi liên hệ với 01 thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho người này 01 mẫu văn bản thỏa thuận của Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng, rồi nói người này chỉnh sửa, làm giả nội dung: "Văn bản thỏa thuận ba bên V/v chuyển nhượng tài sản, số 01/062020/VBTT ngày …/06/2020; có hình dấu của Ngân hàng X Chi nhánh TP. Đà Nẵng; có hình dấu tên, chức danh, chữ ký của Giám đốc Trần Ngọc A". Khi nhận được văn bản giả này thì L khai trả cho người thanh niên 500.000 đồng; sau đó, L ký vào mục bên thế chấp tài sản và đưa cho em trai là Đào Duy Đ ký tênvào dưới chữ ký của L rồi đưa cho ông T giữ. Đến ngày 27-8-2020, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của ông Phạm T đã thu giữ được văn bản này.

Kết luận giám định số 115/GĐ-TL ngày 23-10-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, như sau:

- Hình dấu có nội dung "Ngân hàng X Chi nhánh TP. Đà Nẵng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 đóng ra (được in ra).

- Hình dấu tên, dấu chức danh có nội dung "Giám đốc Trần Ngọc A" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 đóng ra (được in ra).

- Chữ ký mang tên Trần Ngọc A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Ngọc A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đào Thị Như L và chữ viết có nội dung "Đào Thị Như L" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đào Thị Như L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M8 do cùng một người ký và viết ra.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Chữ ký mang tên Đào Duy Đ và chữ viết có nội dung "Đào Duy Đ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đào Duy Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M10 do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 26-8-2020, Đào Thị Như L ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đà Nẵng.

Vật chứng thu giữ:

- Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở và nơi làm việc của Đào Thị Như L, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 26/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 27/8/2020, gồm: 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 1", gồm 86 tờ, được đánh số từ 01 đến 86; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 2", gồm 88 tờ, được đánh số từ 87 đến 174; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 3", gồm 103 tờ, được đánh số từ 175 đến 277; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển số 4", gồm 04 tờ, được đánh số từ 278 đến 281; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển số 5", gồm 03 tờ, được đánh số từ 282 đến 284; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển số 6", gồm 02 tờ, được đánh số từ 285 đến 286; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển số 7", gồm 03 tờ, được đánh số từ 287 đến 289; 01 cuốn sổ màu đỏ đậm bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển số 8", gồm 03 tờ, được đánh số từ 290 đến 292; 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi "Chị H cua đỏ", gồm 02 tờ, được đánh số từ 293 đến 294; 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi "Chị Bông", gồm 02 tờ, được đánh số từ 295 đến 296; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 01", gồm 12 tờ, được đánh số từ 297 đến 308; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 02", gồm 10 tờ, được đánh số từ 309 đến 318; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 03, gồm 09 tờ, được đánh số từ 319 đến 327; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 04", gồm 13 tờ, được đánh số từ 328 đến 340; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyển 05", gồm 22 tờ, được đánh số từ 341 đến 361; 01 sổ cầm tay màu đen, gồm 24 tờ, được đánh số từ 362 đến 385; 173 tờ tài liệu được đánh số từ 386 đến 558; 79 tờ tài liệu được đánh số từ 559 đến 637; 30 tờ tài liệu được đánh số từ 638 đến 667; 113 tờ tài liệu được đánh số 668 đến 780; 01 quyển "P án kiến trúc", gồm 35 tờ được đánh số từ 781 đến 815; 25 tờ tài liệu được đánh số từ 816 đến 840; 84 tờ tài liệu được đánh số từ 841 đến 924; 187 tờ tài liệu được đánh số từ 925 đến 1111; 09 tờ tài liệu được đánh số từ 1112 đến 1120;

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Ngày 26/8/2020, Đào Thị Như L tự nguyện giao nộp 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, Imei: 353914100323745, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong, tạm giữ theo quy định pháp luật.

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của ông Phạm T, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020, Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 29/8/2020 và ngày 31/8/2020, gồm: 01 Văn bản thỏa thuận ba bên về việc chuyển nhượng tai sản số 01/062020/VBTT ngày …/6/2020, gồm 02 tờ, được đánh số từ 101 đến 102 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 001602 do UBND quận S cấp ngày 25/01/2008 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 906852 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2016 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104352 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/3/2009 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 001601 do UBND quận S cấp ngày 25/01/2008 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 874111 do UBND quận S cấp ngày 23/01/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 798941 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/5/2018 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 601563 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/6/2011 (Bản gốc); 01 Giấy nhận tiền cọc bán đất ngày 24/4/2020, đề tên Đào Thị Như L (được đánh số 103 - Bản gốc); 01 Biên bản xác nhận tiền vay ngày 06/5/2020 (được đánh số 104 - Bản gốc); 01 Hợp đồng thỏa thuận việc đặt cọc mua bán bất động sản ngày 08/5/2020 (gồm 05 tờ, được đánh số từ 105 đến 109 - Bản gốc); 01 Giấy chứng minh nhân dân số 201242559 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, đề tên Nguyễn An V (Bản gốc); 01 Hộ chiếu số B7647175 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 15/3/2013, đề tên Đào Thị Như L (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 26/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 112 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 27/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 113 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền 31/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 114 - Bản gốc); 01 Giấy mua bán quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đề tên Đào Thị Như L (gồm 02 tờ, được đánh số 115 đến 115/1 - Bản gốc); 01 Giấy nhận tiền cọc bán đất ngày 24/4/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 110 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 111 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 16/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 116 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 117 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 01/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 118 - Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/5/2020, đề tên Đào Thị Như L, Phạm T (gồm 01 tờ; được đánh số 119 - Bản gốc); 01 Giấy xác nhận tiền cọc bán tài sản ngày 05/8/2020, đề tên Đào Thị Như L (được đánh số 02 đến 03 - Bản gốc); 01 Giấy cam kết bán đất để trả nợ, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 01 - Bản gốc); 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu trắng; 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tạm giữ nhiều tài liệu, đồ vật khác nhưng không liên quan đến việc giải quyết vụ án, đã được trả lại cho ông Phạm T theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 31/8/2020 (BL.1039) và trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ C theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/7/2021(BL.1047 đến 1052).

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của ông Nguyễn Quốc P, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 28/8/2020, gồm:01 Giấy mượn tiền ngày 18/6/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 01 tỷ đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 24/6/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 500 triệu đồng; 01 Giấy cho mượn tiền, ngày 15/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 900 triệu đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 20/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 5.516.500.000 đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 21/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 01 tỷ đồng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 874256,đứng tên Đào Thị Như L (Bản sao); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 483893.Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ các tài liệu, đồ vật khác nhưng không liên quan đến vụ án, nên đã được trả lại cho ông Nguyễn Quốc P theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/11/2020 (BL.1331) và trả lại cho ông Phan Duy T theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/10/2020 (BL.1333).

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của bà Phùng Thị Minh Phượng, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 01/9/2020, gồm:01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 201358, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2018; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855942, do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2020; 01 Giấy viết tay mượn tiền, ghi ngày 08/4/2020, ghi tên Đào Thị Như L mượn của bà Phùng Thị Minh P số tiền 06 tỷ đồng; 01 Giấy viết tay ghi ngày 02/7/2020, thể hiện nội dung "L đổi 02 sổ CR 855942 và CP 915196, lấy lại 1 sổ"; 01 Giấy viết tay ghi ngày 10/7/2020, thể hiện Hà Đại nhận giúp L 1,5 tỷ đồng.

- Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Nguyễn Vũ Xuân A giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855948 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01539; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 005259 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/7/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01827; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO767777 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/11/2009, số vào sổ cấp GCN: H11235; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 729374 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/4/2014, số vào sổ cấp GCN: CTs 35801; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 487330 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/6/2004, số vào sổ cấp GCN: 0014709; 01 Giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2020, ghi tên Đào Thị Như L.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Ngày 27-28/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp, gồm:01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855661 do UBND quận S cấp ngày 10/3/2020 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 863998 do Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/9/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 892188 do UBND quận S cấp ngày 12/3/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 185410 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2012 (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 (thể hiện Lệmượn của bà Nguyễn Thị N 2,6 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 29/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 02 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 1,8 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 05/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 3,16 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 22/5/2020 (thể hiện Lệmượn của bà Nguyễn Thị N 3,1 tỷ đồng).

- Ngày 09/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Phạm Quỳnh Thu T tự nguyện giao nộp, gồm: 01 Giấy cam kết ngày 20/7/2020, đề tên Đào Thị Như L, cam kết với bà Ngô Thị T H (Bản gốc);01 Giấy nộp tiền mặt ngày 29/5/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Đào Thị Như L, số tiền 08 tỷ đồng (Bản gốc);01 Giấy nộp tiền ngày 03/3/2020, đề tên Truong Phong P, Công ty TNHH MTV L, số tiền 20 tỷ (Bản sao);01 Ủy nhiệm chi ngày 22/01/2020, đề tên Trương Thị Trúc V - Đào Thị Như L, số tiền 10 tỷ đồng (Bản chính);01 Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Đào Thị Như L, số tiền 03 tỷ đồng (Bản gốc);01 Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Le Trong P, số tiền 2,042 tỷ đồng (Bản gốc);01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất (lô đất số sổ BN189544, thửa số 500, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 242-244 H, thành phố Đà Nẵng), ngày 22/01/2020 giữa Đào Thị Như L với Lê Trọng P (Bản gốc);01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất (lô đất số sổ CR863250, thửa số 363, tờ bản đồ số 45, địa chỉ Lô 6+37 T, thành phố Đà Nẵng), ngày 29/5/2020 giữa Đào Duy H với Lê Trọng P (Bản gốc);01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất (lô đất số sổ CO160292, thửa số 14, tờ bản đồ số 49, địa chỉ Lô 49 đường H, thành phố Đà Nẵng), ngày 30/01/2020, giữa Đào Thị Như L với Lê Trọng P (Bản gốc);02 Tài liệu đề ngày 12/6/2020, ngày 14/7/2020, có chữ ký của Đào Thị Như L (Bản gốc).

- Ngày 28/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Hồ Minh T tự nguyện giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 693544 do UBND quận S cấp ngày 22/01/2009 (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền đề ngày 29/7/2020 ghi tên Đào Thị Như L.

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Lê Thị H giao nộp, gồm: 01 Giấy bán đất ngày 26/02/2020 giữa bà Đào Thị Như L, ông Trần Kim C và bà Lê Thị H (Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc ngày 26/02/2020 ký tại Văn phòng công chứng Trần Công

Minh (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 ghi tên Đào Thị Như L(Bản gốc); 01 Giấy bán đất ngày 04/6/2020 giữa bà Đào Thị Như L và bà Lê Thị H (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 521770, số vào sổ CH00313 (Bản sao); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645823, số vào sổ CT 01735(Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 719441, số vào sổ CTs 149289(Bản gốc).

- Ngày 11/9/2020 và ngày 29/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu, đồ vật do Trần Kim C giao nộp, gồm: 12 Đĩa CD-R được đánh số thứ tự từ 1 đến 12, chứa nội dung dữ liệu âm thanh, hình ảnh, trên đĩa có ghi chú thích nội dung và chữ ký, họ tên của người giao nộp là Trần Kim C. Cụ thể: Đĩa số 1 đề "16.07.2020 bà Chi; bà T đến 127 HTK gặp L", trong đĩa chứa nội dung hai file video (đuôi mp4), một gile dung lượng 76.749KB, một file dung lượng 18.665KB; Đĩa số 2 đề "13.8.2020 bà Hòa, bà T đến 127 HTK", trong đĩa chứa nội dung hai file, một file video (đuôi mp4) dung lượng 116.204KB, một file âm thanh (đuôi wav) dung lượng 32.785KB; Đĩa số 3 đề "bà H gọi điện cho C để đòi tiền", trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi wav), dung lượng 2.607KB; Đĩa số 4 đề "bà H đến công ty chửi chị L để đòi nợ", trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi m4a), dung lượng 1.574KB; Đĩa số 5 đề "ông T gọi C đặt cọc A15 Royal Era", trong đĩa chưa nội dung một file âm thanh (đuôi wav), dung lượng 1.618KB; Đĩa số 6 đề "ông T, T, bà Khuyên, chị L nói chuyện trả nợ", trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi m4a), dung lượng 51.325KB; Từ đĩa số 7 đến 12 đề "22.8.2020, T gọi người đến 127 HTK", trong đĩa số 7 chứa hai file mp4 dung lượng lần lượt là 136.419KB, 7.744KB; đĩa số 8 chưa một file mp4 dung lượng 114.432KB; đĩa số 9 chứa một file mp4 dung lượng 16.062KB; đĩa số 10 chứa một file mp4 dung lượng 170.093KB; đĩa số 11 chứa một file mp4 dung lượng 63.376KB; đĩa số 12 chứa một file mp4 dung lượng 29.093KB.01 Bản sao Biên bản giao tài sản bảo đảm ngày 20/02/2020; 01 Bản sao Hợp đồng đặt cọc mua bán đất đề ngày 29/04/2020, bên nhận đặt cọc Trần Kim T, Trần Kim C, bên đặt cọc Nguyễn T.

Trong quá trình điều tra, ngày 22-01-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Lệnh kê biên 03 tài sản sau của Đào Thị Như L:

- Thửa đất tại địa chỉ lô 6+37 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 863250 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-7-2019; số vào sổ cấp GCN: CTs 191665, đứng tên Đào Duy Đ;

- Thửa đất tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 521770 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27-7-2011; số vào sổ cấp GCN: CH 00313, đứng tên Trần Kim C;

- Nhà đất tại địa chỉ lô 49 đường H, KDC mới B phường Mỹ An, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

và tài sản khác gắn liền với đất số CO 160292 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-9-2018; số vào sổ cấp GCN: CTs 169602, đứng tên Đào Thị Như L.

Về bồi thường thiệt hại: Ngày 27-01-2022, gia đình của Đào Thị Như L đã nộp số tiền 50 triệu đồng vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu tiền số 0001744 ngày 27-01-2022 để bồi thường một phần cho các bị hại.

Quá trình điều tra, các bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số: 43/VKS-P2 ngày 05-5-2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố Dương Thị Ngọc A về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; truy tố Đào Thị Như L về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Với nội dụng như trên

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định*:**

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc A phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày; bị cáo còn phải thụ hình 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Như L phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Đào Thị Như L 05 (năm) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Đào Thị Như L phải thi hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Ngoài ra HĐXX còn tuyên án phí HSST, án phí DS-ST, phạt tiền, bồi thường thiệt hại, kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án, xử lý tang tài vật… và các quyết định có liên quan, cũng như các kiến nghị của HĐXX.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, các bị cáo Dương Thị Ngọc A, Đào Thị Như L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25 tháng 08 năm 2022, bị hại Phạm T có đơn kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm, do bỏ lọt người phạm tội và tội danh đối với bị cáo L.

Người bị hại: Vợ chồng bà Lê Thị H có nhiều đơn kháng cáo trễ hạn, khiếu nại nhiều lần đề nghị Hủy án sơ thẩm về hình phạt cũng như các tội danh liên quan đến bị cáo Đào Thị Như L điều tra xử lý đối với ông Trần Kim C với vai trò là đồng phạm giúp sức cho Đào Thị Như L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 29 tháng 08 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A, hủy bỏ phần kiến nghị về xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Về tính hợp pháp của kháng cáo của bị cáo và bị hại: Các bị cáo Đào Thị Như L, Dương Thị Ngọc A; người bị hại Phạm T đã kháng cáo đúng chủ thể, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo, người bị hại Phạm T là hợp pháp. Đối kháng cáo bị hại bà Lê Thị H dù trễ hạn nhưng có căn cứ nên cũng cần xem xét.

2. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A và hủy bỏ phần kiến nghị về xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C. Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Dương Thị Ngọc A. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" và xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù (trong khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù) là phù hợp, không nặng. Bị cáo Dương Thị Ngọc A xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

4. Đối với, kháng cáo của người bị hại Phạm T và những người bị hại không kháng cáo như bà Phạm Quỳnh Thu T và vợ chồng ông Nguyễn Hoài H có nhiều đơn khiếu nại, xét thấy quá trình điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị HĐXX vẫn xem xét,

Đào Thị Như L, **Đào Duy Đ và Trần Kim C. Dù rằng Đào Duy Đ và Trần Kim C đứng tên nhiều GCNQSDĐ** Đ đã ký vào 02 Hợp đồng thế chấp giả, vay ngân hàng 50 tỷ đồng và Văn bản thỏa thuận 3 bên giả để đưa cho ông T. Vì vậy, Đào Duy Đ có vai trò giúp sức tích cực cho L phạm tội.

Đối với Trần Kim C đứng tên chủ sở hữu Lô đất số 05B Q, TP. Đà Nẵng. ký giấy tờ để L nhận và chiếm đoạt số tiền 07 tỷ đồng của vợ chồng Nguyễn Hoài H - Lê Thị H.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Mặt khác dù đã thế chấp 03 lô đất ven biển cho ngân hàng Agribank để vay hơn 270 tỷ đồng nhưng nói dối ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng, sau đó tiếp tục làm giả "Văn bản thỏa thuận ba bên" số 01/062020/VBTT ngày… 06/2020 và ghi số tiền để giải chấp là 75 tỷ đồng cho phù hợp với 03 hợp đồng đặt cọc làm giả đã giao cho ông T. Sau đó thoả thuận chuyển nhượng cho ông T 150 tỷ đồng để mục đích là chiếm đoạt tiền cọc của ông T 50 tỷ đồng; Như vậy L đã có dấu hiệu phạm 02 tội, đó là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 40 tỷ đồng và Lừa đảo chiếm đoạt 10 tỷ đồng của ông Phạm T. Ngoài ra, chỉ trong thời gian ngắn L chiếm đoạt và sử dụng được số lượng tiền lớn trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19. Vậy số lượng hơn 1.500 tỷ đồng đi đâu ? L sử dụng vào mục đích gì ? chưa được làm rõ, xét thấy có dấu hiệu của tội rửa tiền và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ nên cần phải chấp nhận kháng cáo của người bị hại hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại do **Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.**

Từ những phân tích nêu trên, Đề nghị HĐXX:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của VKS thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Ngọc A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm T; huỷ một phần bản án sơ thẩm về các tội danh cũng như hình phạt của bị cáo L để điều tra lại với những nội dung như trên.

Không xét kháng cáo của bị cáo Đào Thị Như L, do đề nghị hủy án.

Những người bị hại không kháng cáo là Phạm Quỳnh Thu T và vợ chồng ông Nguyễn Hoài H, nhưng xét thấy có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị vẫn xét; do bị cáo Đào Thị Như L đã tuyên mức án cao nhất là Chung thân nên việc huỷ một phần bản án sơ thẩm đối với L cũng không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Đối với kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và kiến nghị của bà Lê Thị H xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C theo thẩm quyền .

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Thị Như L cho rằng Bị cáo L có nhiều thành tích trong công tác cũng như có nhiều đóng góp cho địa phương đã được ghi nhận và khen tặng; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Đề nghị xem xét các tình tiết và nguyên nhân phạm tội của bị cáo,tuyên cho bị cáo mức án có thời hạn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Phạm T cho rằng trong tổng số tiền 72 tỷ đồng mà ông T đưa cho bị cáo Đào Thị Như L thì chỉ có 05 tỷ đầu tiên là tiền ông T cho bị cáo vay; số còn lại là tiền bị cáo nhận từ ông T thông qua các giao dịch chuyển nhượng bất động sản; cùng với việc bị cáo đã bị vỡ nợ từ tháng 01-2020, nên cần phải xem xét toàn bộ số tiền nhận từ ông T khi

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

bị cáo đã vỡ nợ là tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của ông Phạm T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ điều tra bổ sung để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt từ ông T và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người liên quan khác trong vụ án và xem xét thêm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ kháng nghị, Vì vậy; HĐXX cấp phúc thẩm Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tăng hình phạt với bị cáo Dương Thị Ngọc A.

[2]. Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thị Ngọc A thì thấy. Tại phiên toà, bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận. Từ khoảng tháng 4/2020 đến cuối tháng 8/2020, Dương Thị Ngọc A công tác tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân, tổ chức nộp vào làm thủ tục, Dương Thị Ngọc A đã bàn bạc với Đào Thị Như L lấy 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho L mang đi cầm cố thế chấp vay tiền về sử dụng cá nhân; ngoài ra, L còn tự ý sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi nói trên của các bị cáo A và L đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", quy định tại Điều 356 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ đúng tội. Xét thấy; Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* Với mức án 05 năm 06 tháng tù (trong khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù) là phù hợp, không nặng. Bị cáo Dương Thị Ngọc A xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[2.1] Xét kháng cáo của người bị hại ông Phạm T, vợ chồng bà Lê Thị H đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C, Đào Duy Đ và nội dung kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì thấy:

Thửa đất diện tích 693,3m^2 tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng là tài sản của bị cáo Đào Thị Như L nhờ Trần Kim C đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng vay số tiền 27 tỷ đồng. Do mất khả năng thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên L đã chỉ đạo C, ký biên bản bàn giao thửa đất này cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng bán đấu giá, để thu hồi nợ vay cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 26-02-2020 bị cáo cùng với C thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

ông Nguyễn Hoài H, bà Lê Thị H với giá 24.265.500.000 đồng và nhận đặt cọc của ông H, bà H 07 tỷ đồng. Đến ngày 08-4-2020, bị cáo gặp và lấy thêm được của ông H, bà H 03 tỷ đồng với lý do cần thêm tiền để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 05B Q từ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để làm thủ tục ra Công chứng cho ông H, bà H. Bị cáo đã viết Giấy mượn số tiền 03 tỷ đồng nói trên và để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ bị cáo A cho ông H, bà H để làm tin. Đến ngày 04-6-2020, bị cáo tiếp tục sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ bị cáo A đến nói đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên và thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoài H với giá 03 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt luôn số tiền này của ông H. T bộ số tiền chiếm đoạt của ông H, bà H thì L đem sử dụng trả nợ cá nhân chứ không thanh toán khoản nào cho ngân hàng. Như vậy có đủ cơ sở để xác định Trần Kim C biết rõ việc mình đứng tên dùm tài sản cho bị cáo L, biết rõ tài sản đã được thế chấp và bàn giao cho Ngân hàng để xử lý khoản nợ vay nhưng cùng bị cáo L đến gặp ông H, bà H để thỏa thuận chuyển nhượng, nhận tiền, mà không nộp số tiền nhận cọc cũng như các khoản tiền khác cho Ngân hàng là có vai trò đồng phạm với bị cáo L trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, bà H.

[2.2] Đối với Đào Duy Đ đã ký văn bản thỏa thuận ba bên v/v chuyển nhượng tài sản số 01/062020 tháng 6/2020; Ngoài ra, Đào Duy Đ còn đứng tên GCNQSDĐ thửa 6+37 đường T đã thế chấp cho Ngân Hàng TMCP để vay 65 tỷ đồng, nhưng sau đó ngày 29/5/2020 Đ tiếp tục ký hợp đồng Đặt cọc bán lô 6+37 cho ông Lê Trọng P người được bà T ủy nhiệm với giá 52,730 tỷ đồng và nhận cọc 8 tỷ đồng lấy tiền tiêu xài…Như vậy có đủ cơ sở để xác định Đào Duy Đ cũng có vai trò giúp sức cho bị cáo L trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Đại diện VKS cho rằng; Đào Thị Như L đã thế chấp 03 lô đất ven biển cho ngân hàng Agribank để vay hơn 270 tỷ đồng nhưng nói dối ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng, sau đó tiếp tục làm giả "Văn bản thỏa thuận ba bên" số 01/062020/VBTT ngày ..... /06/2020 và ghi số tiền để giải chấp là 75 tỷ đồng cho phù hợp với 03 hợp đồng đặt cọc làm giả đã giao cho ông T. Sau đó thoả thuận chuyển nhượng cho ông T 150 tỷ đồng để mục đích là chiếm đoạt tiền cọc của ông T 50 tỷ đồng; Như vậy L đã có dấu hiệu phạm 02 tội, đó là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 40 tỷ đồng và Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10 tỷ đồng của ông Phạm T. Mặt khác; chỉ trong thời gian ngắn L chiếm đoạt và sử dụng được số lượng tiền lớn trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19. Vậy số lượng hơn 1.500 tỷ đồng đi đâu ? lệ sử dung vào mục đích gì ? chưa được làm rõ. Vì vậy, có dấu hiệu của tội rửa tiền và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ, nên cần phải chấp nhận kháng cáo của người bị hại và đề nghị của Viện kiểm sát, hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại có hay không tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[3.1] Xét thấy: Hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Đào Thị Như L có mối quan hệ logic cần phải được điều tra có hệ thống mới xử lý triệt để vụ án. *Quá trình điều tra truy tố . Tòa cấp sơ*

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

thẩm đã trả điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa tiến hành điều tra hoặc điều tra không đầy đủ, là bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội.

Vì vậy; Tòa án cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung tại phiên tòa được; cần phải hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm về các tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; Tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và Tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với bị cáo Đào Thị Như L và phần hình phạt để điều tra và thu hồi tài sản phạm tội, phân hóa vai trò trách nhiệm hình sự của từng người, xem xét vai trò đồng phạm và nghĩa vụ bồi thường những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời xác định vai trò của Giám đốc Ngân hàng trong các Văn bản thỏa thuận ba bên mà Đào Thị Như L sử dụng để phạm tội.

Từ những phân tích nhận định nêu trên HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện VKS tại phiên Tòa. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đào Thị Như lệ, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng để điều tra làm rõ các nội dung nêu trên, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự. Lỗi hủy án trọng trường hợp này là khách quan không thuộc về cấp sơ thẩm.

Do hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nên không xét kháng cáo của bị cáo Đào Thị Như L.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Dương Thị Ngọc A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đào Thị Như L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Ngọc A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc A phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày; bị cáo còn phải thụ hình 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng kháng cáo của người bị hại ông Phạm T và vợ chồng bà Lê Thị H, ông Nguyễn Hoài H.

Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và hình phạt của bị cáo Đào Thị Như L. Giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Thị Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đào Thị Như L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng ;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2023/HS-PT
Ngày: 14 - 7 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân c, tỉnh Bình Định.

- *Bị cáo kháng cáo:* Nguyễn Thị A, sinh năm 1970 tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (chết) và bà Lê Thị H (chết); có chồng Nguyễn Hoàng S (sinh năm 1965) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày đến ngày 09/6/2020 đến ngày 15/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A:*

Ông Bùi Văn P - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV P L, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).

Ông Trương Công N - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV P L, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

2/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (có mặt).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L*: Ông Nguyễn Thế V - Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV N L, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Hồ Văn L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2/ Anh Hồ K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

3/ Anh Huỳnh T (Tâm), sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

4/ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

5/ Bà Phan Thị X, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

6/ Ông Lê Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

7/ Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

8/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

9/ Chị Lê Thu D, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

10/ Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1970 (có mặt)

Chỗ ở: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, tỉnh Bình Định.

11/ Bà Trần Thị T - Sinh năm: 1970. (có mặt)

Chỗ ở: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, Bình Định.

12/ Ông Võ Văn Tr - Sinh năm: 1967. (có mặt)

Chỗ ở: Khu phố Th Ch 2, phường T Q B, thị xã H N, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/4/2020 bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị H kéo ống nước đến trại chế biến cá cơm của bà Nguyễn Thị A để ngăn cản không cho bà A tiếp tục đun nước sôi để chế biến cá cơm vì gây ô nhiễm môi trường, thì

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

giữa bà A với bà L, bà H xảy ra mâu thuẫn. Trong lúc cãi nhau, bà Nguyễn Thị A dùng ca nhựa màu cam múc nước đã đun sôi (dùng để trụng cá cơm) tạt vào người bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị H gây thương tích bỏng da.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định giám định tỷ lệ thương tích của bà Lê Thị L và kết luận: bà Lê Thị L bị bỏng nhiệt nước sôi độ I, II diện tích khoảng 18% tại vùng cánh tay phải, vùng hông phải, vùng dưới rốn, vùng tầng sinh môn, vùng đùi hai bên đã điều trị. Hiện tại, cánh tay phải diện bỏng để lại sẹo nông tại vị trí 1/3 trên trước và 1/3 trên sau, không rối loạn điều tiết; vùng hông phải diện bỏng để lại sẹo nông kích thước (10x3)cm, rối loạn điều tiết trên nền rối loạn sắc tố da kích thước (40x18)cm; vùng dưới rốn để lại sẹo kích thước (10x3)cm, rối loạn nội tiết trên nền sắc tố da và sẹo nông kích thước (20x8)cm; vùng bẹn, tầng sinh môn để lại sẹo nông, không rối loại điều tiết; vùng mặt trước đùi hai bên để lại sẹo nông tại đùi trái có sẹo sâu rối loạn điều tiết kích thước (8x4)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 32%.

Cùng ngày, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Định giám định tỷ lệ thương tích của bà Nguyễn Thị H và kết luận: Bà Nguyễn Thị H bị bỏng nhiệt do nước sôi tại vùng ngực trái cạnh núm vú trái đã điều trị. Hiện vùng ngực trái cạnh núm vú trái để lại vùng thâm da không thành sẹo kích thước (2x1) cm, không ảnh hưởng chức năng vú. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày từ ngày 15 đến 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã H N, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, gimr, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến ngày 15/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị A bồi thường cho bà Lê Thị L 75.187.000đ.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

4. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định, xử lý vật chứng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 26/12/2022, bị cáo Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm 140/2022/HS-ST từ ngày 15 đến 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã H N và tuyên bị cáo vô tội vì bị cáo không có hành vi tạt nước sôi đối với bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư Bùi Văn Ph và Trương Công Nh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị A: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm có nhiều vi phạm về trình tự, thủ tục tố tụng. Các kiến nghị, khiếu nại của bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo không được các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm giải quyết. Lời khai các bị hại, người làm chứng có mâu thuẫn nhưng chưa được đối chất, điều tra làm rõ. Luật sư và bị cáo làm đơn đề nghị thực nghiệm điều tra nhưng khi cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra thì không cho bị cáo Á và luật sư bào chữa cho bị cáo tham gia thực nghiệm. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội trong khi đó bà Phạm Thị N thừa nhận là người tạt nước sôi vào người bà L và bà H gây thương tích. Lời khai nhận tội của bà N phù hợp với lời khai của người làm chứng Đinh Thị Th, Võ Văn Tr, Nguyễn Văn H và Trần Thị T, là những người trực tiếp chứng kiến việc bà N tạt nước sôi vào người các bị hại. Do đó có căn cứ để xác định bị cáo Á không phải là người tạt nước sôi vào người bà H, bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Thị A vô tội và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thế V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Thị L: Căn cứ lời khai của các bị hại, người làm chứng ở cấp sơ thẩm và kết quả thực nghiệm điều tra có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị A là người dùng ca nhựa múc nước sôi hai lần tạt vào người bà L và bà H gây thương tích. Những người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm do luật sư của bị cáo và bị cáo yêu cầu Tòa triệu tập có quan hệ là người làm công, người làm ăn với bị cáo, do đó lời khai của họ không khách quan, không đúng sự thật khách quan của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị A dùng ca nhựa màu cam múc nước đun sôi để trụng cá cơm tạt vào người bà Lê Thị L gây thương tích với tỷ lệ 32% và bà Nguyễn Thị H gây thương tích với tỷ lệ 01% căn cứ vào lời khai của những người làm chứng: Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Phan Thị X, Bùi Thị L và của bị hại Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, lời khai của những người làm chứng này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị A nhưng quá trình điều tra, điều tra bổ sung cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất theo quy định tại Điều 189 của BLTTHS

Cấp sơ thẩm xác định bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị H là bị hại của vụ án

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nhưng chỉ có duy nhất lời khai của bị hại Nguyễn Thị H xác định bị cáo Nguyễn Thị A tạt nước sôi vào người bị hại, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ, cũng như nhân chứng nào khác khai nhìn thấy bị cáo Nguyễn Thị A tạt nước sôi vào người bà H. Lời khai của những người làm chứng Hồ Xuân Lành, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L đều khai nhìn thấy Nguyễn Thị A dùng ca nhựa màu cam tạt nước sôi vào người bà Lê Thị L 02 lần, không có lời khai nào thể hiện nhìn thấy bà Nguyễn Thị H bị tạt nước sôi như lời bà H khai. Nội dung mâu thuẫn này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, chưa tiến hành đối chất giữ bị hại Nguyễn Thị H và những người làm chứng nêu trên.

Trong quá trình xét xử, người làm chứng Phạm Thị N có đơn đầu thú tự nhận mình là người thực hiện hành vi tạt nước sôi đối với bà Lê Thị L, Cơ quan điều tra Công an thị xã H N đã tiến hành thực nghiệm điều tra đối với hành vi của bà Phạm Thị N và tiến hành các hoạt động điều tra khác. Tuy nhiên, Quyết định thực nghiệm điều tra nêu phương pháp tiến hành là cho bị cáo, bị hại và bà N và các nhân chứng khác diễn lại các hành vi nhưng khi tiến hành thực nghiệm điều tra được thể hiện tại Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 25/01/2022 (BL số 326) lại tiến hành trên hình nộm người là không đúng với Quyết định thực nghiệm điều tra, kết quả thực hiện nghiệm điều tra không chính xác vì hình nộm người không di chuyển, còn thực tế người di chuyển nên mức độ xác định nước dính vào hình nộm và người khác nhau.

Lời khai của người làm chứng Hồ Văn L ngày 12/02/2022 (BL số 402); Huỳnh T ngày 13/02/2022 (BL số 404) xác định: "*thấy bà Nguyễn Thị A cầm cá nhựa màu đỏ nhạt/màu cam múc nước sôi trong thùng đang nấu hai lần rồi tạt vào người bà Lê Thị L*", lời khai của 02 nhân chứng này mâu thuẫn với lời khai của bị hại Lê Thị L và Nguyễn Thị H: bị cáo Nguyễn Thị A cầm sẵn 01 ca nhựa màu cam có nước sôi tạt 01 lần sau đó tiếp tục múc nước lần thứ hai để tạt.

Tại phiên toà người làm chứng Nguyễn Văn H, Trần Thị T, Võ Văn Tr đều xác nhận đã nhìn thấy bà Phạm Thị N là người trực tiếp tạt nước sôi đối với bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H, nội dung này chưa được lấy lời khai làm rõ ở cấp sơ thẩm.

Ngoài ra, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm từ ngày 15-19/12/2022, bà N khai không biết chữ (BL số 518) nhưng nội dung này chưa được HĐXX, KSV làm rõ tại phiên tòa, quá trình lấy lời khai bà N trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng không thể hiện việc này. Tại biên bản hỏi cùng ngày 20/01/2022, (BL số 369): Bị cáo Nguyễn Thị A khai: "*Bị can mặc áo thun cổ tròn, ngắn tay, màu xám bông, mặc quần vải thun màu đen ống dài, không đeo khẩu trang, không đeo bao tay, mang dép lê*" và các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung khác đều không thể hiện là bị cáo có đội mũ hay không nhưng lời khai của bị hại Lê Thị L, Nguyễn Thị H tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2022 (BL số: 392), ngày 14/02/2022 (BL số 395), xác định: "*bà A đầu đội mũ kết/lưỡi trai*" và lời khai của những người làm chứng: Hồ K, Hồ Văn L, Huỳnh T tại các BL số 399 đến 406 đều xác định: "*bà A đầu đội mũ lưỡi trai*", mâu thuẫn này cũng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 BLTTHS đề nghị huỷ bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 15-19/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H N để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong suốt quá trình triều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị A không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo chỉ thừa nhận có tham gia xô xác, đánh nhau với bị hại Lê Thị L nhưng không thừa nhận hành vi hai lần múc nước sôi tạt vào người bị hại Lùn và tạt nước sôi vào người bà H gây thương tích như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H N đã truy tố. Trong khi đó, người làm chứng Phạm Thị N có đơn đầu thú tự nhận mình là người thực hiện hành vi tạt nước sôi vào người bà Lê Thị L. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai không có đánh nhau với bị hại Lùn của bị cáo Nguyễn Thị A tại Công an phường T Q B, căn cứ lời khai của các người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L khai có trực tiếp nhìn thấy bị cáo Nguyễn Thị A tạt nước sôi vào người Lê Thị L và căn cứ lời khai của bị hại Nguyễn Thị H khẳng định đã chứng kiến bị cáo Nguyễn Thị A hai lần tạt nước sôi vào người Lê Thị L gây ra thương tích, căn cứ kết quả điều tra bổ sung kết luận bà Phạm Thị N không phải là người tạt nước sôi đối với bị hại Lê Thị L và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án từ đó kết luận bị cáo Nguyễn Thị A dùng ca nhựa màu cam múc nước đang đun sôi tạt vào người bà Lê Thị L gây thương tích với tỷ lệ là 32% và Nguyễn Thị H gây thương tích với tỷ lệ 01% và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A mức hình phạt 30 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

[2] Tuy nhiên, qua nghiên cứ hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn trực tiếp, công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Các nhân chứng gồm Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L khai trực tiếp nhìn thấy bị cáo Nguyễn Thị A tạt nước sôi vào người Lê Thị L. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Thị A chỉ thừa nhận có mâu thuẫn đánh nhau với bị hại Lê Thị L, bị cáo không thừa nhận dùng ca nhựa màu cam múc nước đang đun sôi tạt vào người bà Lê Thị L gây thương tích. Như vậy lời khai của người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T và lời khai của bị cáo Á là có mâu thuẫn nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì *"Trong trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất*". Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra, điều tra viên không tiến hành đối chất giữa bị cáo Nguyễn Thị A và người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A khai trong giai đoạn điều tra bị cáo

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nhiều lần đề nghị được đối chất với người làm chứng Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T, Bùi Thị L nhưng không được cơ quan điều tra chấp nhận nên bị cáo tiếp tục đề nghị được đối chất với Hồ Văn L, Hồ K, Huỳnh T. Yêu cầu của bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 nên cần được chấp nhận.

[2.2] Theo Quyết định thực hiện nghiệm điều tra số 01 ngày 24/02/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H N quyết định phương pháp tiến hành thực nghiệm điều tra là: "*Cho bà Nguyễn Thị Nông cầm ca nhựa tương tự ca nhựa trong hồ sơ vụ án. Bà N diễn lại các hành vi tạt nước của mình, thay nước sôi bằng nước lạnh khi tiến hành. Cho bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị H, Lê Thị L đứng giằng co cãi vã nhau như lời trình bày của bà N để bà N thực hiện hành vi tạt nước. Cho các nhân chứng đứng ở vị trí như nhân chứng đã nhìn thấy bà A tạt nước sôi vào người bà H và bà L, để xác định khoảng cách, điều kiện nhìn thấy"*. Tuy nhiên theo biên bản thực nghiệm điều tra ngày 25/01/2021 thì phương pháp thực nghiệm điều tra gồm: "*03 hình nộm người, 01 gáo múc nươc tự tạo". "Về phương pháp và kết quả thực nghiệm điều tra: Cho bà Phạm Thị N diễn tả lại hành vi tạt nước sôi gây thương tích cho bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H. Kiểm tra thực tế việc tạt nước sôi vào các mô hình đã xác định trước là bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H theo lời khai của bà Phạm Thị N"*,… Như vậy, theo biên bản thực nghiệm điều tra thì cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra cho bà N tạt nước vào các mô hình đã xác định trước là bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H. Việc thực nghiệm điều tra này là trái với quyết định thực nghiệm điều tra và kết quả thực hiện nghiệm điều tra không chính xác vì hình nộm người không di chuyển, còn thực tế khi đánh nhau thì người di chuyển nên lượng nước dính vào hình nộm và người là khác nhau dẫn đến việc người làm chứng Phạm Thị N không đồng ý với kết quả thực nghiệm điều tra vì cho rằng khi đánh nhau thì hai tay phải đánh qua lại, người phải di chuyển tới lui còn mô hình thì đứng im tại chỗ.

[2.3] Về thương tích của bị hại Nguyễn Thị H: Ngoài bị hại Hoa khai bị cáo Nguyễn Thị A là người tạt nước sôi vào người bà H gây thương tích ra thì không còn lời khai của người nào khác nhìn thấy bà A tạt nước sôi vào người bà H và lời khai của bà H cũng không có sự thống nhất với nhau về thời gian, địa điểm bị cáo tạt nước sôi vào người bà H. Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/4/2020, bà H khai: *"…bà A cầm hai ca nước sôi tạt mạnh vào người bà L làm bà L bị bỏng, ngất xỉu, tôi đứng phía sau lưng bà L cách khoảng 02 mét ….thấy vậy tôi vào dìu, đỡ bà L ra ngoài hiên ngay vị trí tôi đứng, tôi vừa đứng dậy thì bà A đứng trong hiên cách tôi khoảng 03-04 mét cầm 01 cái ca tôi không rõ màu gì, cầm tay nào tạt tiếp 01 ca nước sôi lên người tôi làm tôi bị bỏng",* tại biên bản ghi lời khai ngày ngày 16/9/2020 bà H khai *"…lúc tôi đỡ chị Lùn xong tôi quay lại cãi nhau với bà A sao tạt nước sôi chị Lùn thì bà A dùng 01 ca nước còn ít nước sôi …tạt thẳng vào ngực trái của tôi"*, tại biên bản ghi lời khai ngày 13/10/2020 bà H khai *"…tôi chạy đến vị trí bà L té ngã, tôi ngồi tư thế quỳ hai gối xuống đất để đỡ bà Nguyễn Thị Lùn ngồi dậy, khi đến đỡ bà L tôi quay người nhìn bà Nguyễn Thị A, lúc này bà Nguyễn Thị A cầm ca nhựa trên tay, tôi nói với bà Nguyễn Thị A nói gì nói chứ sao bà tạt*

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nước sôi bả vậy, bà A không nói gì bà A cầm ca nước sôi tạt vào người tôi". Tuy nhiên, theo lời khai của người làm chứng Hồ Văn L thì sau khi bà A tạt nước sôi vào người bà L thì anh chạy đến đứng giữa bà A và bà L để cản không để bà A tiếp tục tạt nước sôi vào người bà L. Bà A đứng la chửi trên tay vẫn còn cầm ca nhựa, sau đó bỏ đi lòng vòng quanh trại. Như vậy, theo như lời khai của anh Lành thì sau khi bà A tạt nước sôi vào người bà L thì anh Lành đã đến can ngăn và bà A bỏ đi, không có lời khai nào của anh Lành thấy bà A tạt nước sôi vào người bà H. Do đó cần phải điều tra làm rõ việc bà H bị bà A tạt nước sôi như thế nào? thời gian, địa điểm tại đâu; có ai chứng kiến việc bị cáo tạt nước sôi vào người bà H hay không? Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra cũng không làm rõ những người làm chứng có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có ai nhìn thấy bị cáo tạt nước sôi vào người bà H hay không? Bản án sơ thẩm cũng không đưa ra căn cứ nhận định việc bị cáo gây thương tích cho bà H như thế nào nhưng kết luận thương tích 01 % của bà H là do bị cáo Á tạt nước sôi gây ra là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng gồm các ông, bà: Đinh Thị Th, Võ Văn Tr, Nguyễn Văn H, Trần Thị T khai trực tiếp chứng kiến việc đánh nhau giữa bị cáo và bị hại Lùn và cũng trực tiếp nhìn thấy bà N dùng gàu có cán dài đến múc nước sôi đi đến đứng phía sau bà A rồi đưa gàu có nước sôi tới trước tạt nước vào người bà H và bà L, sau đó cầm gàu bỏ đi. Lời khai của của những người này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Nông nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ. Do đó cần phải lấy lời khai, đối chất làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị A và của người làm chứng Phạm Thị N để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HSST ngày 15 đến 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H N trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã H N để điều tra lại. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HSST ngày 15 đến 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H N. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã H N điều tra lại.

2. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TX.H N;
- Cơ quan THAHS Công an TX.H N;
- Chi cục THADS TX.H N;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Duy

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TX.An Nhơn;
- Cơ quan THAHS Công an Tp.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp.Quy Nhơn;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Duy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2020/HS-PT
Ngày: 21-5-2020

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 19 tháng 5 đến ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HSPT-QĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 17/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2020, đối với:

+ *Bị cáo có kháng cáo:* Họ và tên: **Hoàng Ngọc H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố C, phường P, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước; Tạm trú: Số 35 Đại Cồ Việt, quận H, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Chuyên viên Vụ Giáo dục mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Tảo Ch, sinh năm 1950 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ tên Đàm Thị V, sinh năm 1978 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 02 năm 2018 thì được tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Công K, sinh năm 1954; Trú tại: Số 11 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố T, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Châu V, sinh năm 1971; Trú tại: Ấp T1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1961; Trú tại: Tổ 3, khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

4. Ông Bùi Quốc T2, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 3, khu phố T2, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

5. Ông Trần Đại C, sinh năm 1972; Trú tại: Số 45 đường Lê Hồng Phong, khu phố T, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1958; Trú tại: Số 10 đường Lê Hồng Phong, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

7. Bà Hoàng Thị Kim C2, sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 5, khu phố C, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không tiến hành triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/8/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 2755/UBND-VX về việc thực hiện một số nội dung về công tác đào tạo diện dự bị đại học dân tộc và cử tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Bình Phước lập danh sách tham mưu cho UBND tỉnh ra quyết định cho phép học sinh diện cử tuyển năm 2011, 2012 chuyển ngành, học lại chương trình dự bị đại học, thay thế học sinh nghỉ học, không đi học, không đạt yêu cầu [Bút lục số 517]. Lúc này, Hoàng Ngọc H là Phó Trưởng phòng Giáo dục dân tộc (GDDT) thuộc Sở GDĐT tỉnh Bình Phước được giao nhiệm vụ tham mưu làm Tờ trình số 2315/TTr-SGDĐT ngày 05/9/2013 (viết tắt là Tờ trình số 2315) kèm theo danh sách 42 học sinh để Sở tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định cử học sinh đi học cử tuyển [Bút lục 685-686].

Căn cứ vào Tờ trình số 2315 ngày 05/9/2013 của Sở GDĐT tỉnh Bình Phước, ngày 10/9/2013 UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định 1669/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1669) về việc cho phép học sinh diện cử tuyển năm 2011, 2012 lưu ban, chuyển ngành học và thay thế học sinh không đi học, nghỉ học, học không đạt yêu cầu. Kèm theo Quyết định số 1669 là danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 1 đến 42 có dấu Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước đóng giáp lai [Bút lục 682-684]. Qua đối chiếu, danh sách 42 học sinh kèm theo Quyết định số 1669 hoàn toàn trùng khớp với danh sách 42 học sinh kèm theo Tờ trình số 2315 của Sở GDĐT tỉnh Bình Phước.

Khi nhận được Quyết định số 1669 kèm theo danh sách 42 học sinh được cử đi học diện cử tuyển, H được Sở GDĐT tỉnh Bình Phước phân công có trách nhiệm phát hành và gửi quyết định này xuống các trường Đại học, Cao đẳng. Nhưng do bị cáo H có quen biết với ông Trần Quang L là phụ huynh của học sinh Trần Mạnh C3 và ông Nguyễn Thế H3 là người thân của gia đình học sinh Bùi Hoàng Diệu L2 nên H đã tự ý làm lại danh sách học sinh kèm theo Quyết

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

định số 1669 gồm 43 học sinh, mục đích là cho học sinh Trần Mạnh C3 và Bùi Hoàng Diệu L2 được đi học diện cử tuyển [Bút lục 805-808, 895-900], cụ thể: Theo Quyết định số 1669 thì H đã bỏ ra khỏi danh sách 07 học sinh gồm: Mã Thị H4, Lâm Tuấn V2, Tống Thành L3, Điểu Thị K2, Hà Tra M, Đoàn Minh T3, Lê Quang T4 và thay thế, thêm vào danh sách 08 học sinh gồm: Đỗ Hoàng H5, Nông Thị T5, Bùi Hoàng Diệu L2, Trần Mạnh C3, Nông Thị B (Nông Thị Ngọc B), Thạch Hoàng V3, Phạm Hoàng T6 và Ngưu Thành T7. Sau khi làm lại danh sách học sinh, H gửi kèm theo Quyết định số 1669 đến các trường Đại học, Cao đẳng tại thành phố Hồ Chí Minh và Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Bình Phước. Trong đó danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gửi đến Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXHNV) TPHCM thể hiện có 43 học sinh, có thứ tự từ 1 đến 43 [Bút lục 592-593, 620-621]. Đối với danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gửi đến Trường Dự bị Đại học, Trường Đại học Giao thông vận tải (GTVT) TPHCM, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM và Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) tỉnh Bình Phước thể hiện có 43 học sinh, có số thứ tự từ 1 đến 42 học sinh, tuy nhiên trong đó có 2 số thứ tự 25 mang tên 2 học sinh khác nhau [Bút lục 607-608, 631-633, 650-651, 664-665].

Ngày 13/3/2017, Sở GDĐT ban hành Tờ trình số 783/TTr-SGDĐT đề nghị UBND tỉnh Bình Phước buộc thôi học và bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với các học sinh Đỗ Hoàng H5, Bùi Hoàng Diệu L2, Trần Mạnh C3, Nông Thị B (Nông Thị Ngọc B), Thạch Hoàng V3, Ngưu Thành T7 và đồng ý cho chuyển trường đối với học sinh Nông Thị T5 và Phạm Hoàng T6 (02 học sinh này có tên trong danh sách đi học diện cử tuyển theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Bình Phước) [Bút lục 568].

Tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKS-ĐX ngày 10/10/2018 và Công văn số 224/CV-VKS ngày 06/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Hoàng Ngọc H về tội *"Giả mạo trong công tác"* theo điểm b khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc H phạm tội *"Giả mạo trong công tác"*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2017 đến ngày 13/02/2018.

Kiến nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án để điều tra xác định ai là người đã làm sai lệch danh sách kèm theo Quyết định số 2152/QĐ-UND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh Bình Phước để xử lý đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/01/2020, bị cáo Hoàng Ngọc H kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm; việc Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xử lý trách nhiệm liên quan đến Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 311, 312 và 313 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Mặc dù bị cáo không có ý kiến gì đối với Bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ và được hưởng án treo. Tuy nhiên, qua tranh tụng tại phiên tòa và quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm nhận thấy:

Trong thời gian từ ngày 13/6/2013 đến ngày 08/9/2013, khi ông Nguyễn Châu V - Trưởng phòng GDDT - Sở GDĐT tỉnh Bình Phước được cử đi bồi dưỡng tiếng Anh tại Canada, bị cáo Hoàng Ngọc H là người được phân công phụ trách tham mưu công tác cử tuyển cho Sở GDĐT tỉnh. Trên cơ sở Công văn số 2755/UBND-VX ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện một số nội dung về công tác đào tạo diện dự bị đại học dân tộc và cử tuyển, bị cáo đã soạn thảo, tham mưu cho ông Huỳnh Công K - Phó Giám đốc Sở GDĐT tỉnh ký Tờ trình số 2315 về việc học sinh cử tuyển năm 2011, 2012 chuyển ngành, học lại chương trình Dự bị đại học, thay thế học sinh nghỉ học, không đi học, không đạt yêu cầu và danh sách học sinh kèm theo gồm 42 học sinh. Căn cứ vào Tờ trình số 2315, ngày 10/9/2013 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1669 kèm theo danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 có đóng mộc dấu của UBND tỉnh Bình Phước giáp lai. Bị cáo là người trực tiếp giao Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo cho UBND tỉnh (thông qua Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Văn phòng UBND tỉnh), đồng thời là người nhận Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo để phát hành cho các trường Đại học, Cao đẳng.

Trong thời gian đang phát hành Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo, do được biết có một số học sinh nghỉ học, bỏ học, đồng thời do có mối quan hệ quen biết với Trần Quang L (là phụ huynh của học sinh Trần Mạnh C3) và ông Nguyễn Thế H3 (là người thân của gia đình học sinh Bùi Hoàng Diệu

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

L2) nên bị cáo đã tự ý làm lại danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 gồm 43 học sinh, mục đích là cho học sinh Trần Mạnh C3 và Bùi Hoàng Diệu L2 được đi học diện cử tuyển [Bút lục 805-808, 895-900], cụ thể: Theo Quyết định số 1669 thì bị cáo đã bỏ ra khỏi danh sách 07 học sinh gồm: Mã Thị H4, Lâm Tuấn V2, Tống Thành L3, Điểu Thị K2, Hà Tra M, Đoàn Minh T3, Lê Quang T4 và thay thế, thêm vào danh sách 08 học sinh gồm: Đỗ Hoàng H5, Nông Thị T5, Bùi Hoàng Diệu L2, Trần Mạnh C3, Nông Thị B (Nông Thị Ngọc B), Thạch Hoàng V3, Phạm Hoàng T6 và Ngưu Thành T7. Sau khi làm lại danh sách học sinh, bị cáo đã gửi kèm danh sách này cùng Quyết định số 1669 đến các trường Đại học, Cao đẳng.

Quá trình điều tra, truy tố thu thập được bản chính tài liệu là Quyết định số 1669 và danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 (trong đó có 07 học sinh gồm Mã Thị H4, Lâm Tuấn V2, Tống Thành L3, Điểu Thị K2, Hà Trà M, Đoàn Minh T3 và Lê Quang T4), bản có đóng dấu mộc đỏ của UBND tỉnh Bình Phước và đóng dấu giáp lai giữa quyết định và danh sách kèm theo [Bút lục 2001-2002]. Đối chiếu tài liệu chính này với Tờ trình số 2315 và danh sách 42 học sinh của Sở GDĐT do bị cáo tham mưu hoàn toàn trùng khớp về danh sách 42 học sinh với nhau [Bút lục 2003-2004]. Đồng thời, qua điều tra, xác minh thu thập chứng cứ tại các cơ quan có trách nhiệm thi hành theo Điều 3 của Quyết định số 1669 gồm Sở GDĐT tỉnh Bình Phước, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước, các cơ quan này cũng chỉ nhận được Quyết định số 1669 qua đường truyền trực tuyến nội bộ và không có danh sách học sinh kèm theo. Vì vậy, có căn cứ xác định ngoài Quyết định số 1669 và danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 đã thu thập được nêu trên, không còn bản chính danh sách học sinh nào có số lượng học sinh và hình thức đóng dấu theo quy định nêu trên.

Về lời khai bị cáo có nhiều sự thay đổi, cụ thể: Ban đầu bị cáo khai nhận bản thân đã soạn thảo, tham mưu Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 cho ông Huỳnh Công K - Phó Giám đốc Sở GDĐT ký để trình UBND tỉnh ký ban hành Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh. Trong quá trình phát hành Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo cho các trường Đại học, Cao đẳng, do biết được có một số học sinh nghỉ học, bỏ học nên bị cáo đã báo cáo ông Nguyễn Châu V - Trưởng phòng GDDT, sau đó được ông V chỉ đạo bị cáo gặp ông K để báo cáo. Khi gặp ông K thì bị cáo báo cáo sự việc và được ông K chỉ đạo bị cáo liên hệ Phòng Văn hóa - Xã hội (VHXH) thuộc Văn phòng UBND tỉnh để được hướng dẫn. Sau đó, bị cáo đã liên hệ với ông Trần Đại C - Trưởng phòng VHXH và được ông C hướng dẫn thực hiện điều chỉnh danh sách thay thế, bổ sung để kịp thời phát hành kèm theo Quyết định số 1669, nếu làm lại Tờ trình và danh sách mới sẽ không kịp trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành do lãnh đạo UBND tỉnh đang bận công tác. Bị cáo đã báo cáo lại nội dung này cho ông K và được ông K đồng ý, nên bị cáo mới thực hiện điều chỉnh danh sách thay thế, bổ sung để trình UBND tỉnh. Tuy nhiên, qua diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lại lời khai và cho rằng bị cáo thực hiện điều chỉnh danh sách thay thế, bổ

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

sung từ 42 học sinh thành danh sách 43 học sinh khi chưa nhận được Quyết định số 1669 và danh sách 42 học sinh từ UBND tỉnh.

Kết quả đối chất giữa ông Nguyễn Châu V với bị cáo [Bút lục 469-472]; giữa ông Huỳnh Công K với bị cáo [Bút lục 463-466]; giữa ông Trần Đại C với bị cáo [Bút lục 483-486] và lời trình bày tại phiên tòa thì ông V, ông K và ông C khẳng định không chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn cho bị cáo trong việc điều chỉnh danh sách 42 học sinh có số thứ tự từ 01 đến 42 thành danh sách 43 học sinh có số thứ tự từ 01 đến 43, mà việc điều chỉnh danh sách thay thế, bổ sung là do một mình bị cáo tự thực hiện.

Riêng đối với ông K, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22 đến ngày 27/02/2019 ông K xác định bị cáo có trình ông ký Tờ trình số 2315 (lần thứ hai, không có chữ ký nháy) và danh sách kèm theo gồm 43 học sinh, nhưng thực tế ông K biết được chỉ sau khi được Cơ quan điều tra cho xem Tờ trình trên (bản phô tô), ông K thấy chữ ký giống của ông nên ông nhận là đã ký [Bút lục 1457, 1458, 1459, 1460].

Đối với ông Trần Văn T - Chánh Văn phòng Sở GDĐT là người ký sao y Quyết định số 1669 với số lượng 03 (ba) bản; về danh sách kèm theo Quyết định số 1669 thì ông xác định không ký sao y vào danh sách này. Tuy nhiên, lời khai của ông T cũng có sự thay đổi, ban đầu ông T cho rằng ông V là người nhờ ông ký sao y Quyết định số 1669, nhưng sau đó lại thay đổi lời khai cho rằng chính bị cáo là người nhờ ông ký sao y Quyết định này [Bút lục 361-362; 369-372].

Đối với ông Bùi Quốc T2 - Văn thư thuộc Văn phòng Sở GDĐT thì xác định có lấy số công văn và đóng mộc dấu Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo, sau đó giao lại Tờ trình và danh sách này cho bị cáo để gửi cho UBND tỉnh (ông T2 không nhớ được đã lấy số công và đóng mộc dấu bao nhiêu lần, bao nhiêu bản). Đồng thời, ông T2 cũng xác định đã đóng mộc dấu sao y bản chính Quyết định số 1669 do ông Trần Văn T - Chánh Văn phòng Sở GDĐT ký, nhưng số lượng bao nhiêu bản thì không nhớ rõ. Ông T2 cũng không để ý danh sách kèm theo Quyết định số 1669 này nên không biết số lượng học sinh là bao nhiêu [Bút lục 378-389; 1558-1559].

Đối với bà Hoàng Thị Kim C2 - Văn phòng UBND tỉnh khẳng định chỉ đóng mộc dấu UBND tỉnh vào Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh là tài liệu chính nêu trên. Ngoài ra, bà quản lý mộc dấu của UBND tỉnh không đóng dấu vào tài liệu nào khác của Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo, cũng như không cho ai sử dụng mộc dấu của UBND tỉnh để đóng dấu văn bản. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C2 cho rằng đối với một số danh sách là bản photo kèm theo Quyết định số 1669 được đóng mộc dấu treo của UBND tỉnh, trường hợp này chỉ có khả năng là do ông Trần Đại C nhờ bà C2 đóng mộc dấu, ngoài ra nếu là cá nhân khác thì bà C2 sẽ không đóng mộc dấu.

Tuy nhiên, tài liệu thu thập được tại các trường Đại học, Cao đẳng thể hiện có một số hình thức Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo bao gồm:

- Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh (được đánh số thứ tụ từ 01 đến 42, nhưng trùng hai số thứ tự số 25): hình thức Quyết định số

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

1669 là bản mộc dấu đen của UBND tỉnh, có đóng dấu sao y chữ ký của ông Trần Văn T - Chánh Văn phòng Sở GDĐT (không số, ngày, tháng) mộc đỏ; giữa Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo có dấu mộc đỏ giáp lai của Sở GDĐT. So với danh sách kèm theo tài liệu chính, số thứ tự từ 01 đến 25 trùng nhau, nhưng tiếp theo lại có thêm "STT 25, Đỗ Hoàng H5, Đại học Y Dược TPHCM, thay thế Phạm Thị Hồng H6" (thu giữ của Trường Dự bị Đại học TPHCM, dấu Công văn đến ngày 10/01/2014 mộc đỏ [Bút lục 1969-1970]; thu giữ của Trường Đại học GTVT TPHCM [Bút lục 1946-1947]; thu giữ của Trường CĐSP Bình Phước [Bút lục 1940]). (sau đây gọi tắt là "Tài liệu thứ hai")

- Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo gồm 43 học sinh (được đánh số thứ tụ từ 01 đến 43): hình thức Quyết định số 1669 là bản mộc dấu đen của UBND tỉnh, có ½ mộc dấu đen giáp lai; danh sách 43 học sinh có mộc dấu đen của UBND tỉnh đóng treo đầu trang danh sách. So với danh sách kèm theo tài liệu chính, số thứ tự từ 01 đến 25 trùng nhau, nhưng tiếp theo lại có sự xáo trộn, có trường hợp trùng và có trường hợp không trùng về họ tên học sinh với tài liệu chính (tài liệu thu giữ của Trường Đại học KHXHNV TPHCM [Bút lục 1960-1962]; thu giữ của Trường Đại học Y Dược TPHCM [Bút lục 1844-1845]). (sau đây gọi tắt là "Tài liệu thứ ba")

Như vậy, cùng với danh sách 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 kèm theo tài liệu chính là Quyết định số 1669 nêu trên và Quyết định, danh sách kèm theo Quyết định số 1669 thu thập được từ các trường Đại học, Cao đẳng thì có 3 loại danh sách kèm theo Quyết định số 1669 khác nhau; cùng với 3 loại danh sách khác nhau này, mỗi tài liệu thu thập được lại có đặc điểm đóng dấu và hình dấu đóng khác nhau. Đồng thời, theo lời trình bày trên của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cũng có nhiều Tờ trình cùng được lấy số 2315. Trong khi đó, bị cáo thừa nhận bản thân là người trực tiếp soạn thảo, tham mưu Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo 02 (hai) lần: lần đầu là Tờ trình số 2315 có chữ ký nháy của bị cáo và danh sách kèm theo gồm 42 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 42 trùng khớp với tài liệu chính; lần hai là Tờ trình số 2315 không có chữ ký nháy của bị cáo và danh sách điều chỉnh bổ sung, thay thế gồm 43 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 43. Lời trình bày này có một phần phù hợp với tài liệu thu thập được tại Trường Đại học KHXHNV TPHCM và Trường Đại học Y Dược TPHCM. Vậy ngoài những tài liệu do bị cáo thừa nhận đã điều chỉnh, còn lại những Tờ trình, danh sách còn lại, cũng như những hình thức Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo khác nhau khác đã thu giữ được do ai soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu, phô tô, phát hành chưa được điều tra thu thập chứng cứ làm rõ. Hơn nữa, Cơ quan điều tra (CQĐT) và Viện kiểm sát (VKS) cấp sơ thẩm đến nay cũng chỉ thu thập được tài liệu là bản phô tô danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669, không thu thập được bản có dấu mộc đỏ của loại tài liệu thứ hai và tài liệu thứ ba nên chưa thể trưng cầu giám định về hình thức, nội dung và mộc hình dấu tròn trên các tài liệu này nên chưa kết luận được chính xác bị cáo là người thực hiện toàn bộ việc soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu và phát hành các tài liệu này hay có đồng phạm giúp sức trong việc thực hiện tội phạm. Trường hợp chỉ xác định có một mình bị

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

cáo thực hiện thì bị cáo đã thực hiện những loại tài liệu nào (tài liệu chính, tài liệu loại thứ hai hay tài liệu loại thứ ba hay cả 03 (ba) loại tài liệu). Nếu xác định có đồng phạm giúp sức thì cụ thể là ai, giúp sức thực hiện những công việc gì, đối với loại tài liệu nào trong việc soạn thảo, tham mưu, đóng mộc dấu và phát hành các tài liệu này. Cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ những vấn đề trên mà chỉ mới xác định được bị cáo là người điều chỉnh danh sách học sinh kèm theo Quyết định số 1669 từ 42 thành 43 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 43 và tuyên bố bị cáo phạm tội là điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm và hành vi phạm tội. Những vấn đề này cần được điều tra, xác minh làm rõ.

[3] Trong tháng 8/2013, trước khi UBND tỉnh ban hành Công văn số 2755/UBND-VX ngày 22/8/2013 về việc thực hiện một số nội dung về công tác đào tạo diện dự bị đại học dân tộc và cử tuyển (viết tắt là Công văn số 2755), thì UBND tỉnh có Công văn số 2470/UBND-VX ngày 02/8/2013 về việc thực hiện công tác cử tuyển năm 2013 (viết tắt là Công văn số 2470) [Bút lục 1803]. Trên cở sở Công văn số 2470 này, Sở GDĐT ra Thông báo số 2045/TB-SGDĐT ngày 02/8/2013 về chỉ tiêu và hướng dẫn sơ tuyển theo chế độ cử tuyển năm 2013 [Bút lục 515-516]; ngày 14/8/2013, Sở GDĐT có Tờ trình số 2152/TTr-SGDĐT về việc tham mưu thành lập Hội đồng cử tuyển. Đến ngày 24/8/2013, UBND tỉnh ra Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 về việc thành lập Hội đồng cử tuyển 2013 [Bút lục 1722]. Hội đồng đã tiến hành họp xét cử tuyển năm 2013 ngày 24/9/2013 đã thống nhất cử tuyển 104 học sinh, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) 88 em và dân tộc kinh 16 em; riêng 06 em dân tộc kinh có hộ khẩu trong gia đình người thân (anh, em, chú, bác…) sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn để thay thế cho học sinh chuyển ngành, bỏ học của năm học trước (có danh sách kèm theo) chờ xin ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh; Giao Thường trực Hội đồng cử tuyển của tỉnh (Sở GDĐT) rà soát hết số học sinh DTTS tại chỗ (S'Tiêng, M'Nông, Khmer có đăng ký dự tuyển thay thế cho số học sinh DTTS không đậu dự bị đại học nhằm đảm bảo quyền lợi của các em và chỉ tiêu được giao [Bút lục 1771-1772; 1841]. Ngày 26/9/2013, Sở GDĐT có Tờ trình số 2598/TTr-HĐCT trình UBND tỉnh ra Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 cử tuyển học sinh đi học Đại học, Cao đẳng năm 2013: cử tuyển 104 học sinh, kèm theo 12 danh sách [Bút lục 1756-1770; 1828-1835] (viết tắt là Quyết định số 1806).

Quy trình cử tuyển năm 2013 theo Quyết định số 1806 nêu trên được thực hiện trong thời gian bị cáo H đang phụ trách công tác cử tuyển do ông V đi bồi dưỡng tiếng Anh ở Canada, sau đó ông V trở lại công tác đã tiếp tục tham mưu một số bước trong quy trình cử tuyển này. Trong khi Quyết định số 1669 dựa vào chủ trương tại Công văn số 2755 ngày 22/8/2013, thì Quyết định số 1806 lại dựa vào chủ trương tại Công văn số 2407 ngày 02/8/2013 của UBND tỉnh là có sự mâu thuẫn về mặt thời gian và không theo thông lệ như các năm trước đó (vì theo ông V xác định trong các năm 2011, 2012 thì UBND tỉnh sẽ ban hành Quyết định cử tuyển trước, sau đó mới ban hành Quyết định các trường hợp lưu ban, chuyển ngành học, thay thế học sinh nghỉ học, bỏ học). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh vai trò, trách nhiệm và việc thực hiện nhiệm vụ

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tham mưu công tác cử tuyển của bị cáo và ông V, cũng như những cá nhân khác có liên quan đến các văn bản nêu trên trong giai đoạn này là điều tra chưa đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo và các cá nhân khác.

[4] Theo lời khai của ông V, thì vào khoảng ngày 10/9/2013, ông V bồi dưỡng xong về lại cơ quan tiếp tục công tác, sau đó ông V đi công tác tại cấp huyện khoảng 10 ngày, đến khoảng ngày 20/9/2013 thì trở lại làm việc tại cơ quan và tiếp tục trực tiếp phụ trách tham mưu công tác cử tuyển. Trong thời gian này đã phát sinh những tình tiết chưa được điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm làm rõ. Cụ thể:

Ngay sau khi trở lại công tác, ông V đã yêu cầu bị cáo bàn giao Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo cho ông để theo dõi, quản lý. Do bị cáo cho rằng không còn lưu giữ tài liệu này, nên ông V đã yêu cầu bị cáo liên hệ với Phòng VHXH thuộc Văn phòng UBND tỉnh để xin bản photo Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo để giao cho ông. Sau đó, bị cáo đã giao cho ông V Quyết định số 1669 và danh sách kèm theo gồm 43 học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 43.

Bị cáo cho rằng trong thời gian thực hiện tham mưu Tờ trình số 2315 và danh sách kèm theo (lần thứ nhất), cũng như tham mưu việc điều chỉnh thay thế, bổ sung danh sách kèm theo Tờ trình số 2315 (lần thứ hai) đều có sự báo cáo với ông V qua những lần ông V từ Canada điện thoại về nước để nắm bắt tình hình công tác của Phòng GDDT. Quá trình điều tra tại cấp sơ thẩm mặc dù bị cáo đã cung cấp các số điện thoại để chứng minh ông V có liên lạc với bị cáo để chỉ đạo tham mưu công tác cử tuyển, nhưng chưa được trưng cầu lịch sử cuộc gọi để xem xét vai trò cũng như có hay không có sự chỉ đạo của ông V đối với bị cáo là có thiếu sót.

Ngoài ra, đang trong thời gian Sở GDĐT tham mưu quy trình để UBND tỉnh ra Quyết định cử tuyển số 1806 nêu trên, đến ngày 24/9/2013 Sở GDĐT lại ban hành Công văn số 1722/SGDĐT-GDDT về việc gửi Quyết định số 1669 cho phép học sinh cử tuyển tỉnh Bình Phước học lưu ban, chuyển ngành, thay thế các trường hợp nghỉ học, không đạt yêu cầu (viết tắt là Công văn số 1722) [Bút lục 663]; ngày 03/10/2013, Sở GDĐT tiếp tục ban hành Công văn 1778/SGDĐT-GDDT về việc gửi danh sách học sinh đi học Đại học, Cao đẳng theo chế độ cử tuyển năm 2013 cho các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Dự bị Đại học (viết tắt là Công văn số 1778) [Bút lục 657].

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V thừa nhận là người ký nháy trong Công văn số 1722; ông H2 là Giám đốc Sở GDĐT ký Công văn số 1722; ông K là Phó Giám đốc Sở GDĐT ký Công văn số 1778 nêu trên. Riêng bị cáo không thừa nhận là người soạn thảo các tài liệu này. Vậy ai là người soạn thảo các tài liệu này? Mục đích, động cơ phát hành tài liệu này cho các trường Đại học, Cao đẳng, Dự bị Đại học để làm gì? Tại sao đính kèm với Công văn số 1722 lại có thêm danh sách 12 học sinh học lưu ban, chuyển ngành, thay thế các trường hợp nghỉ học, không đạt yêu cầu (trong đó có học sinh Đỗ Hoàng H5, Nông Thị T5) và danh sách này không phải là một trong các danh sách kèm theo Quyết định số 1669 đã nhận định ở trên? Vai trò của bị cáo, ông V, ông K, ông H2 và các cá

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nhân khác liên quan đến việc soạn thảo, tham mưu, ký nháy, ký phát hành và công tác phát hành, lưu trữ các tài liệu này như thế nào? Những nội dung này chưa được điều tra xác minh làm rõ.

[5] Tiếp đó, sang năm 2014, Sở GDĐT tiếp tục ban hành Công văn 1207/SGDĐT-GDDT ngày 18/8/2014 gửi Đại học Y Dược TPHCM về việc gửi bổ sung Quyết định số 1669 và Công văn số 1722/SGDĐT-GGDT cử tuyển năm 2013 và đăng ký ngành học cho sinh viên cử tuyển (viết tắt là Công văn số 1207). Theo đó, nội dung Công văn này thể hiện: *Trong số 03 học sinh đã được cử tuyển thay thế tại Quyết định số 1669, học sinh Nông Thị T5 đã học chương trình dự bị đại học năm học 2013-2014 tại Trường Dự bị Đại học, trân trọng đề nghị quý trường tạo điều kiện cho em Nông Thị T5 được nhập học chính thức tại quý trường năm học 2014-2015; 02 học sinh: Bùi Hoàng Diệu L2 và Nông Thị B, do nhận thông tin muộn nên không kịp nhập học năm học 2013-2014 tại Trường Dự bị đại học, đề nghị quý trường tạo điều kiện cho 02 em Ly và Bích nhập học chương trình dự bị năm học 2014-2015 tại Trường Dự bị đại học.* Công văn này do ông Huỳnh Công K - Phó Giám đốc Sở GDĐT ký ban hành, không có chữ ký nháy [Bút lục 1958-1959].

Trong khi đó, tài liệu do ông Bùi Quốc T2 giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện Công văn số 1207 ngày 18/8/2014 có chữ ký của ông K (bản chính, mộc dấu đỏ, nhưng không đóng mộc giáp lai giữa hai trang tài liệu) lưu trữ tại Sở GDĐT thì nội dung lại đề cập đến công tác cử tuyển tạo nguồn cán bộ, so với Công văn số 1207 được thu thập trong hồ sơ là hoàn toàn khác nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K không xác định được ai là người soạn thảo, tham mưu Công văn này, nhưng với nội dung Công văn này thì ông K xác định thuộc phạm vi tham mưu của Phòng GDDT- Sở GDĐT, trong khi đó ông V và bị cáo đều không thừa nhận đã soạn thảo nội dung này.Vậy bị cáo hay ai khác là người soạn thảo, tham mưu Công văn nêu trên? Mục đích, động cơ của việc ban hành Công văn này để làm gì? Tại sao nội dung Công văn tập trung vào 03 trường hợp học sinh Nông Thị T5, Nông Thị B và Bùi Hoàng Diệu L2 là những trường hợp được nêu trong danh sách 43 học sinh thay thế, bổ sung kèm theo Quyết định số 1669 do bị cáo tham mưu, điều chỉnh trong năm 2013? Vai trò, trách nhiệm của ông T2 trong việc quản lý Sổ Công văn đi, lấy số công văn đi và đóng mộc dấu, phát hành như thế nào khi chỉ đóng mộc dấu vào chữ ký của ông K mà không đóng dấu giáp lai giữa hai trang tài liệu? Những vấn đề này chưa được điều tra xác minh làm rõ.

[6] Trong năm 2014, UBND tỉnh tiếp tục có 02 quyết định cử tuyển, cụ thể: Quyết định 1951/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 về việc cho phép học sinh diện cử tuyển năm 2013 chuyển ngành, học lại, thay thế danh sách học sinh nghỉ học, không đi học. Đặc điểm tài liệu này được thu giữ như sau: là bản photo mộc đen, dấu Công văn đến ngày 25/9/2014 của Đại học Văn hóa mộc đen; danh sách kèm theo 37 học sinh mộc đen dấu treo của UBND tỉnh, trong đó có trường hợp: Bế Hoàng Đ, Đại học GTVT, học lại; Hà Trà M, Đại học Y Dược, học lại (là trường hợp bị cáo H đã bỏ ra khỏi danh sách kèm theo Quyết định số 1669) [Bút lục 1934]; Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 về việc cử tuyển học sinh đi học Đại học, Cao đẳng năm 2014: cử tuyển 31 học sinh (viết

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tắt là Quyết định số 2152) [Bút lục 690-696; 1703-1709; 1712-1715; 1718-1774].

Đối với hai quyết định trên, liên quan đến Quyết định số 2152, quá trình xét xử sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ các vấn đề liên quan, tuy nhiên CQĐT và VKS cho rằng Quyết định này đang được Phòng An ninh điều tra phối hợp với Phòng An ninh Chính trị nội bộ Công an tỉnh điều tra, xử lý nên đã không thực hiện việc điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra xác minh làm rõ và xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, quy trình cử tuyển năm 2014 theo Quyết định số 2152 được thực hiện trên cơ sở Thông báo số 744/TB-BGDĐT ngày 29/8/2014 của Bộ GDĐT về việc thông báo chỉ tiêu cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng năm học 2014-2015 và Công văn số 2922/UBND-VX ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác cử tuyển năm 2014. Mặc dù thời điểm UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2152 thì bị cáo đã chuyển công tác về Bộ GDĐT, nhưng các công văn về chủ trương (Thông báo số 744 và Công văn số 2922) nêu trên đã có và gửi về Sở GDĐT tỉnh trong thời gian bị cáo còn công tác tại Sở GDDT tỉnh (tại phiên tòa phúc thẩm thì ông K, ông V xác định bị cáo chuyển công tác về Bộ GDĐT từ ngày 15/9/2014). Quá trình điều tra, truy tố đã thu thập được Quyết định số 2152 kèm theo danh sách gồm 31 học sinh, ngoài ra còn có danh sách 07 trường hợp khác là học sinh các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập không thuộc danh sách 31 học sinh cử tuyển gửi đến các trường Đại học, Cao Đẳng [Bút lục 548c]. Vậy bị cáo có liên quan gì đến việc soạn thảo, tham mưu danh sách 07 học sinh này không thì chưa được điều tra làm rõ.

Đối với vụ án này, việc khởi tố vụ án ban đầu do Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh khởi tố, sau đó chuyển hồ sơ cho CQĐT Công an thị xã Đ (nay là thành phố Đ) điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với Quyết định số 2152 thì Phòng An ninh điều tra lại phối hợp với Phòng An ninh Chính trị nội bộ Công an tỉnh tách ra để điều tra, xử lý thành vụ việc khác là chưa phù hợp, bởi lẽ trong trường hợp xác định bị cáo có liên quan trách nhiệm đến vi phạm thuộc Quyết định số 2152 thì việc xử lý bị cáo ở vụ việc khác là gây bất lợi cho bị cáo. Mà trong trường hợp này, cả Quyết định số 1669 và Quyết định số 2152 cùng các tài liệu khác có liên quan cần được điều tra xác minh, xử lý trong cùng vụ án mới đảm bảo giải quyết triệt để vụ án.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố tại cấp sơ thẩm điều tra, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và hành vi phạm tội của bị cáo và các cá nhân khác có liên quan; Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù đã có quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng cũng chưa nêu được đầy đủ các vấn đề cần điều tra bổ sung như đã nhận định; công tác cử tuyển và đào tạo diện dự bị đại học dân tộc của tỉnh từ năm 2011 đến năm 2014 là liên tục, hồ sơ và danh sách các học sinh bổ sung, thay thế các trường hợp không đi học, lưu ban của đợt sau đều căn cứ trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng cử tuyển thời gian trước đó và

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

đều có liên hệ với nhau. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm đồng ý tách riêng việc điều tra, truy tố đối với Quyết định số 2152 và danh sách kèm theo là giải quyết không triệt để vụ án, gây khó khăn trong việc xác định hành vi và cá thể hóa tội phạm. Với những sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục ngay tại phiên tòa được, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Theo đó: Cấp sơ thẩm cần thu thập bổ sung các tài liệu, giấy tờ liên quan đến công tác cử tuyển, chuyển ngành, học lại, thay thế danh sách học sinh nghỉ học, không đi học trong giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 10 năm 2014. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được tiến hành điều tra xác minh làm rõ đối với bị cáo Hoàng Ngọc H và các cá nhân khác có liên quan đến công tác soạn thảo, tham mưu, ký nháy, ký phát hành, đóng mộc dấu và phát hành, ghi chép sổ sách nghiệp vụ và lưu trữ các tài liệu nêu trên để xác định có hay không có tội phạm và đồng phạm; nếu có thì đó là tội phạm gì; vai trò của đồng phạm.

[8] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí hình sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 ; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Ngọc H. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để điều tra, xét xử lại.

Án phí hình sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA Tp.Đồng Xoài;
- Chi cục THADS Tp.Đồng Xoài;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-PT
Ngày 07-4-2023

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 3, 04 và 07 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 262/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Zhang Y và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Zhang Y (tên gọi khác: Trương Vân P), sinh năm 1981, tại Trung Quốc; nơi thường trú: tổ 7, thôn H, thị trấn L, huyện G, tỉnh T, Trung Quốc; chỗ ở: Công ty TNHH nội thất V, địa chỉ: khu phố H, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: trung học phổ thông (12/12); dân tộc: Hán; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Zhang Wen K (không rõ năm sinh) và bà Zhong Xue R (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 người con (sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Luo Quan N (tên gọi khác: La Toàn N), sinh năm 1982, tại Trung Quốc; nơi thường trú: Hưởng Đường L, thôn Bình C, thị trấn Thanh L, huyện Đại D, thành phố C, tỉnh Giang T, Trung Quốc; chỗ ở: khu phố H, phường Tân Vĩnh H, thị xã U, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; nghề nghiệp: chuyên gia sản xuất (quản lý); trình độ văn hóa: trung cấp cơ sở (09/12); dân tộc: Hán; giới tính:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Luo Liang Y (không rõ năm sinh) và bà Guo Qian M (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ và có 02 người con (sinh năm 2007 và sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Huang Xiang B (tên gọi khác: Hoàng Tưởng B), sinh năm 1981, tại Trung Quốc; nơi thường trú: tổ 6, Hưởng Đường L, thôn Bình C, thị trấn Thanh L, huyện Đại D, thành phố C, tỉnh Giang T, Trung Quốc; chỗ ở: Công ty TNHH TM V, địa chỉ khu phố H, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; nghề nghiệp: chuyên gia tài chính (Giám đốc); trình độ văn hóa: trung học phổ thông (12/12); dân tộc: Hán; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Huang Ai G, sinh năm 1958 và bà Huang Cui L (không rõ năm sinh, đã chết); bị cáo có vợ và một người con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Liu Y (tên gọi khác: Lưu Vân H), sinh năm 1982, tại Trung Quốc; nơi thường trú: Hưởng Đường L, thôn Bình C, thị trấn Thanh L, huyện Đại D, thành phố C, tỉnh Giang T, Trung Quốc; chỗ ở: Công ty TNHH Hao Cheng, địa chỉ: ấp Bình Cơ, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; nghề nghiệp: chuyên gia kỹ thuật (Quản lý); trình độ văn hóa: trung học cơ sở (7/12); dân tộc: Hán; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Liu Lu R, sinh năm 1952 và bà Zheng Xing B (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ và có 02 người con (sinh năm 2014 và sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Bị cáo không có kháng cáo:* Tan B (tên gọi khác: Đàm Bôn Q), sinh năm 1981, tại Trung Quốc; nơi thường trú: Hưởng Đường L, thôn Bình C, thị trấn Thanh L, huyện Đại D, thành phố C, tỉnh Giang T, Trung Quốc; chỗ ở: Công ty TNHH đầu tư Mậu Đ, địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; nghề nghiệp: chuyên gia sản xuất (kỹ thuật); trình độ văn hóa: trung học phổ thông (7/12); dân tộc: Thổ Gia; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Tan Chuan S, sinh năm 1953 và bà Qin Wen Z (chết); bị cáo có vợ và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không (vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Bùi Đức A - Giảng viên Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học T, tỉnh Bình Dương, Cộng tác viên Trung tâm dịch vụ đối ngoại Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Zhang Y*:

1. Ông Hoàng Như V - Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Như V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa ngày 20/3/2023).

2. Ông Lê Duy A - Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Như V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa ngày 06 và 07/4/2023).

- *Người được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm:*

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

1. Bà Phạm Thị Hồng N, Trung tâm Dịch vụ đối ngoại Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương (người phiên dịch tại cấp sơ thẩm) (có mặt).

2. Ông Hoàng Ngọc A, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã U (Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm) (có mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh B, Điều tra viên Công an thị xã U (có mặt).

4. Ông Phan Minh T, Cán bộ điều tra Công an thị xã U (có mặt).

5. Bà Trương Thị Thu P, sinh năm 1991; nơi cư trú: thửa đất số 538, tờ bản đồ số X, đường ĐX, tổ X, khu phố H, phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương (có mặt).

6. Ông Vòng Thín S, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ X, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Zhang Y và bà Trương Thị Thu P sống chung như vợ chồng. Zhang Y và bà P cùng làm việc tại Công ty TNHH nội thất Vạn H tại khu phố H, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương do bà P làm người đại diện theo pháp luật.

Zhang Y, Luo Quan N (La Toàn N) cùng làm việc tại Công ty TNHH nội thất V, Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B), Liu Y (Lưu Vân H), Tan B (Đàm Bôn Q), Zhang S và Wang Z có mối quan hệ là bạn với nhau, tất cả đều là người có quốc tịch Trung Quốc. Ngày 09/4/2021, La Toàn N mời bạn đến dự tiệc sinh nhật tổ chức tại Công ty TNHH nội thất Vạn H. Khoảng 19 giờ ngày 09/4/2021, lần lượt Hoàng Tưởng B, Lưu Vân H, Đàm Bôn Q, Zhang S và Wang Z đến Công ty TNHH nội thất Vạn H dự tiệc sinh nhật. Đến khoảng 21 giờ sau khi ăn uống xong, Trương Vân P, La Toàn N, Hoàng Tưởng B, Lưu Vân H, Đàm Bôn Q, Zhang S và Wang Z đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chơi bài 05 lá (Trung Quốc), mỗi ván cược 100.000 đồng thì tất cả đồng ý. Trong quá trình đánh bạc Trương Vân P cùng đồng phạm đã sử dụng 04 bộ bài trong số 12 bộ bài để đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi tất cả đang đánh bạc thì Công an phường H kiểm tra bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc do Trương Vân P cùng đồng phạm thực hiện gồm: 04 bộ bài tây loại 52 lá (đã qua sử dụng); 08 bộ bài tây (chưa qua sử dụng); 80.350.000 đồng trên chiếu bạc.

Ngoài ra, Công an phường H còn tạm giữ vật chứng, đồ vật tài liệu khác liên quan đến vụ án gồm:

Số tiền 115.000.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford màu xanh, biển số 61A-835.XX của Trương Vân P;

Số tiền 7.230.000 đồng, 01 xe ô tô bán tải Colorado màu trắng, biển số 61C-292.XX và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng của Lưu Vân H.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

01 xe ô tô hiệu Colorada màu đỏ, biển số 61C-411.XX; 01 xe ô tô hiệu Ford Ranger màu trắng, biển số 61C-477.XX của Wang Z;

01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển số 60C-577.XX và số tiền 320.000 đồng của Zhang S.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã U tiến hành tạm giữ tài liệu liên quan gồm: 01 hộ chiếu số EB4914862 của Zhang Y; 01 hộ chiếu số E90125691 của Luo Quan N; 01 hộ chiếu số EE6010524 của Huang Xiang B; 01 hộ chiếu số EH9337729 của Liu Y; 01 hộ chiếu số EG9911243 của Tan B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Zhang Y (Trương Vân P) phạm tội "Đánh bạc" và phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Các bị cáo Luo Quan N (La Toàn N), Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B), Liu Y (Lưu Vân H) và Tan B (Đàm Bôn Q) phạm tội "Đánh bạc".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Zhang Y (Trương Vân P) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung: 05 (năm) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

Luo Quan N (La Toàn N) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

Liu Y (Lưu Vân H) 03 (ba) năm tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo: Tan Bengui (Đàm Bôn Quý) 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2022).

Giao bị cáo Tan B (Đàm Bôn Q) cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bổ sung bị cáo Tan B (Đàm Bôn Q): 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2022, bị cáo Zhang Y có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tuyên không phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và xin hưởng án treo đối với tội "Đánh bạc"; các bị cáo Luo Quan N, Huang Xiang B và Liu Y kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: trong quá trình điều tra, truy tố thì bị cáo Zhang Y và Trương Thị Thu P khai nhận thống nhất là bà P chỉ đứng tên đăng ký pháp nhân Công ty TNHH nội thất Vạn H, còn quản lý điều hành công ty là bị cáo Zhang Y nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà P và bị cáo Zhang Y có sự thay đổi lời khai đều xác định Công ty TNHH nội thất Vạn H do bà P điều hành, quản lý, còn bị cáo Zhang Y chỉ có trách nhiệm tìm kiếm đơn hàng cho Công ty. Cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, làm rõ trách nhiệm quản lý của bà P đối với Công ty Vạn H. Nội quy Công ty quy định ra sao, quy trình hoạt động, những ai có thẩm quyền, trách nhiệm được vào Công ty trong giờ hành chính và ngoài giờ làm việc và do cấp sơ thẩm không đưa bà P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm để tiến hành điều tra và thu thập chứng cứ trong vụ án làm căn cứ xử lý đối với hành vi của Trương Thị Thu P theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, quá trình điều tra tại cấp sơ thẩm, các bị cáo không có bản tự khai bằng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do bản án đề nghị hủy nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Zhang Y trình bày: Thống nhất với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và gửi bài bào chữa cho bị cáo có nội dung: Quá trình điều tra các cơ quan tiến hành tiến hành điều tra, truy tố và xét xử vi phạm tố tụng nghiêm trọng: Các bị cáo là người nước ngoài hiểu pháp luật Việt Nam bị hạn chế. Trình độ phiên dịch không có chứng chỉ bị hạn chế cả về trình độ văn hóa và các ngôn ngữ pháp lý nên không chuyển tải đầy đủ ý nghĩa nội hàm của câu hỏi mà Điều tra viên đặt ra nên không dịch sát nghĩa nội dung câu hỏi và câu trả lời. Các Biên bản làm việc, biên bản hỏi cung được viết sẵn qua phiên dịch lại cho các bị can ký. Nhìn nhận lại các Biên bản hỏi cung, các câu đáp của các bị cáo nhiều đoạn cung các bị cáo giống nhau nên có quyền suy diễn nội dung trả lời là ý chí của Điều tra viên. Các bị cáo không được phổ biến quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Các vi phạm trên trong giai đoạn điều tra là vi phạm tố tụng nghiêm trọng, có thể thay đổi bản chất vụ án, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bị cáo. Từ những vi phạm trên, đề nghị Hội đồng xét

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại xem xét hành vi "Tổ chức đánh bạc" của bị cáo Zhang Y hay của Zhang S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Zhang Y khai nhận có thực hiện hành vi đánh bạc, tuy nhiên bị cáo không thừa nhận rủ và không chuẩn bị bài cho các bị cáo khác đánh bạc, bị cáo không phải là người quản lý Công ty TNHH nội thất Vạn H.

Các bị cáo Luo Quan N (La Toàn N), Huang Xiang B (Hoàng Tưởng B), Liu Y (Lưu Vân H) khai nhận có thực hiện hành vi đánh bạc và thống nhất khai không biết ai là người rủ đánh bạc.

Các bị cáo đều khai quá trình điều tra có người phiên dịch nhưng không phiên dịch theo kiểu phiên dịch từng câu hỏi, câu trả lời như tại phiên tòa, chỉ dịch nội dung các bị cáo đánh bạc đã vi phạm pháp luật hình sự nên các bị cáo ký vào biên bản.

Tại phiên tòa Điều tra viên trình bày: Quá trình tố tụng thu thập chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự và tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Các bị cáo là người nước ngoài nên quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lấy lời khai có nhờ người phiên dịch, mặc dù việc yêu cầu những người phiên dịch giai đoạn ban đầu chưa đúng với quy định nhưng sau đó đã tiến hành yêu cầu người phiên dịch là bà N đúng quy định pháp luật, người phiên dịch đã dịch từng câu hỏi, câu trả lời để điều tra viên ghi biên bản. Kết thúc biên bản người phiên dịch đã dịch lại nội dung biên bản cho bị can nghe rõ đúng lời khai ký tên xác nhận và người phiên dịch ký tên xác nhận đã dịch lại nội dung.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày: Tham gia kiểm sát từ giai đoạn tiếp nhận tin báo, quá trình kiểm sát việc lấy lời khai của các bị cáo đều khánh quan, vô tư. Tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi trong suốt quá trình điều tra, truy tố nhưng tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều có sự thay đổi lời khai trừ bị cáo Tan B (Đàm Bôn Q) là khai nhận thống nhất.

Người phiên dịch tại cấp sơ thẩm bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Tại các biên bản ghi lời khai người phiên dịch đã dịch từng câu hỏi, câu trả lời. Kết thúc biên bản người phiên dịch đã dịch lại nội dung biên bản cho người được lấy lời khai, hỏi cung nghe rõ đúng lời khai ký tên xác nhận và người phiên dịch ký tên xác nhận đã dịch lại nội dung. Nội dung phiên dịch là đầy đủ chuẩn và chính xác. Việc Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương gửi Công văn giới thiệu đến cơ quan tố tụng khi nào thì bà không rõ do đây là nhiệm vụ của Văn phòng Sở, sau khi có công văn cũng như việc phối hợp cùng cơ quan tố tụng thì bà tham gia phiên dịch theo yêu cầu.

Tại phiên tòa bà Trương Thị Thu P trình bày: Bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nội thất Vạn H, bà trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của công ty. Sau khi xảy ra vụ việc đánh bạc bà được cơ quan Công an nhờ bà phiên dịch nhưng do bà không thành thạo tiếng Trung nên phiên dịch

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

không sát với nội dung của các biên bản mà chỉ dịch chung chung là các bị cáo đánh bạc là vi phạm pháp luật của Việt Nam, không dịch theo từng câu hỏi và câu trả lời.

Tại phiên tòa ông Vòng Thín S trình bày: Vốn tiếng Trung của ông là do ông tự học do mẹ là người gốc Hoa, ông không có bằng cấp qua đào tạo, việc dịch cho các bị cáo thì ông chỉ dịch chung chung vì những từ ngữ liên quan đến pháp luật khó nên có thể không chính xác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi đánh bạc của mình là sai trái, vi phạm pháp luật Việt Nam, xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho các bị cáo. Bị cáo Zhang Y xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì bị cáo không tổ chức đánh bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Zhang Y, Luo Quan N, Huang Xiang B và Liu Y thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

[2.1] Công ty TNHH nội thất Vạn H (nơi các bị cáo đánh bạc) do bà Trương Thị Thu P là người đại diện theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P và bị cáo Zhang Y xác định Công ty TNHH nội thất Vạn H do bà P điều hành, quản lý, bị cáo Zhang Y chỉ có trách nhiệm tìm kiếm đơn hàng cho Công ty (quá trình điều tra, truy tố, bà P và bị cáo Zhang Y khai thống nhất bà P chỉ đứng tên đăng ký pháp nhân Công ty TNHH nội thất Vạn H, còn quản lý điều hành công ty là bị cáo Zhang Y). Lời khai của bà P là nguồn chứng cứ quan trọng chứng minh hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Zhang Y và là căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với bà P có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác hay không. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm không đưa bà Trương Thị Thu P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên cấp sơ thẩm không thể kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2.2] Các bị cáo là người nước ngoài (quốc tịch Trung Quốc) không sử dụng được tiếng Việt, cơ quan tiến hành tố tụng phải yêu cầu người phiên dịch theo quy định. Tuy nhiên, giai đoạn đầu quá trình điều tra, cơ quan điều tra yêu cầu người phiên dịch là bà Trương Thị Thu P và ông Vòng Thín S là người không có khả năng phiên dịch và là người có liên quan trong vụ án; bà P có nghĩa vụ đối lập với bị cáo Zhang Y về việc để xảy ra đánh bạc tại trụ sở Công ty TNHH nội thất Vạn H là vi phạm Điều 70 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bà P đều thống nhất khai: bản tự khai của các bị cáo đều do bà P viết có nội dung giống nhau sau đó các bị cáo

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

mới ký vào bản tự khai, vấn đề này có thể làm thay đổi bản chất vụ việc theo ý chí chủ quan của bà P.

Ngày 22/4/2021 bà Phạm Thị Hồng N tham gia với tư cách là người phiên dịch, tuy nhiên đến ngày 05/6/2021 Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương mới có văn bản giới thiệu bà N tham gia là người phiên dịch trong vụ án gửi Công an thị xã U, văn bản gửi cho Công an thị xã U qua đường bưu điện được đóng dấu của bưu điện vào tháng 12/2021.

[2.3] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thể hiện chỗ ở của bị cáo Zhang Y là Công ty TNHH nội thất Vạn H; địa chỉ: khu phố T, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương nhưng đơn xin xác nhận tạm trú (bút lục 455) gửi Tòa án nhân dân thị xã U thể hiện bị cáo tạm trú tại Công ty TNHH K; địa chỉ: thửa đất số XX, tờ bản đồ số XX, khu phố N, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ chỗ ở (tạm trú) của bị cáo Zhang Y để chứng minh bị cáo Zhang Y có sử dụng nơi ở, nơi bị cáo quản lý để cho các bị cáo khác đánh bạc hay không là vi phạm Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.4] Trong vụ án này các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn 80.350.000 đồng, căn cứ vào mức độ phạm tội, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của các bị cáo so với mức hình phạt 03 năm tù đối với các bị cáo Luo Quan N, Huang Xiang B, Liu Y và Tan B, 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Zhang Y mà cấp sơ thẩm đã tuyên về tội "Đánh bạc" là có phần nhẹ.

[3] Do việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được, vi phạm thủ tục tố tụng nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Người bào chữa cho bị cáo Zhang Y đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương để điều tra lại.

Chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định chung.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã U, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã U, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTTT, 28.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Huy Cường

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2018/HS-PT
Ngày 20-3-2019

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 272/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trần Hoàng D do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:* Trần Hoàng D sinh năm 1974 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: san lấp mặt bằng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); có vợ là bà Trần Thị Thúy L, có 04 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28 tháng 3 năm 2017 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long khởi tố (Quyết định khởi tố bị can số 31) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị bắt tạm giam ngày 25 tháng 6 năm 2016 (đã chấp hành xong hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long trong vụ án khác) (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn V là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hà Văn V – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Ngoài ra, có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2013, ông Huỳnh Tuấn K mua ô tô hiệu F, đăng ký tại tỉnh An Giang, được cấp biển số X (chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển và xây dựng công thương P (địa chỉ 57 Đ, khóm A, phường A1, thị xã C, tỉnh An Giang) do ông K là chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc). Tháng 10 năm 2013, bị cáo Trần Hoàng D ký với ông K hợp đồng mua bán xe ô tô trên với giá 760.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, bị cáo D dùng thử xe 03 ngày. Bị cáo D đưa tiền cho ông K 02 lần, tổng cộng 130.000.000 đồng nên ông K chưa làm thủ tục chuyển nhượng chiếc xe trên cho bị cáo D.

Bị cáo D thuê một thanh niên (không rõ lai lịch, chạy xe ôm ở khu vực siêu thị E, G) làm giả giấy tờ xe mua của ông K mang tên Trần Hoàng D với giá 5.000.000 đồng và đã nhận được Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số Y, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với ô tô biển số Y và biển số xe Y.

Bị cáo D dùng giấy tờ giả bán xe ô tô trên cho ông Đặng Ngọc N1 với giá 500.000.000 đồng (làm giấy mua bán viết tay ngày 10 tháng 01 năm 2014), lấy 300.000.000 đồng trong số 370.000.000 đồng ông N1 trả và đưa cho một người đàn ông tên Châu (chưa rõ lai lịch) để chuộc xe. Khi C1 trả bị cáo D hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô giữa bị cáo D và ông K thì ông N1 nhìn thấy, phát hiện việc bị cáo D làm giả giấy tờ xe để bán cho mình. Ông N1 lấy lại 70.000.000 đồng trong số 370.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo D. Ông N1 đã buộc bị cáo D đến Văn phòng công chứng B1 để công chứng việc bị cáo D vay 500.000.000 đồng của ông N1. Sau đó, bị cáo D đã đi khỏi địa phương. Ngày 25 tháng 6 năm 2016, bị cáo D bị bắt theo Quyết định truy nã.

130.000.000 đồng bị cáo D trả cho ông K đã được ông N1 và ông K cấn trừ vào tiền ông N1 mua xe của ông K.

Tại Kết luận giám định số 1426/KLGĐ-TT ngày 24 tháng 11 năm 2014, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" số H, biển số đăng ký: Y, mang tên Trần Hoàng D, đề ngày 26 tháng 8 năm 2013 cần giám định là "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" giả (Bản in, hình dấu tròn, dấu tên và chữ ký được làm giả bằng phương pháp in phun màu). "Giấy chứng nhận kiểm định" số J đối với xe ô tô biển số Y, đề ngày 27 tháng 8 năm 2013 là "Giấy chứng nhận kiểm định" giả (Bản in, hình dấu tròn và dấu tên được làm giả bằng phương pháp in phun màu).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Bị cáo D bị khởi tố theo Quyết định khởi tố bị can số 854-50 ngày 12 tháng 11 năm 2015 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 26 tháng 01 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 270-02 đình chỉ điều tra vụ án hình sự "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 854-58 đình chỉ điều tra đối với bị cáo D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: Trần Hoàng D 01 (một) năm 09 (chín) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2016.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do cho bị cáo Trần Hoàng D tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, bị cáo Trần Hoàng D kháng cáo xin xem xét lại tội danh và hình phạt.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-VC3-V1, kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng hủy tòa bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá không đúng bản chất vụ án. Tại các bản khai ban đầu, bị cáo xác định mục đích của bị cáo là lừa đảo (các bản khai này đều có luật sư tham gia, phù hợp với lời khai của bị hại). Như vậy, khi bị cáo mượn xe ô tô, sau đó sử dụng giấy tờ giả để bán xe đã cấu thành 02 tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Sau đó, ông N1 làm hợp đồng cho bị cáo vay 500 triệu chỉ là thủ tục hợp thức hóa việc ông N1 đưa tiền cho bị cáo, không ảnh hưởng đến bản chất sự việc. Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ lọt tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã phát hiện các vấn đề trên nhưng không trả hồ sơ điều tra bổ sung là chưa làm hết trách nhiệm. Đề nghị Hội đồng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại.

Luật sư trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo như sau: Tại phiên tòa, bị cáo đã rút kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm (Thực tế, bị cáo D đã có hành vi sử dụng giấy tờ giả lừa dối ông N1. Tuy nhiên, những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện xe ô tô bị cáo mua của ông K có giá trị 760 triệu đồng, nhiều hơn gấp 02 lần số tiền bị cáo D nhận của ông N1 thì không thể nói Dũng chiếm đoạt 300 triệu của ông N1. Mặt khác, khi phát hiện sự việc, ông N1 và ông K đã cấu kết, khống chế bị cáo để chiếm đoạt tài sản. Theo lời khai, ông N1 và ông K thừa nhận ký hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô của bị cáo. Việc mua bán này không có sự đồng ý của bị cáo D, có dấu hiệu phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"). Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chiếm đoạt 300 triệu đồng của ông N1 là không đúng (Xét về chứng cứ, bị cáo có làm giấy giả. Tuy nhiên, ngay sau đó ông N1 đã phát hiện và lấy lại tiền. Tài sản là xe ô tô đã được ông K giao cho bị cáo qua hợp đồng mua bán. Ông N1 đã buộc bị cáo làm hợp đồng vay, do đó có căn cứ xác định bị cáo không còn chiếm đoạt tiền của ông N1 mà số tiền này đã chuyển hóa thành giao dịch dân sự). Hai cán bộ điều tra là Nguyễn Thanh Tùng và Nguyễn Mạnh H1 đã cho ông N1 nhận 420 triệu đồng do vợ bị cáo nộp là vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài ra, ông N1 và ông K chiếm đoạt tiền của bị cáo nhưng chưa được giải quyết (Ông K cho ông N1 nhận 100 triệu đồng tiền bù trừ mua bán xe của bị cáo. Ông K chiếm đoạt của bị cáo 30 triệu đồng. Vợ bị cáo đưa ông N1 hai lần, mỗi lần 40 triệu đồng). Vì vậy, Quyết định kháng nghị chưa đủ căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm và khởi tố vụ án hình sự đối với ông K và ông N1.

Kiểm sát viên tranh luận: Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với bị cáo là vi phạm nghiêm trọng pháp luật. Lời bào chữa của Luật sư cũng nêu nhiều sai phạm trong quá trình điều tra cho thấy việc hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại là cần thiết.

Khi đối đáp với Kiểm sát viên, Luật sư đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Khi tranh luận và nói lời nói sau cùng, bị cáo thống nhất với Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị triệu tập đến phiên tòa ông Nguyễn Thanh Tùng là Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Mạnh H1 là Cán bộ điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Thúy L là vợ bị cáo, ông Đặng Ngọc N1 và ông Huỳnh Tuấn K là những người có quyền lợi, nghĩa vụ

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên, không chấp nhận yêu cầu triệu tập các ông, bà nêu trên đến phiên tòa phúc thẩm vì việc giải quyết kháng cáo và kháng nghị không cần sự có mặt của họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo ngày 20 tháng 4 năm 2018. Tuy nhiên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[3] Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi và diễn biến của vụ án như được ghi nhận tại Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở kết luận bị cáo đã thuê người làm giả giấy tờ xe ô tô mà bị cáo không có quyền sở hữu để bán cho ông Đặng Ngọc N1 với giá 500.000.000 đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy kết bị cáo phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là bỏ lọt hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo vì tại thời điểm bị cáo thỏa thuận bán chiếc xe giá 500.000.000 đồng cho ông N1 và nhận tiền từ ông N1 thì tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo đã hoàn thành. Vì vậy, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VC3-V1 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để chấp nhận.

[5] Hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo D thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý nên không thể áp dụng khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, không thuộc một trường hợp được đình chỉ điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Cơ quan điều tra ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 270-02 và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 854-58 ngày 26 tháng 01 năm 2018 liên quan đến hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị can Trần Hoàng D là vi phạm nghiêm trọng Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Ngoài việc các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố Hồ Chí Minh bỏ lọt hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, sự liên quan giữa hành vi làm giả giấy tờ của bị cáo với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cũng cần được điều tra, nghiên cứu, xem xét lại. Vì vậy, mặc dù bị cáo đã rút kháng cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Các vấn đề về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với ông N1 và ông K, các khoản tiền vợ chồng bị cáo đã đưa cho ông K và ông N1 sẽ được cơ quan điều tra làm rõ trong quá trình điều tra lại.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm khác với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm không được chấp nhận.

[9] Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VC3-V1 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Hoàng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Những người tham gia tố tụng (2) (Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long tống đạt cho bị cáo);
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, LĐHQ, 14.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng An Thanh

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 410/2017/HS-PT
Ngày 07 - 8 - 2017

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Tiếu Phương Quyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Thái N và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. Huỳnh Thái N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/07/1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H1, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 87 đường K, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông: Huỳnh Công Y và bà: Ngô Thị Mai P; Hoàn cảnh gia đình bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 10/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2016, (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Phạm Thị L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị cáo bị kháng cáo:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

2. Huỳnh Thái B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/3/1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H1, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; Con ông: Huỳnh Công Y và bà: Ngô Thị Mai P; Hoàn cảnh gia đình bị cáo chưa có vợ con ; Tiền án: 01- Ngày 26/09/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2015; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2016, (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Ông Trần Khắc C (chết) .

Đại diện theo pháp luật của người bị hại: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1980.(vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà 38, ngõ 435, tổ dân phố C1, phường C2, quận C3, thành phố Hà Nội.

Người ủy quyền: Ông Nguyễn Đức A

Địa chỉ: 36 Thích Quảng Đức, Phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Trong vụ án những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.)

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 ngày 04/02/2016, sau khi uống rượu xong Huỳnh Thái B điều khiển xe gắn máy biển số 59Y2-083.04, Huỳnh Thái N (em B) điều khiển xe gắn máy biển số 61F1-047.43 chở bạn là Lê Kim N1 về nơi làm việc tại tiệm internet X, địa chỉ số: 371/20 đường K, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến lề đường trước nhà số 371/20 đường K, B điều khiển xe chạy đụng vào xe cứu hộ đang đậu bên lề đường, thấy vậy N quay xe lại dùng nón bảo hiểm đập vào kính cửa xe cứu hộ. Lúc này có một số người dân và Ông Trần Khắc C (tài xế xe cứu hộ) đi đến cự cãi với B và N về việc đập phá xe. Ông C đòi giữ xe máy của N lại. Lê Kim N1 thấy vậy nên chạy về tiệm X gọi anh Nguyễn Thăng L (chủ tiệm internet) đến can ngăn.

Sau đó Huỳnh Thái N chạy đến một chiếc xe đẩy (bán hàng rong) đậu ở lề đường trước phòng trọ số 11 (thuộc địa chỉ số 371 đường K) dùng tay đập vỡ kính tủ, rồi nhặt một mảnh kính vỡ chạy đến đâm vào lưng một người thanh niên (không rõ lai lịch) nhưng người này bỏ chạy thoát. N tiếp tục xông đến đâm trúng ngực ông C. B đuổi đánh các thanh niên khác thì anh L chạy đến can ngăn. Lúc này, ông C do bị đâm chảy mất máu nhiều nên đi được một đoạn rồi ngồi gục vào một chậu cây kiểng gần đó. B xông đến định đánh ông C thì bị anh L

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

ngăn cản, N xông đến dùng chân tì vào lưng ông C, tay trái nắm tóc, kéo đầu ông C về phía sau, tay phải cầm mảnh kính đâm liên tiếp nhiều nhát vào ngực ông C thì bị anh L chạy đến kéo ra. B tiếp tục xông đến dùng chân đạp vào người ông C nhưng cũng bị anh L can ra.

Do bị anh L ngăn cản, B, N cầm ghế đập cửa các phòng trọ gần đó. Sau đó, N bỏ mảnh kính rồi cầm 01 đoạn cây inox (dùng làm giá phơi quần áo) tiếp tục chạy đến đâm nhiều nhát vào người ông C đang ngồi gục ở chậu cây kiểng. Anh L thấy vậy chạy đến tước cây inox N đang cầm rồi ném đi. Nhận được tin báo, Công an Phường 3, quận G đến hiện trường và bắt giữ N, B lập biên bản xử lý. Ông C được Công an Phường đưa đi cấp cứu tại bệnh viện 175 nhưng đã tử vong.

Tại bản Cáo trạng số 268/CT-VKS-P2 ngày 21/6/2016, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Huỳnh Thái N về tội "Giết người" theo điểm n, khoản 1, Điều 93 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Thái B về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thái N phạm tội: "Giết người"; Bị cáo Huỳnh Thái B phạm tội: "Gây rối trật tự công cộng".

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thái N Tử hình;

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án .

2. Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm d, g khoản 1 Điều 48 ; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thái B 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2017 bị cáo Huỳnh Thái N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/01/2017 đại diện theo pháp luật của người bị hại, Bà Nguyễn Thị U có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thái B về đồng phạm tội "Giết người".

Tại phiên tòa:

Bị cáo Huỳnh Thái N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do uống rượu, không làm chủ được, tuổi đời còn trẻ, thành khẩn khai báo và hối hận.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu xét xử Huỳnh Thái B đồng phạm về tội "Giết người".

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị:

Bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội, nhân thân xấu, bị cáo thực hiện hành vi quyết liệt, phạm tội đến cùng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Tử hình về tội "Giết người" là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó, không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm đối với bị cáo N.

Đối với bị cáo Huỳnh Thái B: Căn cứ lời khai của Huỳnh Thái N, Huỳnh Thái B và lời khai của những người làm chứng, B tuy không trực tiếp gây ra tử vong cho người bị hại nhưng đã tham gia cùng N, cơ quan điều tra chưa đối chất với người làm chứng, do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với Huỳnh Thái B để điều tra lại và giải quyết phần dân sự về bồi thường đối với B.

Người bào chữa: Kết luận giám định các miếng kính thì không có vết máu, đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy dủ, toàn diện ý kiến tranh luận, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Thái N về tội "Giết người" theo điểm n, khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N Tử hình; xét xử bị cáo Huỳnh Thái B về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1, Điều 245 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B 02 năm tù. Bị cáo Huỳnh Thái N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo Huỳnh Thái B đồng phạm về tội "Giết người". Tòa án cấp sơ thẩm kết luận Huỳnh Thái N dùng miếng kính và cây inox đâm trúng ngực và nhiều vị trí khác trên người của nạn nhân Trần Khắc C dẫn đến nạn nhân tử vong; tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử N về tội "Giết người" theo điểm n, khoản 1, Điều 93 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Đối với Huỳnh Thái B, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo B về tội "Gây rối trật tự công cộng" do có hành vi tham gia đuổi đánh nhóm người bị hại, đập phá tài sản người khác, gây mất trật tự công cộng, hậu quả có người chết. Tuy nhiên, theo tài liệu điều tra có tại hồ sơ thể hiện: Lời khai của Hồ Ngọc H (khai ngày 04/2/2016, BL 146 – 149), khi H thấy người thanh niên mặc áo xanh (tức Huỳnh Thái N) cầm một miếng kính dài tầm gang tay tới đâm người bị hại thì người thanh niên còn lại (tức Huỳnh Thái B) lao tới dùng thanh phơi đồ đâm vào bụng (người bị hại) và tiếp tục N cầm miếng kính đâm vào cổ và đâm rất nhiều lần. Cấp sơ thẩm khởi tố vụ án ngày 05/2/2016, lời khai trên của Hồ Ngọc H được Công an quận G lấy lời khai trước khi khởi tố vụ án, sau khi khởi tố vụ án,

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

cấp sơ thẩm tiến hành thu thập lời khai của Hồ Ngọc H nhưng chưa tìm được địa chỉ cư trú mới của H.

[3] Theo lời khai của Nguyễn Thăng L: B cầm một đoạn ống inox thì L can B, B có đạp anh thanh niên nằm gục một cái (BL 136); lời khai của Lê Quý S thấy C đang đánh nhau với một thanh niên mặc áo xanh và một niên mặc áo đỏ (BL 8, 9 – Biên bản phạm tội quả tang). Lời khai của Huỳnh Thái N: N cầm miếng kính đâm người thanh niên gây thương tích chảy máu, lúc này B cũng bẻ một cây inox phơi đồ ra đánh liên tiếp vào người thanh niên (khai ngày 04/02/2016 – BL 90). Lời khai của Huỳnh Thái B: chỉ có tôi và em tôi tên N tham gia đánh với người thanh niên đó (BL 8 – 10); B có xông vào đánh người bị hại, L can ngăn nên không đánh được, có dùng chân đá anh ta một cái, L can ngăn (BL 119). Tại Biên bản kiểm tra file ghi hình: 02:09:55 thể hiện: B cầm một cây inox trên tay, N không cầm gì chạy về chỗ anh C nằm gục, đánh anh C. B đá anh C thì L can B, còn một thanh niên mặc quần short màu cam can N.

[4] Với những tài liệu mà cấp sơ thẩm thu thập nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với hành vi của Huỳnh Thái B (Quyết định số 202/2016/QĐ-TBS ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện việc điều tra bổ sung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà sau đó chưa đầy một tháng (Công văn 91 - 03/VKS-P2 ngày 05/10/2016 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) hồ sơ vụ án được hoàn lại cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung là có căn cứ nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo đối với Huỳnh Thái B về đồng phạm tội "Giết người", Tòa án cấp phúc thẩm xét việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ như đã phân tích trên, không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, vì vậy, chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại, hủy án sơ thẩm để điều tra lại hành vi của Huỳnh Thái B như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Bị cáo Huỳnh Thái N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trong vụ án này, cần phải điều tra lại đối với Huỳnh Thái B; việc điều tra lại có liên quan đến trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của Huỳnh Thái N, do đó, phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung; do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 248; khoản 1, 5 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự (năm 2003);

Chấp nhận kháng cáo của Đại diện hợp pháp người bị hại;

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Hủy toàn bộ Bản án hình sự số 14/2017/HSST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với Huỳnh Thái N về tội "Giết người", đối với Huỳnh Thái B về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại vụ án theo trình tự chung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Thái N, Huỳnh Thái B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử cho đến khi Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam Thành phố Hồ Chí Minh (1); "Để tống đạt cho bị cáo" (2);
- Đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà U và ông A (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 16b. (TPQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Sáng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HS-PT
Ngày: 16-10-2019

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Công- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Vàng A T do có kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Vàng A P, ông Hờ A L (tên gọi khác: Hờ Chồng L) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng A P1, anh Vàng A L, bà Vừ Thị S đối với bản hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 22 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo Vàng A T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A C (sinh năm 1964) và bà Lý Thị M (sinh năm: 1969); có vợ Sùng Thị S (sinh năm 1996) và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/11/2018; tạm giam từ ngày 01/12/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T:

1. Ông Phùng Việt H - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư P, có mặt tại phiên toà.

2. Ông Nguyễn Trần D - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa ngày 15/10/2019, xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/10/2019).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- *Bị hại:* Hờ Thị T, sinh năm 1993; trú tại bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Anh Vàng A P, sinh năm 1991 (là chồng của bị hại Hờ Thị T; đồng thời là người đại diện theo pháp luật của các cháu: Vàng Tuấn A sinh ngày 21/01/2011, Vàng A H sinh ngày 10/8/2012, Vàng Quyết T sinh ngày 26/8/2014, các cháu Vàng Tuấn A, Vàng A H, Vàng Quyết T là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại Hờ Thị T); Địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên toà.

2. Ông Hờ A L (tên gọi khác: Hờ Chồng L), sinh năm 1973 (là bố đẻ của bị hại Hờ Thị T); Địa chỉ: Bản H1, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên toà.

Ông Hờ A L là người đại diện theo ủy quyền của anh Vàng A P và các cháu Vàng Tuấn A, Vàng A H, Vàng Quyết T.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh C, Luật sư thuộc văn phòng luật sư B và cộng sự, có mặt tại phiên toà.

2. Bà Lê Thị X, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vàng A P1, sinh năm 1965; địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Anh Vàng A L, sinh năm 1990; địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3. Bà Vừ Thị S, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Bản H1, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vừ Thị S: Ông Hờ A L (tên gọi khác: Hờ Chồng L), sinh năm 1973; Địa chỉ: Bản H1, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên toà.

4. Ông Vàng A C, sinh năm 1964, trú tại: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

5. Chị Sùng Thị S, sinh năm 1996; Anh Vàng A L1 (tên gọi khác: Vàng Hạ L1); anh Vàng A S, sinh năm 1991; chị Giàng Thị S, sinh năm 1991 đều trú tại: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Chị Sình Thị K, sinh năm 1989; chị Hờ Thị C, sinh năm 1990; chị Sùng Thị L, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa ngày 15/10/2019, vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/10/2019).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

+ Chị Vàng Thị P, anh Vàng A N (tên gọi khác: Vàng Sông N) sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

+ Anh Sùng A S, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản H1, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

+ Chị Vừ Thị I, sinh năm 1996; địa chỉ: Bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không có lý do).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Điều tra viên:

1. Ông Bùi Mạnh H, điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Ông Sùng A V, điều tra viên thuộc cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Hồ A T, điều tra viên, thuộc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

4. Ông Hoàng Văn S, cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (có mặt).

5. Ông Phạm Ngọc T, cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (có mặt).

6. Ông Đậu Thành B, cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (Có mặt).

* Giám định viên:

1. Ông Nguyễn Quang V, giám định viên pháp y, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Ông Đỗ Lập H, giám định viên thuộc Viện khoa học hình sự Bộ công an (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, Vàng A T đi bộ từ nhà lên khu vực nương sắn thuộc bản H, xã N1, huyện M để tìm lợn của gia đình. Trên đường đi T gặp Hờ Thị T là người cùng bản đang đứng ở cạnh đường, trên tay cầm 01 chiếc ủng màu xanh. T đứng lại nói chuyện và muốn quan hệ tình dục với Hờ Thị T, nhưng Hờ Thị T không đồng ý, Hờ Thị T bỏ chạy về hướng cống nước, T chạy đuổi theo. Hờ Thị T chạy rất nhanh xuống khe suối ông K, vừa chạy vừa la hét; T đuổi theo cách khoảng 04 mét thì không thấy Hờ Thị T đâu mà nghe tiếng có vật gì đó rơi xuống thác đá, T tiến về phía gần thác đá nhìn xuống thì thấy Hờ Thị T nằm bất động. T nghĩ Hờ Thị T đã chết hoặc bị choáng ngất, vì sợ nên T

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

không xuống kiểm tra xem Hờ Thị T thế nào mà đi quay ra đường bê tông và đi tìm lợn của gia đình. Đến 17 giờ cùng ngày không thấy Hờ Thị T về nhà, T nghĩ Hờ Thị T đã chết nên mang theo chài đi ra sông N, mục đích vào khe suối ông K xem Hờ Thị T thế nào. Khi T đến khe suối ông K kiểm tra thì thấy Hờ Thị T đã chết vẫn nằm ơ tư thế như lúc sáng. Do sợ liên quan đến cái chết của Hờ Thị T, nên T đã đặt thi thể của Hờ Thị T nằm úp lên lưng mình và cõng dọc theo khe suối di chuyển xuống bờ sông N, giấu thi thể của Hờ Thị T vào bụi lau sậy, T lấy tóc và dây vải (dây lưng) của Hờ Thị T buộc vào cây sậy và dìm thi thể Hờ Thị T xuống nước. Sau đó T lấy chài đi về nhà, trên đường đi thì T bị rắn cắn vào chân. Ngày 18/11/2018 T đi vào Trung tâm y tế huyện M điều trị vết rắn cắn; ngày 19/11/2018 gia đình phát hiện thi thể của Hờ Thị T; ngày 22/11/2018 T đến cơ quan điều tra Công an huyện M đầu thú.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01 ngày 19/11/2018 về tội: "Giết người" theo quy định tại Điều 123/BLHS.

Ngày 18/11/2018, cơ quan điều tra Công an huyện M tiến hành khám nghiệm hiện trường; vẽ sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường.

Ngày 19/11/2018, cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên khám nghiệm hiện trường nơi phát hiện thi thể của bị hại Hờ Thị T kèm theo bản ảnh hiện trường.

Ngày 19/11/2018 tiến hành khám nghiệm tử thi: Vùng trán có vết rách da kích thước (14 x 7) cm, bờ mép chỗ thì nham nhở, chỗ có cạnh sắc và không có cạnh sắc, lộ xương hộp sọ phía trong; vùng mi mắt phải bầm tím, tụ máu có vết rách da diện (5 x 06) cm bờ mép nham nhở; vùng mi mắt trái bầm tím, tụ máu có vết rách da bờ mép nham nhở diện (4 x 1) cm; cổ vùng giữa hóm ức có vết bầm tím, tụ máu kích thước (2,5 x 1,5) cm; mặt sau 1/3 cánh tay phải có vết bầm tím tụ máu diện (7 x 5) cm; toàn bộ mặt sau cẳng tay trái bầm tím, tụ máu diện (21 x 8) cm; trong lòng khí quản khô có ít chất màu đen dạng bột; kèm theo bản ảnh tử thi.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định thực nghiệm điều tra số 45 ngày 28/11/2018 và có biên bản thực nghiệm điều tra và ghi âm, ghi hình về thực nghiệm điều tra.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định số 06 ngày 19/11/2018 trưng cầu giám định viên pháp y thuộc phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định nguyên nhân chết.

Tại Bản kết luận giám định số 67/GĐ-PC09 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

"...2. Nguyên nhân chết:

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết nghĩ nhiều đến chết do ngạt cơ học.

Làm các xét nghiệm để bổ sung cho kết luận này.

3. Kết luận khác:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Thời gian chết của Hờ Thị T đã trên 72 giờ.

- Cơ chế hình thành vết thương:

+ Tổn thương da cơ vùng trán do vật cứng va đập với vùng trán với lực mạnh gây nên.

+ Tổn thương da cơ vùng hai mi mắt do vật cứng có cạnh va đập nhẹ với vùng mi mắt gây nên.

+ Các vết bầm tím, tụ máu ở: Cổ, cánh và cẳng tay phải, mặt sau cẳng tay trái và vùng lưng trên tử thi do vật cứng va đập nhẹ với các vùng này gây nên".

Cơ quan điều tra đã ra quyết định số 09 ngày 20/11/2018, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an giám định: hóa pháp lý về *"mẫu chất màu đen thu trong khí quản tử thi Hờ Thị T".*

Tại Bản kết luận số 6529/CO9 (P4) ngày 03/12/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

"Mẫu chất ghi thu trong khí quản của Hờ Thị T gửi giám định gồm: Các hạt khoáng vật dạng cát - bột với đường kính 0,21 mm trở xuống (các hạt khoáng vật chủ yếu là hạt thạch anh, thường có mặt trong thành phần của đất; bùn - cát sông, suối) và các tạp chất khác không xác định được tên".

Cơ quan điều tra đã ra quyết định số 10 ngày 20/11/2018 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định: Vi thể và độc chất.

Tại Bản kết luận số: 6526/C09-P4,TT1 ngày 04/12/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

"1. Kết luận giám định mô bệnh học

Các tạng phân hủy mất cấu trúc tế bào. Nhu mô phổi không thấy hình ảnh tổn thương, ngạt nước, xung huyết mạnh; mô cơ tim xung huyết.

2. Kết luận giám định độc chất phủ tạng

Trong mẫu phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu của tử thi Hờ Thị T không tìm thấy các chất độc thường gặp".

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định trưng cầu số 11 ngày 20/11/2018, Quyết định số 19 ngày 25/11/2018 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định: AND.

Tại Bản kết luận số: 6525 + 6639/C09(TT3) ngày 28/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

"1. Các sợi màu đen thu trên chiếc ủng và cây gậy tại hiện trường là tóc người. Không phân tích được kiểu gen do chất lượng mẫu kém.

2. Trong mẫu ghi dịch âm đạo và mẫu dịch trong tử cung thu của Hờ Thị T không phát hiện thấy tinh trùng người.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

3. Trên mẫu móng tay ghi thu của Hờ Thị T có tế bào của một người nữ giới, không đủ cơ sở để kết luận là của ai.

4. Trên chiếc áo sơ mi màu xanh, chiếc quần màu đen, chiếc áo phông, chiếc quần đùi ghi thu của Vàng A T không phát hiện thấy máu người".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã xét xử và tuyên bố:

Bị cáo Vàng A T phạm các tội: "*Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 132 và tội *" Xâm phạm thi thể"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 132, khoản 1 Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng A T 02 (hai) năm tù về tội *"Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng"*.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; khoản 1 Điều 38, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng A T 03 (ba) năm tù về tội *"Xâm phạm thi thể"*

- Áp dụng khoản 1 Điều 55/BLHS, tổng hợp hình phạt chung cho cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 05 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/11/2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần bồi thường dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi tuyên án, ngày 01/6/2019 Hờ A L là người đại diện hợp pháp bị hại và là đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên để trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ sự thật vụ án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Vàng A P, đã có ủy quyền cho Hờ A L cũng có đơn kháng cáo đề ngày 01/6/2019, nội dung đơn kháng cáo như đơn kháng cáo của Hờ A L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng A P1, bà Vừ Thị S có đơn đề ngày 01/6/2019 kháng cáo toàn bộ bản án số 18/2019/HSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện M. Trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ sự thật vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng A L có đơn kháng cáo đề ngày 01/6/2019, không đồng ý với phần nhận định của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu bồi thường khoản tiền công, chi phí khác đi tìm bị hại vì chưa có tài liệu chứng minh, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và những người tham gia đi tìm bị hại. Anh L yêu cầu Tòa án tỉnh tuyên hủy bản án sơ

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

thẩm và chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa kết luận về việc giải quyết vụ án như sau: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện M đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án nhân dân huyện M đã xét xử sơ thẩm và tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm các tội "*Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 132/BLHS, tuyên phạt bị cáo Vàng A T 02 năm tù và tội *"Xâm phạm thi thể"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319/BLHS, tuyên phạt bị cáo Vàng A T 03 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355/BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Hai vị luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: đồng quan điểm với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá tính chất, mức độ của vụ án và tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm hai tội *"Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng"* và tội "*Xâm phạm thi thể"*; quyết định hình phạt đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp bị hại trình bày: Trong quá trình điều tra vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc thu thập vật chứng liên quan đến vụ án chưa đầy đủ; các kết luận giám định chưa khách quan. Khi bị cáo thay đổi lời khai chưa tiến hành thực nghiệm điều tra lại để xác định sự thật của vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí với nội dung trong đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại, xác định sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, T đi tìm lợn của gia đình, trên đường đi T gặp Hờ Thị T đang đứng cạnh đường trên tay cầm 01 chiếc ủng màu xanh, T đứng lại nói chuyện và muốn quan hệ tình dục với Hờ Thị T, nhưng Hờ Thị T không đồng ý và bỏ chạy về hướng cống nước, T đuổi theo, Hờ Thị T chạy rất nhanh xuống khe suối ông K vừa chạy vừa la hét theo kiểu hoảng sợ. Tỉnh đuổi cách khoảng 04 mét thì không thấy Hờ Thị T đâu mà nghe thấy có tiếng vật gì rơi xuống thác đá, T tiến về gần thác đá nhìn xuống thấy Hờ Thị T nằm sấp, úp mặt xuống đất, hai tay để trên ngang đầu, hai chân duỗi thẳng. T nghĩ Hờ Thị T đã chết, hay choáng ngất, T sợ nên đã quay lại tìm lợn không xem Hờ Thị T thế nào. Đến 05 giờ chiều T đem theo chài đi hướng bờ sông rồi đi ngược lên chỗ Hờ Thị T nằm thấy Hờ Thị

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

T đã chết, T sợ liên quan đến mình nên đã cõng thi thể của Hờ Thị T xuống bờ sông N giấu thi thể Tùng vào bụi lau sậy dìm xuống nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên, không bổ sung thêm lời bào chữa của luật sư bào chữa. Trong lời nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giữ nguyên án sơ thẩm để bị cáo sớm trở lại cộng đồng và xã hội.

- Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên trình bày: Sau khi khởi tố vụ án, Điều tra viên được phân công thụ lý vụ án đã tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự như khám nghiệm hiện trường nơi phát hiện tử thi; khám nghiệm tử thi và thu thập các mẫu phẩm, nhu mô để trưng cầu giám định; tiến hành thực nghiệm điều tra theo mô tả, bản sơ đồ tự vẽ của bị cáo. Xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền cấp huyện nên đã đề xuất thay đổi quyết định khởi tố vụ án và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra cấp huyện tiến hành theo thẩm quyền.

- Điều tra viên Công an huyện M trình bày: Về các dấu vết trên cơ thể của bị cáo, lúc đó hồ sơ đã chuyển cho cơ quan điều tra Công an tỉnh nên điều tra viên chỉ đến kiểm tra và xem xét nơi bị cáo khai trèo cây chuối bị ngã dẫn đến có các vết trầy xước và chụp ảnh bằng điện thoại để tạo niềm tin cho bản thân; không lưu trong hồ sơ vụ án. Việc bị cáo thay đổi lời khai từ bị hại gạ tình sang bị cáo muốn quan hệ tình dục và đuổi bắt bị hại để quan hệ tình dục dẫn đến bị hại chết. Do cùng vị trí, cùng địa điểm địa nên cơ quan điều tra không tiến hành thực nghiệm điều tra lại.

- Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên trình bày: Tại Bản kết luận giám định số 67/GĐ-PC09 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *"...2. Nguyên nhân chết: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết nghĩ nhiều đến chết do ngạt cơ học. Làm các xét nghiệm để bổ sung cho kết luận này".* Sau khi đã có các xét nghiệm về mô bệnh học và độc chất phủ tạng của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, tại phiên tòa phúc thẩm giám định viên đề nghị bỏ từ *"Nghĩ nhiều"* trong kết luận giám định số 67 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và khẳng định: nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết của bị hại Hờ Thị T là do ngạt cơ học và giám định viên đã giải trình về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

1.1. Về tội *"Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 132/BLHS: Qua lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của người làm

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

chứng, Điều tra viên, giám định viên, đại diện hợp pháp của bị hại, luật sư bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vụ án xảy ra ngày 16/11/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có Quyết định khởi tố vụ án số 01 ngày 19/11/2018, khởi tố vụ án: *"Giết người"* và tiến hành các biện pháp nghiệp vụ điều tra. Ngày 01/12/2018, cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên có Quyết định số 58 thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự tội "*Giết người"* sang vụ án tội *"Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng"* và tội *" Xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt"*; ra Quyết định khởi tố bị can số 02 ngày 01/12/2018 đối với Vàng A T; đề nghị số 68 ngày 24/12/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh đề nghị chuyển vụ án hình sự và quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 26/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên để điều tra theo thẩm quyền.

Tại các biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị can từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/12/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và biên bản hỏi cung bị can tại cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên từ ngày 29/12/2018 đến biên bản hỏi cung bị can ngày 17/01/2019 bị cáo đều khai do Hờ Thị T gạ tình với bị cáo và khi di chuyển xuống cống mỗi tay Hờ Thị T cầm 01 chiếc ủng màu xanh vừa chạy vừa "lắc mông" và cười "haha".

Tuy nhiên, tại biên bản hỏi cung của cơ quan điều tra Công an huyện M từ ngày 24/01/2019 đến ngày 19/02/2019, bị cáo Vàng A T thay đổi lời khai từ việc người bị hại Hờ Thị T gạ tình sang bị cáo muốn quan hệ tình dục với bị hại nhưng không được sự đồng ý và bị cáo đuổi để bắt quan hệ tình dục, bị hại hoảng sợ, chạy rất nhanh, vừa chạy vừa kêu cứu qua bụi cây rậm rạp, bị cáo đuổi cách 04 mét thì không thấy bị hại đâu mà nghe có vật gì rơi xuống thác đá. Bị cáo từ trên nhìn xuống thì thấy bị hại nằm sấp úp mặt.

Sau khi khởi tố vụ án, ngày 18/11/2018 cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên tiến hành khám nghiệm hiện trường (kèm theo bản ảnh hiện trường). Vật chứng thu giữ liên quan đến vụ án gồm:

- 01 chiếc áo nữ dài tay màu vàng, áo trong tình trạng ướt, bẩn bị lộn trái.

- 01 chiếc ủng bên trái màu vàng, cỡ 40 trên ủng có nhiều bùn đất.

- 01 gậy gỗ dài 1,4 mét, đầu gỗ to nhất 02 cm; nhỏ nhất 1,5 cm; cách đầu gỗ nhỏ nhất 40 cm có một vết dập nát, xé toạc.

- 02 sợi tóc thu được từ đầu vết dập nát trên cây gậy gỗ.

- 01 sợi tóc thu được từ đế ủng màu xanh bên trái.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/11/2018 phát hiện và thu giữ, niêm phong vật chứng chiếc áo, chiếc gậy gỗ có dính 02 sợi tóc, chiếc ủng có

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

dính 01 sợi tóc là biên bản từ sau khi bị hại đã chết, *tại sao chiếc áo bị lộn ngược; gậy gỗ dính tóc; cọt tre có dính đất do trượt; bị hại không mặc quần lót, lẫn cả quần dài, chưa được làm rõ.*

Ngày 19/11/2018 cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi phát hiện tử thi Hờ Thị T (kèm theo bản ảnh hiện trường) và tiến hành khám nghiệm tử thi (kèm theo bản ảnh khám nghiệm tử thi). Cơ quan điều tra đã ra các quyết định trưng cầu giám định và đã có các kết luận giám định, xác định nguyên nhân chết, thời gian chết của bị hại.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định số 45 ngày 28/11/2018 quyết định thực nghiệm điều tra và ngày 29/11/2018 cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra theo hướng: Người bị hại "gạ tình" bị cáo lững thững theo sau. Khi bị cáo thay đổi lời khai, do bị cáo muốn quan hệ tình dục, không được bị hại đồng ý, bị cáo đuổi bắt bị hại để quan hệ tình dục, bị hại trong trạng thái hoảng sợ vừa chạy vừa la hét, kêu cứu chưa được cơ quan tiến hành tố tụng huyện M xem xét, đánh giá, việc bỏ chạy xuống cống thoát nước qua bụi rậm đến rơi xuống thác đá có phải là lối duy nhất không? Trong biên bản thực nghiệm điều tra và bản ảnh chưa thể hiện rõ tại sao bị hại lại rơi xuống thác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Điện Biên khẳng định: nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết của bị hại Hờ Thị T là do ngạt cơ học. Tại bản kết luận giám định số 67/GĐ-PC09 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

"3. ... Cơ chế hình thành vết thương:

+ Tổn thương da cơ vùng trán do vật cứng va đập với vùng trán với lực mạnh gây nên.

+ Tổn thương da cơ vùng hai mi mắt do vật cứng có cạnh va đập nhẹ với vùng mi mắt gây nên.

+ Các vết bầm tím, tụ máu ở: Cổ, cánh và cẳng tay phải, mặt sau cẳng tay trái và vùng lưng trên tử thi do vật cứng va đập nhẹ với các vùng này gây nên".

Giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề sau:

- Vật cứng ở đây có thể là vật gì? Chưa được xem xét qua hiện trường cụ thể nơi bị hại rơi xuống thác đá hay ngã lăn xuống thác.

- Các vết tổn thương trên người của bị cáo mới theo một chiều lời khai của bị cáo, chưa được kiểm chứng theo lời khai.

- Bị hại chết do ngạt cơ học được xác định trong thanh quản có bùn đất, cát thì chưa lấy mẫu đất cát nơi bị hại nằm úp để giám định xem đất, cát đó có trùng với đất bùn, cát trong khí quản bị hại không?

Vì vậy, cấp sơ thẩm cần điều tra lại những nội dung sau:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

+ Thực nghiệm điều tra vụ án theo hành vi Viện kiểm sát truy tố.

+ Xác định bị hại rơi xuống thác đá hay ngã lăn xuống thác đá.

+ Thu thập, phân tích, đánh giá mẫu đất, cát nơi bị hại nằm úp.

+ Xác định vật gây nên các vết thương, vật gây nên vết rách da trên trán trên cơ thể bị hại Hờ Thị T.

+ Tiếp tục truy tìm vật chứng của bị hại như găng tay, chiếc ủng, quần của bị hại.

1.2. Về tội *"Xâm phạm thi thể"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319/BLHS, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đến 17 giờ ngày 16/11/2018 bị cáo Vàng A T đến địa điểm khe ông K thuộc bản H, xã N1, huyện M, tỉnh Điện Biên, nơi mà buổi sáng bị cáo thấy bị hại Hờ Thị T nằm úp mặt, thấy Hờ Thị T đã chết. Bị cáo đã cõng bị hại Hờ Thị T đi xuống sông N, T lấy tóc và dùng dây lưng bằng vải buộc vào cây lau sậy để dìm xuống nước, giấu thi thể của Hờ Thị T vào bụi lau cạnh bờ sông. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Vàng A T phạm tội *"Xâm phạm thi thể"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319/BLHS là đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[2] Xét đơn kháng cáo của những người kháng cáo:

2.1. Về hình thức:

Đơn kháng cáo của Hờ A L (tên gọi khác: Hờ Chồng L), Vàng A P, Vừ Thị S, Vàng A P1; Vàng A L làm ngày 01/6/2019 được coi là hợp lệ theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.2. Nội dung kháng cáo.

- Đơn kháng cáo của Vàng A P1, Vàng A L, Vừ Thị S được bản án sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, họ chỉ được phép kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không có quyền kháng cáo toàn bộ bản án như đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

- Đơn kháng cáo của Hờ A L, Vàng A P kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, theo quy định tại Điều 331/BLTTHS được coi là hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp bị hại và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại; chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên và quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm: Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Tuyên bố: Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện M;
- VKSND huyện M;
- TAND huyện M;
- Phòng HCTP - Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Luật sư;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Sùng A Xà

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 587/2018/HS-PT
Ngày 17/10/2018

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 172/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Phan Đình Th do có kháng cáo của bị cáo Phan Đình Th, Phan Đình Th1 và đại diện của bị hại ông Đặng Thành Th2 kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Đình Th, sinh năm 1979, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: tổ 1, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Đình Đ, sinh năm 1955 và bà Võ Thị Th, sinh năm 1957; vợ tên Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1986; có 03 người con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/5/2017 (có mặt).

2. Phan Đình Th1 (Th1), sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố N, phường N1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Đình Đ, sinh năm 1955 và bà Võ Thị Th, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/10/2017 (có mặt).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Luật sư Võ Văn Tr – Văn Phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Địa chỉ: 63 Đường số 5, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị hại:*Anh Đặng Thành Q, sinh năm 1988 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đào Thị Kim H, sinh năm 1961 (mẹ của bị hại, có mặt)

Nơi cư trú: hẻm 121, đường Đ, khu phố N, phường N1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bà H ủy quyền cho anh Đặng Thành Th2, sinh năm 1983.(có mặt)

Nơi cư trú: hẻm 121, đường Đ, khu phố N, phường N1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Phạm Tuấn A – Văn phòng Luật sư Phạm Tuấn A, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/5/2017, Phan Đình Th, Phan Đình Th1 (tự Th1) cùng 2 người bạn là Nguyễn Thạch Tr và Phan Quốc Đ đến uống bia và hát Karaoke tại phòng số 6 quán "D" thuộc khu phố N2, phường N1, thành phố T. Trong khi hát Karaoke và uống bia, do sàm sở nên Đ bị một tiếp viên nữ cắn vào tay, thấy vậy Th xô lật bàn làm bể ly và vỏ chai bia rồi đi ra ngoài kêu Lê Ngọc H là quản lý quán đến để giải quyết. Lúc này, phòng số 5 bên cạnh có Đặng Thành Q, Đỗ Hữu Ph, Trương Văn Th3, Nguyễn Văn H và Võ Thành T đang uống bia và hát Karaoke. Khi nghe tiếng ly, chai đổ thì Q ra ngoài đến phòng số 6 nhìn Th và Th1. Th tưởng Q là bảo kê của quán "D" nên cự cãi, xô xát với Q, nhưng được H và những người đi cùng 02 nhóm can ngăn. Q kêu Th, Th1 ra ngoài đường nói chuyện, Q đi ra trước, đến cổng lấy 01 khúc cây cầm trên tay, còn Th1 tay cầm vỏ chai bia trong phòng số 6 đi ra sau.

Thấy Th1 một mình đi ra, Q liền cầm cây đánh Th1 nhưng không trúng nên Q cầm cây bỏ chạy. Lúc này Th lấy khúc cây chạy đến, thấy vậy T, Trong, Đ, H chạy ngăn cản 03 người không cho đánh nhau nên 2 người bỏ cây xuống đất. Giữa Th và Q tiếp tục cãi nhau, Th dùng tay đánh vào mặt Q 01 cái làm rách môi, chảy máu nên Q lấy một khúc cây dưới đất đánh 01 cái trúng vào đầu của Th và bỏ chạy. Th định rượt theo đánh Q nhưng được T ngăn lại kéo vào nhà xe. Riêng Th1 đứng gần cửa phía trong quán Karaoke "D" còn Q cầm cây đứng ở phía ngoài, hai bên tiếp tục cãi nhau. Q ném khúc cây về phía Th và Th1 rồi bỏ chạy. Th và Th1 đuổi theo, Th cầm cây từ phía sau đánh vào đầu Q 01 cái vào

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

vùng đầu làm Q ngã xuống đất, bất tỉnh; khi đánh Q xong Th vẫn cầm khúc cây lên xe mô tô của Trong nhờ chở về nhà. Trên đường Th đã vứt khúc cây gần cổng UBND phường N1, thành phố T. Q được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh đến 13 giờ 30 phút ngày 17/5/2017 thì tử vong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Đình Th và Phan Đình Th1 (Thanh) phạm tội "Giết người". Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Đình Th 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Đình Th1 (Thanh) 8 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 10/2/2018, đại diện của người bị hại kháng cáo bản án đã bỏ lọt tội phạm và yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Ngày 13/02/2018, bị cáo Phan Đình Th và Phan Đình Th1 (Thanh) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến: Kháng cáo của các bị cáo và gia đình bị hại trong hạn luật định. Nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người", thuộc trường hợp phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung "có tính chất côn đồ"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 93 của BLHS 1999, có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Đình Th1 08 năm tù về tội Giết người là phù hợp, tương xứng với mức độ và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Phan Đình Th xử phạt 16 năm tù là chưa tương xứng với mức độ và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đấm vào môi bị hại, dùng gậy đánh liên tục vào đầu hai cái, dẫn đến bị hại tử vong, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thể hiện tính chất côn đồ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Th xin giảm nhẹ, Th1 kêu oan, nhưng không có chứng cứ tình tiết nào chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với hình phạt của bị cáo Phan Đình Th1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Thành Th2 là đại diện hợp pháp cho bị hại tăng mức hình phạt đối với bị cáo Phan Đình Th từ 18 lên 20 năm tù về tội "Giết người".

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Th1. Bởi vì các chứng cứ kết tội Th1 không có cơ sở vì trích xuất hình ảnh từ trong camera không thể hiện bị cáo có đánh bị hại Q, việc bị cáo Th1 la lên đánh chết mẹ nó đi thì đây là lời khai của Thảo nhưng Thảo lại không có ở quán lúc xảy ra vụ việc, trong khi đó anh Tâm đang ôm bị hại Q để can ngăn lại không nghe câu đánh chết nó đi. Mặt khác vụ việc xảy ra năm 2017 nhưng ghi chú ngày, tháng có trong camera lại là năm 2010, hình ảnh và âm thanh trong camera cũng không có chứng cứ gì thể hiện Th1 là người có câu nói đánh chết mẹ nó đi, hay là đánh chết thằng Q rồi.

Trên cơ sở đó, có đầy đủ căn cứ để khẳng định rằng bị cáo Th1 không phạm tội "Giết người", mà chỉ phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Th1, cũng như xem xét vết thương thứ hai có phải do Th gây ra hay không.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho gia đình bị hại trình bày: Hồ sơ vụ án có đầy đủ chứng cứ thể hiện Th1 không chỉ là đồng phạm giúp sức mà còn là đồng phạm tích cực, bị cáo Th1 là người kích động vì thời điểm đó Th đã bị can ngăn vào nhà xe, khi Th1 la giết chết mẹ nó đi thì Th mới lao ra, thể hiện rất rõ trong camera. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, truy tố còn bỏ lọt tội phạm, bởi vì trong trong quán karaoke có 4 người cùng xông vào đánh bị hại Q, còn ở ngoài đường thì người làm chứng (bút lúc 162, 112, 156) khai rằng có 3 người đuổi theo đánh Q, chứ không phải là hai người. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện rõ bị cáo Th chỉ đánh 1 cái, vậy vết thương thứ 2 thì bị cáo Th hay là người thứ ba đánh chưa được làm rõ. Trên cơ sở đó tôi đồng ý với luật sư đồng nghiệp, đề nghị hủy bản án sơ thẩm điều tra lại để xác định ai là người gây ra vết thương thứ hai. Trường hợp không được chấp nhận, thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết các bị cáo không thành khẩn khai báo tại phiên tòa sơ thẩm và ngày hôm nay, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết thành khẩn để giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị tăng hình phạt bị cáo Th, Th1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo, đại diện cho gia đình bị hại kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.2] Đối với bị cáo Phan Đình Th:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th đã khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, là đã dùng cây đánh một cái vào đầu nạn nhân Đặng Thành Q, làm Q bị chết. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bởi các lý do như: bị hại có một phần lỗi khi trước đó đã dùng cây đánh vào người của bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo giúp cơ quan điều tra nhanh chóng giải quyết vụ án và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93 tuyên bố bị cáo Th phạm tội "Giết người" và điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 đã quyết định hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Đối với bị cáo Phan Đình Th1:

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội "Giết người" với vai trò đồng phạm giúp sức, bởi các lý do bị cáo không tham gia đánh bị hại, không có cầm vỏ chai bia đuổi đánh anh Q, không có hô hào, kích động có nội dung "Tụi nó kéo xuống nữa rồi, đánh chết mẹ nó" mà chỉ lao ra ôm anh Th (anh ruột của mình) để can ngăn, bị cáo không có bàn bạc với Th và không ý thức là sẽ đánh anh Q, cho nên không có câu nói "Tao đánh chết QN rồi".

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét hỏi, tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại các bản tường trình của nhân chứng Lê Ngọc H "BL 126, 127" có nội dung "tôi có nghe tiếng "***đánh chết nó đi***" tôi nghe rất giống tiếng của Thanh nói" có mâu thuẫn với các Biên bản lời khai của H (BL 131, 136) có nội dung "Tôi chạy ra thấy Q nằm bất tỉnh ở góc ngã tư…tôi nghe Thanh nói "***Tao đánh chết thằng QN rồi***", sau đó Th và Th1 được hai người đi chung chở đi". Mặt khác tại bản tường trình của chị Lê Ngọc Thanh Th5 (BL 138, 139) có nội dung "***tôi có thấy anh Q đứng ngoài đường trước tiệm tạp hóa, còn Th1 đứng trước cổng nhà tôi. Anh Q cầm cây nói lại là "mày lại đây", Th1 trên tay cũng cầm cây nói lại là "mày lại đây, tao đánh chết mẹ mày" 2 bên có nói qua lại nhưng không xảy ra chuyện gì***…"; tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai của chị Th5 ngày 16/5/2017, khi Điều tra viên hỏi chị có chứng kiến vụ đánh nhau không, thì chị Th5 trả lời "***tôi không chứng kiến việc đánh nhau tại quán karaoke D do lúc đó tôi không có ở nhà…***" và lời khai của chị Th5 tại BL 142 cũng có nội dung tương tự. Đồng thời lời khai của các nhân chứng khác cũng không thể hiện Th1 có những câu nói như trên, hình ảnh trích xuất từ camera không thể hiện và không ai chứng kiến Th1 tham gia rượt đánh bị hại.

Trong quá trình xét hỏi, bị cáo Phan Đình Th và luật sư bào chữa cho các bị cáo đều khẳng định chỉ có mình bị cáo Th tham gia rượt và đánh bị hại, không có bàn bạc, trao đổi trước với bị cáo Th1 về việc đánh chết bị hại; cho rằng mình chỉ nhất thời phạm tội do hành vi quá khích của bị hại, việc Th1 chạy tới là để can ngăn anh trai của mình chứ không hô hào, tham gia đánh nhau. Luật sư bào chữa cũng cho rằng việc Th1 cầm vỏ chai bia nhưng không tham gia không sử

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

dụng như là hung khí để tham gia đánh nhau, do đó không phải là hành vi phạm tội.

Vì vậy, Kết luận điều tra số 02/KLĐT-VPĐT ngày 24/11/2017 (BL 331) có nội dung "bị can Th1 cầm cây chạy vào bên trong cổng nhìn xung quanh tìm Th và la lên ***Tụi nó kéo xuống nữa rồi, đánh chết mẹ nó***" và tại phần nhận định của tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo là người tham gia, tuy không trực tiếp đánh vào người anh Q nhưng bị cáo có ý thức sẽ đánh anh Q và thực tế đã cầm cây đuổi theo anh Q nên phải chịu trách nhiệm. Từ đó áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93 tuyên bố bị cáo Th1 phạm tội "Giết người" là chưa có đủ căn cứ, chưa phù hợp với tình tiết xảy ra của sự việc và hành vi khách quan, yếu tố lỗi của bị cáo.

[2.3] Về kháng cáo của gia đình bị hại cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm:

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo Phan Đình Th chỉ thừa nhận chỉ đánh bị hại một cái, trong khi Kết luận giám định tử thi số 66/PY-2017 ngày 29//5/2017 (BL 43), văn bản số 504/PC54 ngày 20/9/2017 (BL 59) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây ninh, Bản ảnh chụp tử thi xác định có 2 vết thương trên đầu của nạn nhân. Nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã không điều tra làm rõ sự mâu thuẫn nêu trên, nhằm xác định 02 vết thương đó là do cùng 1 hung khí gây ra hay là do có người khác dùng hung khí khác gây ra.

Mặt khác, trong quá trình điều tra, truy tố còn bỏ lọt tội phạm, bởi vì trong trong quán karaoke có 4 người cùng xong vào đánh bị hại Q, còn ở ngoài đường thì người làm chứng (BL162, 112, 156) khai rằng có 3 người đuổi theo đánh Q, chứ không phải là hai người. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện rõ bị cáo Th chỉ đánh 1 cái, vậy vết thương thứ 2 thì bị cáo Th hay là người thứ ba đánh chưa được làm rõ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ về tội phạm, người phạm tội và những vấn đề phải chứng minh trong vụ án, nhằm giải quyết toàn diện, triệt để, những vấn đề còn có tồn tại trong việc thu thập chứng cứ làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án, nhất là việc điều tra, truy tố và xét xử lại đối với hành vi của bị cáo Phan Đình Th1 có phạm tội "Giết người" hay là tội "Gây rối trật tự công cộng".

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù các bị cáo không có ý kiến gì về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, tuy nhiên do bản án sơ thẩm bị hủy với những lý do nêu trên, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định cần phải hủy phần trách nhiệm dân sự nếu trong trường hợp phát hiện người phạm tội mới và bị cáo Th1 có thay đổi tội danh để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan.

Từ những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được; nên cần hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây ninh điều tra lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây ninh thụ lý lại vụ án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên **Đinh Ngọc Thu Hương** **Nguyễn Đắc Minh**

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2023/HS-PT
Ngày 16-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Trương Văn Lộc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và 16 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 97/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Ngô Hoài Â do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương .

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh B (tên gọi khác: C), sinh năm 1989, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 16 tháng 5 năm 2005, bị Chủ tịch Ủy bản nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" và "Gây rối trật tự công cộng" theo Quyết định số 743/QĐ-CT ngày 16 tháng 5 năm 2005; ngày 21 tháng 8 năm 2007, bị Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" theo Quyết định số 3199 ngày 21 tháng 8 năm 2007; ngày 07 tháng 4 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2010/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2010, bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 20 tháng 8 năm 2013; ngày 22 tháng 3 năm 2016, bị Tòa án

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2016/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 03 tháng 12 năm 2016 và án phí ngày 28 tháng 11 năm 2016; ngày 24 tháng 12 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2018/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018, chấp hành xong hình phạt ngày 24 tháng 12 năm 2019 và án phí ngày 07 tháng 3 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến nay (có mặt).

2. Ngô Hoài Â (tên gọi khác: I), sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07 tháng 10 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2010/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2010, bị cáo chấp hành xong án phí ngày 09 tháng 02 năm 2012; ngày 06 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2014/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28 tháng 10 năm 2014 và án phí ngày 30 tháng 12 năm 2014; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 10 năm 2022 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Ông Phùng Văn Hiệu – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Hitrust, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt)

Trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â có mối quan hệ là bạn với nhau. Ngày 09 tháng 5 năm 2022, Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â đến quán Karaoke M tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương để hát cùng với đối tượng tên T (không rõ nhân thân) và hai người bạn của T (không rõ nhân thân). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Lưu Quang V cũng đi đến quán karaoke M để hát và uống bia tại 01 phòng khác. Trong lúc hát karaoke, V đi ra nhà vệ sinh của quán và gặp B. Lúc này, B và V nảy sinh mâu thuẫn, V lấy một cây kim loại màu trắng trong nhà vệ sinh đánh B nên B dùng tay đánh lại. Cùng thời điểm này, Ngô Hoài Â, T và 02 đối tượng là bạn của T đi từ phòng hát ra nhìn thấy B đang đánh nhau với V nên cùng lao vào đánh V. Khi đánh, Â sử dụng cây lau nhà trong phòng vệ sinh còn hai đối tượng bạn T dùng tay chân. Bị nhóm của B đánh, V vứt lại cây

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

kim loại và bỏ chạy ra ngoài. Lúc này, Â cầm cây lau sàn nhà, B cầm cây kim loại màu trắng cùng với T và 02 đối tượng là bạn của T đuổi theo V để tiếp tục đánh. Tuy nhiên do V chạy đã xa nên nhóm của B quay lại quán M lấy xe mô tô đuổi theo V, còn V chạy hướng về phía quán dê P. Khi đến quán dê P, V thấy cạnh quán có một cây xẻng bằng kim loại dài 135cm, V cầm lấy xẻng và chạy ngược lại vị trí nhóm của B với mục đích đánh lại nhóm B. Tuy nhiên, khi V chạy quay lại thì bị trượt chân ngã xuống đường, cùng lúc này B, Â, T và 02 đối tượng (không rõ nhân thân) chạy đến dùng xẻng (lấy từ V), cây gỗ, cây kim loại đánh vào người, đầu của V gây thương tích. Sau khi đánh V xong, B, Â, T và 02 đối tượng (không rõ nhân thân) điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Còn V được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương để điều trị thương tích.

Vụ án được trình báo đến Công an phường V, Công an phường V tiếp nhận tin báo, lập hồ sơ và tạm giữ vật chứng của vụ án gồm: 01 cây xẻng bằng kim loại dài 135 cm, 01 xe mô tô biển số 61E1-xxx.xx. Sau đó, Công an phường Vĩnh T chuyển hồ sơ, vật chứng thu giữ cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 489/2022/GĐPY ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương kết luận: Lưu Quang V chấn thương đầu mặt: vết thương đầu vùng chẩm 5 x 0,3cm, vết thương thái dương phải 1,1 x 1cm, sẹo lành; chấn thương sưng bầm trán trái, máu tụ ngoài màng cứng trán trái, nứt sọ trán trái kích thước 6 x 0,1cm, đã điều trị nội khoa; chấn thương đầu cổ, sưng bầm mắt trái, đã lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lưu Quang V là 19%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Ngô Hoài Â 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Ngô Hoài Â có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thống nhất trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là không đúng, các bị cáo kháng cáo kêu oan. Bị cáo B và Â thừa nhận có đánh nhau với bị hại tại nhà vệ sinh của quán karaoke nhưng không gây thương tích cho bị hại, sau đó bị hại bỏ chạy thì 02 bị cáo cùng T và các đối

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tượng khác là bạn của T có đuổi theo bị hại nhưng do không đuổi kịp nên B và Â đã dừng lại, chỉ T và các người bạn của T đuổi theo dùng xẻng đánh bị hại gây thương tích.

Bị cáo B và Â xác định các bị cáo không phải là người gây thương tích cho bị hại V, người gây thương tích cho bị hại là người tên T (không biết lai lịch) và 02 người bạn của T (không biết tên, lai lịch). Đồng thời, bị cáo B khai trong các biên bản hỏi cung bị can có trong hồ sơ thì biên bản hỏi cung lúc 20 giờ 20 phút ngày 01 tháng 10 năm 2022 là không đúng sự thật, bị cáo không được hỏi cung, không được nhìn thấy, không ký vào biên bản vì thời điểm đó bị cáo đang bị bắt giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm: Khi bị cáo B xảy ra mâu thuẫn và xô sát với bị hại V thì bị cáo Â cùng T và 02 bạn của T chạy đến hỗ trợ. Các bị cáo B, Â cùng 03 đối tượng nêu trên dùng cây kim loại, cây lau nhà, tay, chân đuổi đánh bị hại V chạy từ trong quán karaoke M ra ngoài đường thì vẫn tiếp tục chạy bộ, điều khiển xe mô tô đuổi theo. Trên đường chạy khỏi quán karaoke, bị hại V nhặt cây xẻng tại công trình xây dựng quay lại đánh trả, nhưng chưa đánh được đã bị trượt ngã nên các bị cáo B, Â cùng 03 đối tượng cầm cây kim loại, cây lau nhà, tay, chân đánh bị hại nhiều cái gây thương tích cho bị hại với tổng tỷ lệ thương tật do thương tích gây nên là 19% nên các bị cáo B, Â phải cùng chịu trách nhiệm chung với hành vi này. Việc các bị cáo B, Â cho rằng không cùng đối tượng khác đánh bị hại V bằng cây xẻng gây thương tích đối với bị hại thể hiện sự không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, bởi lẽ những người làm chứng và bị hại V đều xác định trong nhóm đối tượng đánh bị hại thì có các bị cáo B và Â. Ngoài ra, khi thấy sự việc người làm chứng ông Lê Minh L đã sử dụng điện thoại để ghi hình lúc các bị cáo cùng các đối tượng đánh bị hại và tẩu thoát**.** Các đoạn video xác định tại quán karaoke M, bị cáo B dùng tay, chân đánh bị hại V, bị cáo Â dùng cây lau nhà đánh bị hại V và đuổi theo bị hại ra khỏi quán karaoke đầu tiên, tiếp theo sau bị cáo Â là bị cáo B cũng cầm cây kim loại, các bị cáo cũng là người cầm cây kim loại màu sáng, cây lau nhà (bản hình chữ nhật màu sáng) cùng đánh bị hại V ở ngoài đường và tẩu thoát.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc thu thập, điều tra chưa đầy đủ và làm rõ một số vấn đề sau: Qua kiểm tra trích xuất 02 đoạn video mà ông L cung cấp thể hiện có nhóm đối tượng điều khiển 02 xe mô tô bật đèn chiếu sáng, sử dụng xẻng, cây gỗ, cây kim loại đánh nhiều cái liên tiếp vào cơ thể của bị hại, khi bị hại đã té ngã lăn lộn nhiều vòng trên mặt đường nhựa thì các đối tượng đã bỏ đi. Hành vi của nhóm đối tượng nêu trên cho thấy cường độ tấn công quyết liệt vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại V và chỉ khi có người chạy về phía bị hại và truy hô thì nhóm đối tượng này mới bỏ chạy. Điều này thể hiện ý thức muốn tước đoạt tính mạng của bị hại và bỏ mặc hậu quả xảy ra, việc bị hại V không chết là ngoài ý muốn của nhóm đối tượng (trong đó có các bị cáo B và Â). Ngoài ra, tại lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Công an phường V của người làm chứng ông Lê Quảng N (làm việc tại quán dê P) khai

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nhận có 04 đối tượng chạy bộ và đi xe mô tô đuổi theo bị hại V. Nhóm đối tượng có hành vi tông xe mô tô vào người, làm bị hại V ngã xuống đường và có 02 người thành niên cầm cây, xẻng đánh vào vùng đầu của bị hại dẫn đến bị hại V nằm bất động. Đây là lời khai người làm chứng (đứng cách hiện trường 02 mét) có ý nghĩa quan trọng để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện đầy đủ đúng quy định của pháp luật nhưng chưa được cấp sơ thẩm triệu tập, tiếp tục điều tra làm việc đối với lời khai nêu trên. Đồng thời, trong đoạn video do ông N cung cấp ghi lại diễn biến sự việc đánh nhau tại trước quán dê P thì có 08 người làm chứng có mặt ở trong quán và lề đường trước quán nhìn thấy sự việc đánh nhau nhưng cấp sơ thẩm chỉ tiến hành lấy lời khai ban đầu của ông N mà chưa tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người làm chứng khác cùng chứng kiến để làm rõ hành vi phạm tội của nhóm đối tượng là thiếu sót nghiệm trọng trong việc thu thập chứng cứ, tài liệu trong vụ án và có dấu hiệu về bỏ lọt tội phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để đảm bảo giải quyết vụ án được toàn diện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Hồ sơ vụ án có nhiều điểm sai sót về mặt tố tụng mà Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét cụ thể như sau: Thứ nhất, trong hồ sơ vụ án có Biên bản hỏi cung ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thanh B (Bút lục số 116), đây là chứng cứ quan trọng, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ. Tuy nhiên, biên bản nêu trên có nhiều điểm bất thường, chưa đúng với quy định của pháp luật như thời gian hỏi cung trùng với cơ quan công an lập biên bản giao nhận Quyết định phê chuẩn lệnh bắt bị can và đọc lệnh bắt bị can để tạm giam (Bút lục số 112), hay tại các phiên tòa, bị cáo B xác định Cơ quan điều tra không thực hiện việc lấy lời khai tại thời điểm bị bắt, không được tiếp cận cho đến khi Tòa án sơ thẩm công bố. Thứ hai, các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm thực hiện hoạt động nhận dạng chưa đúng và chưa khách quan, vi phạm Điều 190 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bởi lẽ Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát sử dụng lời khai của người làm chứng ông Lê Quảng N làm căn cứ buộc tội các bị cáo nhưng không cho ông N nhận dạng các bị cáo có phải là những người đã tham gia cùng nhóm gây thương tích cho bị hại V vào ngày 09 tháng 5 năm 2022 hay không. Đồng thời, theo Quyết định phân công Điều tra viên, cán bộ Điều tra số 219 ngày 17 tháng 9 năm 2022 (Bút lục số 91) của phó thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T, Quyết định phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án nêu trên gồm: Điều tra viên Mai Huy T; Điều tra viên Lê Anh T; Cán bộ điều tra Nguyễn Phong H, cán bộ điều tra Trần T. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra tại biên bản hỏi cung bị can B (Bút lục số 172) lại để cán bộ điều tra Nguyễn Hồng P tham gia hỏi cung trong khi ông P chưa được phân công tham giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong hoạt động điều tra. Thứ ba, lời khai của những người làm chứng trong vụ án không thống nhất, cụ thể: lời khai của người làm chứng là ông Lê Minh L và ông Lê Quảng N có nhiều điểm mâu thuẫn về số

lượng người tham gia đánh bị hại, diễn biến hành vi của nhóm người đánh bị hại,… nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không cho đối chất làm rõ mà sử dụng những lời khai mâu thuẫn này làm căn cứ buộc tội các bị cáo là thiếu thuyết phục, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, cất nhắc thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Â và B.

Bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Ngô Hoài Â thống nhất với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của các bị cáo bởi lẽ các bị cáo không đánh bị hại V gây thương tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo đủ cơ sở kết luận: Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại quán Karaoke M tại phường V, bị hại Lưu Quang V xảy ra mâu thuẫn với bị cáo Nguyễn Thanh B. Sau đó giữa bị hại V, bị cáo B và bị cáo Â xảy ra đánh nhau. Bị cáo B, Â và 03 đối tượng khác sử dụng cây lau nhà, cây kim loại, tay, chân đuổi đánh bị hại chạy ra khỏi quán M. Khi bị hại chạy đến quán dê P thì nhặt một cây xẻng bằng kim loại và chạy ngược lại thì bị trượt chân ngã xuống đường và bị nhóm các đối tượng trên dùng xẻng (lấy từ bị hại V), cây gỗ, cây kim loại đánh vào người, đầu của bị hại. Hậu quả bị hại Lưu Quang V bị vết thương đầu vùng chẩm 5 x 0,3cm, vết thương thái dương phải 1,1 x 1cm, sẹo lành; chấn thương sưng bầm trán trái, máu tụ ngoài màng cứng trán trái, nứt sọ trán trái kích thước 6 x 0,1cm; chấn thương đầu cổ, sưng bầm mắt trái; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại V là 19%.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh B, Ngô Hoài Â có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo kháng cáo kêu oan. Lời khai các bị cáo Nguyễn Thanh B, Ngô Hoài Â tại phiên tòa không có sự thống nhất với lời khai của bị hại Lưu Quang V, những người làm chứng và quá trình điều tra, cụ thể: lời khai của bị hại V và người làm chứng Lê Minh L (người đứng cách nơi xảy ra sự việc khoảng 50m) xác định bị 05 người đánh tại trước quán dê dẫn đến bị hại bị thương tích, trong số 05 người đánh có B và Â. Ngoài ra, các video clip đã ghi lại sự việc đánh nhau giữa B, Â với bị hại tại quán karaoke, sự việc B, Â và một số đối tượng khác đuổi theo bị hại ra khỏi quán karaoke, sự việc có một nhóm thanh niên điều khiển 02 xe mô tô trên đường đuổi theo bị hại, ghi lại sự

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

việc nhóm thanh niên đánh bị hại bằng hung khí một cách quyết liệt trong khi bị hại bị té ngã nằm dưới đất. Tuy nhiên, các bị cáo B và Â không thừa nhận các bị cáo có mặt và đánh bị hại trước quán dê Phan Thành Đạt 2.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy để làm rõ hơn hành vi phạm tội của các bị cáo cần thiết phải làm việc, ghi lời khai của người làm chứng quan trọng là ông Lê Quảng N (người đứng cách nơi sự việc khoảng 2-3m) và một số người khác có mặt tại hiện trường. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chỉ lấy lời khai ban đầu của ông N, từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Cơ quan điều tra không lấy lời khai của ông N để làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án.

[4] Tại hồ sơ vụ án có 01 biên bản hỏi cung bị can Nguyễn Thanh B vào lúc 20 giờ 20 phút ngày 01 tháng 10 năm 2022 có nội dung bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi đánh gây thương tích cho bị hại tại trước quán dê P. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo xác định Cơ quan điều tra không thực hiện hỏi cung bị can vào ngày giờ nêu trên, bị cáo cũng không được tiếp cận, đọc và không ký tên vào biên bản. Xét thấy đây là chứng cứ quan trọng, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ tính pháp lý của biên bản hỏi cung này.

[5] Ngoài ra, theo nội dung vụ án như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T thì cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â về tội "cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp, bởi lẽ: các bị cáo sử dụng xẻng, cây kim loại, cây gỗ đánh nhiều cái vào vùng trọng yếu (vùng đầu) của bị hại trong khi bị hại đã bị té ngã, lăn nhiều vòng dưới đất, các bị cáo tấn công với cường độ quyết liệt trong khi tương quan lực lượng bị hại là người yếu thế, đến khi có người truy hô, can ngăn thì các bị cáo mới dừng lại, bỏ mặc hậu quả xảy ra, việc bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh B, Ngô Hoài Â, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo cho rằng cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi của các bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không xem xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh B, Ngô Hoài Â; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2023/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để điều tra lại.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â tính từ ngày tuyên án đến ngày Viện kiểm sát nhân dân thành phố T thụ lý lại vụ án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Hoài Â không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (4);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, ĐHN, 25.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Cao Huy Cường

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HSPT
Ngày 22 - 06 - 2018

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Bà Lê Hồng Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2018/HSPT ngày 16 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thế D. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

- *Bị cáo bị kháng nghị*: Nguyễn Thế D, sinh năm 02/01/1999; tại Kiên Giang; Thường trú: Khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L1, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/11/2017 và được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/03/2018. (bị cáo có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị hại Trần Trọng T; người bị nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế D, Nguyễn Tuấn A, Hà Anh T1 và Trần Trọng T2 là học sinh trường Cao đẳng nghề Lilama II thuộc ấp T, xã L1, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/11/2017, D có hành động trêu ghẹo, hôn vào má của Trần Huỳnh T3 học cùng trường, sau đó T3 đăng lên mạng xã hội Facebook nội dung chửi D. Tuấn A vào bình luận và "tag" T2 vào với nội dung "có người ghẹo ghẹ của mày kìa, mai đánh nó cho tao". T2 nảy sinh ý định đánh D trả thù nên nhắn tin cho Nguyễn N học cùng lớp với D hỏi D có đi học vào buổi chiều không, N trả lời không biết. Đến khoảng 11 giờ ngày 08/11/2017 T2 lấy 01 cây ba trắc bằng sắt dài khoảng 60cm bỏ vào cặp mang theo đánh D. N nhắn tin thông báo cho D "mày đi học cẩn thận có người cầm hàng chơi mày đó". D nghĩ T2 sẽ tìm mình để đánh nên mang theo 01 con dao Thái Lan cán gỗ dài 21cm, bản rộng 2,5cm để trong cặp để tự vệ.

Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày, T2 lấy cây ba trắc mang theo rủ Hà Anh T1, Nguyễn Tuấn A và một số người khác đến lớp D để đánh nhau, cả nhóm đồng ý. Khi T2 đến lớp D, D liền lấy dao giấu từ trong cặp nhét vào tay áo bên trái. T2 cầm ba trắc đi vào lớp hỏi "D là thằng nào", D trả lời "Tao D đây" thì lập tức T2 dùng cây ba trắc nhắm đánh thẳng vào đầu D nhưng D né được nên trúng vào vai trái của D, D liền cúi đầu xuống và rút dao trong tay áo đâm trúng vào bên hông ngực phải của T2. T2 bỏ chạy ra ngoài thì T1 dùng chân đạp vào người của D, D dùng dao đâm trúng vào bụng của T1. Sau đó, T2 và T1 được đưa đi bệnh viện cấp cứu, D đến công an xã L1 đầu thú.

Hà Anh T1 có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Thế D.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 0925/GĐPY/2017 ngày 10/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai kết luận thương tích của Trần Trọng T2 với tỷ lệ thương tật 38%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Khoản 1 Điều 106; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 Điều 136, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế D 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/3/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có quyết định kháng nghị số 52/QĐ-VKS kháng nghị phúc thẩm một phần bản án sơ thẩm đền nghị áp dụng khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ và xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L; thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tự vệ quá mức cần thiết và tuyên xử tội danh "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo điều 106 BLHS 1999 (Điều 136 BLHS 2015) là không chính xác; Hành vi của bị cáo Nguyễn Thế D thể hiện có sự chuẩn bị hung khí ngay từ đầu khi biết tin mình sẽ bị gây sự và sẵn sàng chống lại khi bị đánh nên mang dao bỏ trong cặp từ nhà đến trường và khi đang ngồi trong lớp biết được bị hại T2 tìm mình gây sự nên D đã lấy dao ra để trong tay áo. Khi bị T2 tấn công thì D né tránh nên chỉ trúng vào vai không gây thương tích gì. Lúc này ngay lập tức D cúi người xuống lấy dao ra đâm về phía trước trúng vào hông ngực phải của T2 nên tính bỏ chạy; Lúc này Hà Anh T1 và Nguyễn Tuấn A là bạn T2 xông vào đánh D; Hà Anh T1 đạp vào người của D nên bị D xông đến đâm vào bụng gây thương tích. Hà Anh T1 và Tuấn A bỏ chạy. D tiếp tục đuổi theo nhưng không kịp nên quay lại lớp học; T2 và Hà Anh T1 được đưa đi cấp cứu. Sau đó, D đến công an xã đầu thú. Hành vi trên của Nguyễn Thế D đã cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định khoản 1, 3 Điều 134 BLHS 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố là có căn cứ. Vì vậy kháng nghị của VKSND huyện L là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ và chưa chặt chẽ như chưa làm rõ nguồn gốc hung khí là 02 con dao thu giữ tại nhà vệ sinh thuộc tầng 4 của trường Lilama II; hồ sơ không tiến hành dựng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

lại hiện trường; không thực nghiệm điều tra; không tiến hành nhận dạng, đối chất lời khai của các bị hại, bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan và nhân chứng để làm rõ hành vi của bị cáo là cố ý gây thương tích hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 358 BLTTHS 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy án giao về cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo hướng bị cáo phạm tội " Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 3 Điều 134 BLHS 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thế D khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 3, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HS-ST ngày 06/03/2018, Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Khoản 1 Điều 106; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 Điều 136, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế D 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo không kháng cáo. Không đồng ý với bản án cấp sơ thẩm đã xét xử nên Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã có quyết định kháng nghị số 52/QĐ-KN ngày 19/03/2018 đối với một phần bản án sơ thẩm về việc áp dụng khoản, điều luật và hình phạt nêu trên và đề nghị xét xử lại hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thế D theo tội "Cố ý gây thương tích" tại khoản 3 Điều 134 BLHS 2015 và tăng mức hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thế D gây ra thương tích cho bị hại Trần Trọng T2 và Hà A là có thật. Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Xuất phát từ việc Nguyễn Thế D có hành vi trêu ghẹo bạn gái của T2 là Trần Huỳnh T3 nên T2 rủ Hà Anh T1 và Nguyễn Tuấn A đến lớp 11A[5] của D để đánh D. D biết được tin này do bạn học cùng lớp là Nguyễn N nhắn tin cho D. Do đó, D biết trước được rằng T2 sẽ tìm cách đánh mình nên khi đi học đã mang theo 01 con dao Thái lan cán gỗ dài 21 cm, bản rộng 2,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại bỏ vào cặp để tự vệ. Đến 12 giờ 15 phút, khi D đang ngồi trong lớp học nghe tiếng đi lại ngoài hành lang của lớp nói "Thằng D là thằng nào" thì D lấy dao trong cặp ra giấu vào trong tay áo bên trái. Khi T2 cùng Hà Anh T1 và Nguyễn Tuấn A vào lớp T2 cầm cây ba trắc hỏi "D là thằng nào" thì D đứng dậy và trả lời "Tao D đây" thì T2 cầm cây ba trắc đánh D từ trên xuống, D né tránh chỉ trúng vai nhưng không gây thương tích gì. Ngay lập tức D cúi đầu xuống lấy dao từ trong tay áo ra đâm trúng vào bên hông ngực phải của T2, T2 bỏ chạy; Hà Anh T1 và Nguyễn Tuấn A xông vào đánh D, Hà Anh T1 đạp vào người D thì D đâm T1 vào bụng nên T1 và Tuấn A bỏ chạy. D tiếp tục đuổi theo nhưng không kịp thì quay về lớp. Sự việc sau đó T2 và Hà Anh T1 được đưa đi cấp cứu. D đến Công an xã L1 đầu thú.

Từ nội dung nêu trên cho thấy bản thân bị cáo Nguyễn Thế D đã có ý thức từ trước khi biết tin mình sẽ bị đánh và chuẩn bị hung khí để phòng thân, khi T2 cùng bạn đến gây sự thì D sẵn sàng đối phó (lấy dao ra giấu trong tay áo); khi bị tấn công D né tránh được nhưng không bỏ chạy mà dùng dao tấn công lại ngay; khi T2 bị thương bỏ chạy, Hà Anh T1 và Tuấn A tiếp tục tấn công D thì D đánh lại và gây thương tích cho Hà Anh T1. Sau đó Hà Anh T1 và Tuấn A bỏ chạy D còn tiếp tục đuổi theo. Lẽ ra, khi bị gây sự D có thể thực hiện hành vi khác như báo cho nhà trường can thiệp trước, hoặc khi bị tấn công thì né tránh, bỏ chạy vì lớp học lúc này rộng, không có nhiều người nhưng D không làm vậy mà trực tiếp đương đầu đánh lại T2, Anh T1 và Tuấn A thể hiện tính hung hăng, bất chấp pháp luật. Do đó, hành vi gây ra thương tích cho T2 và Tuấn A đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ. Bản án sơ thẩm nhận định hành vi của bị cáo là quá mức cần thiết đối với hành vi tấn công của phía bị hại và xét xử về tội "Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" là không chính xác vì bản thân bị cáo lúc này cũng chưa bị gây thương tích gì. Mặt khác, về tuổi đời thì bị cáo lớn tuổi hơn và đã thành niên có đầy đủ nhận thức hơn so với bị hại còn ở tuổi chưa thành niên (T2 sinh 2001 và Tuấn A sinh 03/12/ 2000). Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát về tội danh là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ hồ sơ Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ, chưa làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo tại thời điểm gây án là có phòng vệ chính đáng hay không; không tiến hành thực nghiệm điều tra,

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

dựng lại hiện trường, chưa làm rõ hung khí là 02 con dao thu được tại nhà vệ sinh tầng 4 Trường Lilama II là của ai; không tiến hành nhận dạng, đối chất lời khai của các bị hại, bị cáo, người có liên quan và nhân chứng; điều tra làm rõ lời khai của nhân chứng Lê Hoàng H (BL 75,76), Nguyễn Tuấn A (BL 59, 60) về 02 con dao thu được tại hiện trường và một số nhân chứng đứng xem đánh nhau trước cửa lớp 11A5. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ điều tra bổ sung và làm rõ thêm trước khi đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy đinh tại điểm c khoản 2 Điều 358 BLTTHS 2015 mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy án giao về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hình phạt và áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thế D xảy ra trước thời điểm Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, thời điểm xét xử bị cáo (ngày 06/03/2018) Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật và hành vi bị cáo phạm vào điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù là nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 (từ 05 – 15 năm). Do đó áp dụng luật mới theo hướng có lợi cho bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 nên cần xem xét giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, do hủy án về tội danh nên không đề cập đến hình phạt trong vụ án này.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 52/QĐ-VKS ngày 19/03/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Giao trả hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L (2);
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lượng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

FDVN LAW FIRM

Facebook LUẬT SƯ FDVN

Facebook Lawyer for foreigners in Vietnam

Kênh Youtube FDVN Channel

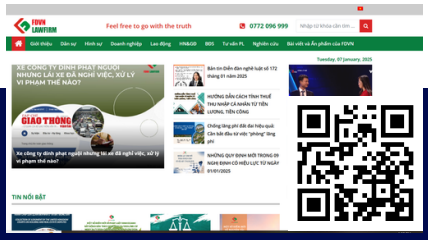

Website LUẬT SƯ FDVN
fdvn.vn

Website FDVN LAW FIRM
fdvnlawfirm.vn

Website Diễn đàn nghề luật
diendannghеluat.vn

Luật sư FDVN tại Đà Nẵng

Tầng 2, Toà nhà Thư Dung Plaza, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Luật sư FDVN tại TP. Hồ Chí Minh

146 Hoàng Hoa Thám, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư FDVN tại Hà Nội

Phòng 301, tầng 03, số 63 Vũ Ngọc Phan, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Luật sư FDVN tại Huế

366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, thành phố Huế.

Luật sư FDVN tại Nghệ An

1421 Nguyễn Tất Thành, phường Quỳnh Mai, Nghệ An.

Tầng 2, tòa nhà Cửa Tiền Phố, đường Hồ Hữu Nhân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Luật sư FDVN tại Gia Lai

Số 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn